

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ
HỘI

HOÀNG BÍCH DIỆP

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 4 THĂNG LONG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

HÀ NỘI - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ
HỘI

HOÀNG BÍCH DIỆP

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 4 THĂNG LONG**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số : 60340301

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. VŨ ĐÌNH HIỀN

HÀ NỘI - 2017



LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bản Luận văn này là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn này hoàn toàn trung thực và có nguồn gốc rõ ràng. Các đánh giá, kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất cứ công trình nào khác.

Tác giả luận văn

Hoàng Bích Diệp



LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình học tập và làm luận văn thạc sỹ tại trường Đại học Lao động - xã hội, bên cạnh sự nỗ lực của bản thân, tôi đã được sự giảng dạy và hướng dẫn nhiệt tình của các thầy cô giáo. Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới TS. Vũ Đình Hiền, người đã tận tình, chu đáo hướng dẫn tôi trong suốt quá trình tôi học tập, nghiên cứu để tôi hoàn thành đề tài.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn tới tất cả những thầy cô giáo đã giảng dạy và giúp đỡ tôi trong suốt khóa học. Tôi cũng xin cảm ơn các anh chị Ban lãnh đạo cũng như các phòng ban tại công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long đã giúp đỡ và hỗ trợ tôi rất nhiều trong quá trình thực hiện luận văn.

Mặc dù đã nỗ lực hết mình trong học tập, nghiên cứu nhưng luận văn không tránh khỏi những thiếu sót và khiếm khuyết. Tôi rất mong nhận được những góp ý từ những nhà khoa học để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện đề tài hơn nữa.

Xin chân thành cảm ơn!

Tác giả luận văn

Hoàng Bích Diệp



MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	vii
DANH MỤC BẢNG BIỂU	viii
DANH MỤC SƠ ĐỒ	ix
Chương 1. GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU	1
1.1. Tính cấp thiết của đề tài	1
1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài	3
1.3. Mục đích nghiên cứu	5
1.4. Câu hỏi nghiên cứu	5
1.5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	5
1.6. Phương pháp nghiên cứu	6
Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP	7
2.1. Bản chất, vai trò, nhiệm vụ của kế toán quản trị chi phí sản xuất	7
2.1.1. Bản chất của kế toán quản trị chi phí sản xuất	7
2.1.2. Vai trò của kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp	11
2.2. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp xây lắp và ảnh hưởng của nó đến kế toán quản trị chi phí sản xuất	12
2.3. Nội dung kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp	15
2.3.1. Phân loại chi phí sản xuất	15
2.3.2. Xây dựng định mức và lập dự toán chi phí sản xuất	21
2.3.3. Xác định chi phí cho các đối tượng và trung tâm chi phí sản xuất	28



2.3.4. Phân tích biến động chi phí để kiểm soát chi phí sản xuất	30
2.3.5. Xây dựng hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất	33
2.3.6. Phân tích thông tin chi phí để ra quyết định	35
2.3.7. Các mô hình kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp xây lắp	38
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	41
Chương 3. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 4 THĂNG LONG	42
3.1. Tổng quan về công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long	42
3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long	42
3.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long	43
3.1.3. Đặc điểm tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long	45
3.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long	47
3.2. Thực trạng kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long	51
3.2.1. Phân loại chi phí sản xuất	51
3.2.2. Thực trạng xây dựng định mức và lập dự toán chi phí sản xuất tại công ty	52
3.2.3. Thực trạng xác định chi phí cho các đối tượng và trung tâm chi phí sản xuất tại công ty	58
3.2.4. Phân tích biến động chi phí để kiểm soát chi phí sản xuất tại công ty	64
3.2.5. Xây dựng hệ thống báo cáo quản trị chi phí sản xuất	65
3.2.6. Thực trạng phân tích thông tin chi phí để ra quyết định tại công ty	66

3.3. Đánh giá thực trạng kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long 67

3.3.1. Những kết quả đạt được 67

3.3.2. Những tồn tại 68

3.3.3. Những nguyên nhân của thực trạng trên 73

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3 75

Chương 4. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 4 THĂNG LONG 76

4.1. Sự cần thiết, yêu cầu và các nguyên tắc hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long 76

4.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán quản trị tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long 76

4.1.2. Những yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long 77

4.1.3. Nguyên tắc hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long 79

4.2. Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long 82

4.2.1. Hoàn thiện việc phân loại chi phí sản xuất phục vụ cho quản trị doanh nghiệp 82

4.2.2. Hoàn thiện phân tích biến động chi phí để kiểm soát chi phí sản xuất. 84

4.2.3. Hoàn thiện hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất 88

4.2.4. Hoàn thiện phân tích thông tin chi phí để ra quyết định 92

4.2.5. Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán quản trị 94



4.3. Một số điều kiện thực hiện các giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại các doanh nghiệp xây lắp	96
4.3.1. Đối với Nhà nước và các cơ quan chức năng	96
4.3.2. Đối với doanh nghiệp	97
KẾT LUẬN CHƯƠNG 4	100
KẾT LUẬN	101
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	103
Phụ lục	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
KTQT	Kế toán quản trị
BXD	Bộ Xây dựng
BTC	Bộ Tài chính
CPNVLTT	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
CPNCTT	Chi phí nhân công trực tiếp
CPSX	Chi phí sản xuất
GTGT	Giá trị gia tăng
KLXL	Khối lượng xây lắp
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TK	Tài khoản
TSCĐ	Tài sản cố định



DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1 - Phân tích điểm hòa vốn	36
Biểu 4.1 - Phân loại chi phí sản xuất xây lắp theo cách ứng xử của chi phí	83
Biểu 4.2 - Báo cáo chi phí	89
Biểu 4.3 - Báo cáo chi phí sản xuất	90
Biểu 4.4 - Báo cáo giá thành	91
Biểu 4.5 - Quá trình cung cấp thông tin trong doanh nghiệp xây lắp	92



DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1 - Quá trình tập hợp chi phí sản xuất theo công trình	29
Sơ đồ 2.2 - Tổ chức bộ máy theo mô hình kết hợp	38
Sơ đồ 2.3 - Tổ chức bộ máy theo mô hình tách biệt	38
Sơ đồ 2.4 - Tổ chức bộ máy theo mô hình hỗn hợp	39
Sơ đồ 3.1 - Mô hình tổ chức quản lý của Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long	46
Sơ đồ 3.2 - Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long	48
Sơ đồ 3.3 - Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	49
Sơ đồ 3.4 - Trình tự kế toán máy theo hình thức Nhật ký chung	50



Chương 1

GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1.1. Tính cấp thiết của đề tài

Giữ vai trò là một công cụ quản lý kinh tế quan trọng, một bộ phận cấu thành hệ thống các công cụ quản lý, căn cứ vào đối tượng sử dụng thông tin kế toán, hệ thống kế toán được phân định thành kế toán tài chính và kế toán quản trị. Kế toán quản trị là khoa học thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh một cách cụ thể, phục vụ cho nhà quản lý trong việc lập kế hoạch, điều hành, tổ chức thực hiện và ra quyết định quản lý hoạt động kinh tế tài chính trong nội bộ doanh nghiệp. Kế toán quản trị không chỉ thu nhận xử lý cung cấp các thông tin về các hoạt động kinh tế đã hoàn thành, đã ghi chép mà còn thực hiện việc thu thập, xử lý, phân tích các dự toán phục vụ cho việc ra quyết định quản lý đúng đắn.

Kế toán quản trị là một bộ phận của công tác kế toán nói chung, là một công cụ quản lý không thể thiếu được đối với công tác quản trị nội bộ doanh nghiệp, đặc biệt là đối với công tác quản lý chi phí, giám sát thực hiện các chức năng quản trị nguồn lực. Thông qua kế toán quản trị, các thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp được trình bày, diễn giải một cách cụ thể, tỷ mỉ, đáp ứng yêu cầu quản lý theo từng chỉ tiêu chi tiết, từng bộ phận trong doanh nghiệp và là cơ sở cho các nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn trong quá trình điều hành doanh nghiệp.

Mặt khác, trong những năm gần đây, với sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước cùng với xu hướng hội nhập, các mô hình tập đoàn sản xuất kinh doanh, các công ty xuyên quốc gia, đa quốc gia hình thành và phát triển ngày càng nhiều tạo ra sự cạnh tranh quyết liệt giữa các công ty không chỉ dừng ở phạm vi trong nước mà cả ở tầm quốc tế. Chính vì vậy, đòi hỏi các công ty, các doanh nghiệp không ngừng



cải tiến và từng bước hoàn thiện công tác kế toán nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, nhu cầu cung cấp thông tin.

Tuy nhiên, hiện tại kế toán quản trị vẫn đang là một vấn đề còn mới mẻ, chưa thực sự được quan tâm, việc nhận thức về bản chất, nội dung, vai trò của kế toán quản trị còn nhiều quan điểm khác nhau, do đó việc tổ chức kế toán quản trị trong các doanh nghiệp nói chung và trong Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long nói riêng chưa được quan tâm đúng mức, các doanh nghiệp còn nhiều lúng túng trong việc xác định mô hình, cách thức tổ chức cũng như nội dung của kế toán quản trị.

Trong các đơn vị xây lắp, quản lý và kiểm soát được chi phí sản xuất sản xuất là vấn đề mà các nhà quản trị luôn quan tâm, việc quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất là cơ sở để xác định đúng đắn kết quả, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Chính vì vậy, việc hoàn thiện tổ chức kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là yêu cầu cấp bách đặt ra cho Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long nhằm quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Trong những năm gần đây Công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long đã có những bước phát triển nhanh chóng về chất lượng sản phẩm xây dựng là các công trình làm đường, cầu ... Với mục tiêu là xây dựng, Công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long ngày càng phát triển toàn diện, trở thành doanh nghiệp sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả cao, kiểm soát được biến động chi phí, nâng cao được năng lực cạnh tranh thì việc nghiên cứu nhằm hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất giá thành sản phẩm trở nên hết sức cần thiết và cấp bách.



Xuất phát từ những vấn đề lý luận và thực tiễn nêu trên tôi đã nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long” cho luận văn thạc sỹ của mình.

1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài

Đề tài về kế toán chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp đã được rất nhiều tác giả ở bậc thạc sỹ nghiên cứu và đề cập. Mỗi công trình đều có phạm vi hoặc đặc thù nghiên cứu khác nhau. Phạm vi nghiên cứu ở từng công ty cụ thể hoặc nhóm doanh nghiệp hoạt động trong từng lĩnh vực khác nhau như xây dựng, sản xuất, thương mại... Khía cạnh nghiên cứu từ kế toán tài chính đến kế toán quản trị, với mục đích chung là hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Mỗi công trình nghiên cứu đều có những nét đặc thù riêng tùy thuộc vào thực trạng đối với đơn vị, nhóm đơn vị nghiên cứu và có đóng góp nhất định cho công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm nói riêng. Một số công trình cụ thể như sau:

- Luận văn thạc sỹ kinh tế “Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp với việc tăng cường quản trị chi phí sản xuất tại Tổng công ty CPXL Điện và viễn thông” (2012) của tác giả Nguyễn Thùy Linh đã đưa ra một số vấn đề lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm dưới góc độ kế toán tài chính, nêu thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty CPXL Điện và viễn thông rồi đưa ra những đánh giá dưới cả hai góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị. Tuy nhiên, tác giả mới chỉ đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại đơn vị.

- Tác giả Nguyễn Thị Dung nghiên cứu về: “Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp cơ khí thuộc Tổng công ty cơ khí xây dựng” – năm 2009. Ở luận án này, tác giả đã đưa ra



một số lý luận cơ bản về kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm, nêu lên thực trạng và đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm tại Tổng công ty cơ khí xây dựng. Đây là một đề tài nghiên cứu khá công phu trên diện rộng, các giải pháp đưa ra khá cụ thể và mang tính thực tiễn cao. Tuy nhiên, đặc điểm về sản phẩm và quy trình công nghệ sản xuất tại tổng công ty cơ khí xây dựng lại có nhiều điểm khác so với Doanh nghiệp, nên ít có tính tham khảo cho đề tài mà tác giả nghiên cứu.

- Tác giả Nguyễn Sơn Ngọc Minh nghiên cứu về đề tài: “Hoàn thiện tổ chức Kế toán quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm may mặc tại Công ty cổ phần dệt may Nam Định” – năm 2009. Ở đề tài này, tác giả cũng đi vào khái quát chung về kế toán quản trị chi phí, nêu thực trạng từ đó đề xuất một số các giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí và giá thành cho sản phẩm may mặc tại công ty cổ phần dệt may Nam Định như giải pháp về tổ chức thu thập thông tin chi phí theo từng đơn hàng, giải pháp phân loại chi phí chung thành chi phí cố định và chi phí biến đổi, giải pháp về phân tích biến động chi phí sản xuất. Tuy nhiên, những giải pháp này mới được đề xuất một cách chung chung chứ chưa cụ thể và chưa mang tính thực tiễn cao.

Như vậy đã có nhiều đề tài nghiên cứu của nhiều tác giả về kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp nhưng chưa có đề tài nào nghiên cứu về kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long. Chính vì lẽ đó, luận văn đã tập trung nghiên cứu lý luận về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm xây lắp ở cả hai góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị, phân tích đặc điểm của tổ chức sản xuất và quy trình sản xuất tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long ảnh hưởng đến công tác kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Luận văn cũng tập trung nghiên cứu



cứu thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long dưới hai góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị, từ đó nêu ý kiến đánh giá và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty này.

1.3. Mục đích nghiên cứu

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.
- Thông qua việc nghiên cứu thực tế, đánh giá thực trạng về kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long nhằm đề xuất những phương hướng giải pháp để xây dựng, hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long.

1.4. Câu hỏi nghiên cứu

Để có cơ sở hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long cần trả lời được những câu hỏi sau:

- +Cơ sở lý luận của kế toán quản trị chi phí sản xuất tại doanh nghiệp xây lắp là gì?
- +Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp xây lắp và ảnh hưởng của nó đến kế toán quản trị chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp?
- +Thực trạng kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long như thế nào?
- + Cần những giải pháp gì để hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long?

1.5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu về quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.
- Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu và đánh giá thực trạng về quản trị chi phí sản xuất tại công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long.



1.6. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện luận văn tác giả đã vận dụng phối hợp nhiều phương pháp khác nhau bao gồm:

- Các phương pháp nghiên cứu tổng quát bao gồm: Phương pháp tổng hợp và phân tích nghiên cứu tài liệu để khái quát những vấn đề về Chi phí Sản xuất trong Doanh nghiệp xây lắp dưới góc độ Kế toán Quản trị

- Các phương pháp nghiên cứu cụ thể bao gồm: Thống kê, khảo sát tình hình thực tế về kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long, từ đó phân tích các dữ liệu đã thu thập được để tìm ra câu trả lời cho mục tiêu nghiên cứu.

- Các dữ liệu thực tế sẽ cần được thu thập gồm: chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo kế toán liên quan đến Kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long.

- Các nguồn dữ liệu được sử dụng trong luận văn:

- + Nguồn dữ liệu thứ cấp thu thập từ các tài liệu kế toán, thông tin nội bộ của Công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long, các công trình khoa học đã thực hiện trước đó, qua sách, tạp chí kế toán, qua internet...

- + Nguồn dữ liệu sơ cấp thu thập thông tin dựa trên số liệu đã có sẵn của Công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long.



Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

2.1. Bản chất, vai trò, nhiệm vụ của kế toán quản trị chi phí sản xuất

2.1.1. Bản chất của kế toán quản trị chi phí sản xuất

Bản chất của kế toán quản trị chi phí có thể được hiểu rõ hơn khi xem xét các khái niệm có liên quan:

- Chi phí và chi phí sản xuất:

Theo từ điển Tiếng Việt, Chi phí là các hao phí về nguồn lực để doanh nghiệp đạt được một hoặc những mục tiêu cụ thể. Nói một cách khác, chi phí là số tiền phải trả để thực hiện các hoạt động kinh tế như sản xuất, giao dịch,... nhằm mua được các loại hàng hoá, dịch vụ cần thiết cho quá trình sản xuất kinh doanh

Theo Hội đồng chuẩn mực quốc tế (IASB): “Chi phí là các yếu tố làm giảm các lợi ích kinh tế trong niên độ kế toán dưới hình thức xuất đi hay giảm giá trị Tài sản hay làm phát sinh các khoản nợ, kết quả là làm giảm nguồn vốn chủ sở hữu mà không do việc phân phối nguồn vốn cho các bên chủ sở hữu

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam - Chuẩn mực số 01 “chuẩn mực chung”: Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu. Theo định nghĩa này, chi phí được nhìn nhận dưới góc độ của đối tượng sử dụng thông tin kế toán tài chính, chủ yếu là đối tượng bên ngoài doanh nghiệp.

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC (Điều 82): “Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân



biệt đã chi tiền hay chưa”

Theo giáo trình Kế toán quản trị, trường Đại học Kinh tế quốc dân: “Chi phí sản xuất của doanh nghiệp là toàn bộ hao phí về lao động vật hóa, lao động sống và các chi phí cần thiết khác biểu hiện bằng tiền mà doanh nghiệp đã chi ra trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của từng kỳ kế toán nhất định theo những loại giá phí khác nhau tùy thuộc vào những mục tiêu được ấn định cho việc quản lý doanh nghiệp”.

Như vậy, dưới những góc độ khác nhau có nhiều quan điểm khác nhau về chi phí nhưng nói chung đều thể hiện bản chất của chi phí sản xuất được xem là các yếu tố hao phí để sản xuất sản phẩm, dịch vụ: chi phí về nguyên vật liệu, chi phí máy móc thiết bị, tiền công trả cho người lao động, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác. Chi phí được đo lường tính toán bằng tiền trong một khoảng thời gian xác định.

- Kế toán quản trị

Theo định nghĩa của hiệp hội kế toán quốc gia Mỹ - văn kiện số 1A tháng 3 năm 1981, thì “Kế toán quản trị là quá trình cung cấp thông tin cho nhà quản lý doanh nghiệp trong việc lập và thực hiện kế hoạch, trong việc kiểm soát, điều hành các hoạt động của doanh nghiệp. Quy trình kế toán quản trị bao gồm các công việc xác định, cân đong, đo đếm, thu thập, tích lũy, phân tích, chuẩn bị thông tin giải thích và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị để họ xử lý các thông tin này theo hướng có lợi cho doanh nghiệp”.

Theo giáo trình kế toán quản trị, Đại học kinh tế Quốc dân: “kế toán quản trị là quy trình định dạng, đo lường, tổng hợp, phân tích, lập báo biểu, giải trình và thông đạt các số liệu tài chính và phi tài chính cho ban giám đốc để lập kế hoạch, đánh giá, theo dõi việc thực hiện kế hoạch trong phạm vi nội bộ một doanh nghiệp và để đảm bảo cho việc sử dụng hiệu quả các tài sản và quản lý chặt chẽ các tài sản này”.



Luật Kế toán Việt Nam (2015) định nghĩa “Kế toán quản trị là việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán”. Theo quan điểm này, kế toán quản trị được mô tả gồm các bước công việc cụ thể thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính cho các nhà quản trị nhằm đưa ra các quyết định điều hành nội bộ trong các doanh nghiệp. Kế toán quản trị được định hướng xây dựng theo quan điểm này mang tính thiết thực, phù hợp với trình độ phát triển kế toán quản trị hiện nay của các doanh nghiệp Việt Nam.

Như vậy, có rất nhiều quan điểm và định nghĩa về kế toán quản trị nhưng có thể hiểu kế toán quản trị là một phân hệ thuộc kế toán thực hiện việc ghi chép, đo lường, tính toán, thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế nhằm phục vụ chủ yếu cho các nhà quản trị doanh nghiệp trong quá trình dự báo, hoạch định kiểm soát và ra quyết định kinh doanh.

- Quản trị chi phí

Quản trị chi phí là quá trình tập hợp các phương pháp để lập kế hoạch, kiểm soát hoạt động phát sinh chi phí và ra quyết định quản lý gắn liền với mục tiêu của doanh nghiệp. Đã có nhiều quan điểm khác nhau khi định nghĩa quản trị chi phí trong doanh nghiệp sản xuất.

“Quản trị chi phí là việc tính toán hướng nội, mô tả - về nguyên tắc được thực hiện hằng tháng - đường vận động các nhân tố sản xuất trong quá trình kết hợp chúng với giới hạn ở việc tính toán mọi hao phí nhằm tạo ra và thực hiện các kết quả của doanh nghiệp” theo tác giả Haberstock (1984). Theo quan điểm này quản trị chi phí là việc tính toán, kết hợp các yếu tố sản xuất của nhà quản trị nhằm đạt được kết quả tốt nhất trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, quản trị chi phí theo quan điểm của ông được xem xét thực hiện trong khoảng thời gian có tính chu kỳ xác định là tháng.



Tác giả Lê Thị Minh Huệ (2014) xác định: “Quản trị chi phí là quá trình tập hợp, tính toán, phân tích và kiểm soát các chi phí sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp thông tin chi phí cần thiết cho quản trị doanh nghiệp”. Theo quan điểm này, quản trị chi phí thể hiện rõ và gắn với chức năng của hoạt động quản trị trong doanh nghiệp, là sự kết hợp của các kỹ thuật tập hợp, tính toán, phân tích và kiểm soát để cung cấp các thông tin chi phí (bao gồm cả thông tin tài chính, thông tin phi tài chính) phục vụ cho quản trị doanh nghiệp.

Như vậy, dù đứng trên quan điểm nào về quản trị chi phí, thì đều có thể nhận thấy đối tượng của quản trị chi phí là các thông tin về chi phí. Do vậy, để quản trị chi phí đạt hiệu quả cao, đòi hỏi phải có hệ thống cung cấp thông tin chi phí trong đó kế toán quản trị chi phí là một công cụ quan trọng với vai trò cung cấp các thông tin chi phí cho quản trị chi phí phục vụ cho việc kiểm soát chi phí, ra quyết định.

- Kế toán quản trị chi phí sản xuất:

Hiện nay, chưa có khái niệm chính thức về kế toán quản trị chi phí, tuy nhiên xuất phát từ các nội dung đã phân tích ở trên về chi phí, quản trị chi phí và kế toán quản trị có thể rút ra bản chất của kế toán quản trị chi phí sản xuất như sau:

- + Kế toán quản trị chi phí sản xuất là một phần của kế toán quản trị do vậy cũng là một bộ phận không thể tách rời của hệ thống kế toán doanh nghiệp;

- + Kế toán quản trị chi phí sản xuất cung cấp thông tin hữu ích về chi phí cho nhà quản trị doanh nghiệp, để có thể nhận biết, đánh giá và quản lý tốt chi phí sản xuất, từ đó có những quyết định, biện pháp đúng đắn tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp

- + Kế toán quản trị chi phí sản xuất là công cụ quan trọng cung cấp thông tin chi phí kịp thời, phù hợp, cần thiết cho các hoạt động quản trị doanh



ngành do vậy để đạt hiệu quả cao kế toán quản trị chi phí phải có sự phối hợp chặt chẽ với các bộ phận chức năng khác trong doanh nghiệp.

2.1.2. Vai trò của kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

Kế toán quản trị chi phí sản xuất cung cấp các thông tin để nhà quản lý kiểm soát quá trình thực hiện kế hoạch thông qua các báo cáo đánh giá, đặc biệt là giúp ích cho các nhà quản lý trong việc kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động. Việc cung cấp thông tin về chi phí của các hoạt động một cách chi tiết và thường xuyên sẽ giúp ích cho các nhà quản lý rất nhiều trong kiểm soát và hoàn thiện quá trình đầu tư xây dựng công trình vì những thông tin này giúp các nhà quản lý phát hiện các hoạt động tốn kém quá nhiều chi phí, từ đó thiết kế lại quá trình xây dựng, kinh doanh, loại bỏ hoạt động tốn kém chi phí hoặc có những cải tiến, đổi mới làm cho hoạt động đó có hiệu quả hơn, tốn kém ít chi phí hơn.

Kế toán quản trị chi phí sản xuất cung cấp hệ thống tài liệu dự toán chi phí xây dựng từng công trình, từng dự án và tình hình thực hiện các dự toán trong doanh nghiệp. KTQT chi phí tiến hành cụ thể hoá các kế hoạch hoạt động của doanh nghiệp thành các dự toán xây dựng. KTQT chi phí cung cấp thông tin về chi phí ước tính cho các sản phẩm công trình, dịch vụ hoặc các đối tượng khác theo yêu cầu của nhà quản lý nhằm giúp họ ra các quyết định quan trọng về đặc điểm của sản phẩm, cơ cấu sản phẩm hoàn thành và phân bổ hợp lý các nguồn lực có hạn cho các hoạt động của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, KTQT chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp còn cung cấp thông tin hữu ích cho các nhà quản trị doanh nghiệp để từ đó xây dựng các chiến lược cạnh tranh bằng cách đưa ra những báo cáo định kỳ, đột xuất để thay đổi chiến lược, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các báo cáo định kỳ cung cấp cho nhà quản trị khả năng sinh lời của các bộ phận khác nhau trong doanh nghiệp, như các sản phẩm, dịch



vụ, các thị trường tiêu thụ nhằm đảm bảo doanh nghiệp chỉ tiến hành thực hiện các hoạt động mang lại lợi nhuận hoặc lựa chọn sản phẩm mang lại lợi nhuận cao hơn. Kế toán quản trị chi phí cũng cung cấp các thông tin để phân bổ các nguồn lực của doanh nghiệp cũng như quyết định cơ cấu sản phẩm xây dựng và tiêu thụ, hay quyết định ngừng đầu tư xây dựng một cách hợp lý. Các báo cáo đặc biệt giúp cho các nhà quản lý đưa ra các quyết định chiến lược, như phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới, đầu tư các thiết bị, nhà xưởng mới, đàm phán các hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp và các khách hàng, chính sách marketing phù hợp.

Vai trò của kế toán quản trị chi phí trong việc thực hiện chức năng quản lý được thể hiện trong việc lập kế hoạch, kiểm soát quá trình kinh doanh, đánh giá các hoạt động, đưa ra các quyết định quản lý từ đó dự đoán những ảnh hưởng tới mục tiêu kinh doanh.

2.2. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp xây lắp và ảnh hưởng của nó đến kế toán quản trị chi phí sản xuất

Sản xuất kinh doanh xây lắp là một ngành sản xuất có tính chất công nghiệp, nó tạo ra cơ sở vật chất và kỹ thuật ban đầu cho xã hội. Tuy nhiên đây là một ngành sản xuất công nghiệp đặc biệt. Sản phẩm xây lắp cũng được tiến hành sản xuất một cách liên tục từ khâu thăm dò, điều tra, khảo sát đến thiết kế thi công và quyết toán khi công trình hoàn thành. Sản xuất xây lắp có tính chất dây chuyền, giữa các khâu của hoạt động sản xuất có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, nếu một khâu ngừng trệ sản xuất sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của các khâu khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây lắp có những nét đặc thù về phương thức hoạt động, tổ chức quản lý và kỹ thuật chi phối trực tiếp đến công tác kế toán nói chung và kế toán quản trị chi phí sản xuất. Cụ thể là:



- *Thứ nhất:* Sản phẩm xây lắp mang tính đơn chiếc rõ rệt, mỗi sản phẩm là một công trình hay hạng mục công trình được xây lắp theo thiết kế kỹ thuật, mỹ thuật, kết cấu, bản vẽ thi công, phương pháp thi công, địa điểm xây dựng khác nhau, riêng biệt theo từng hợp đồng giao nhận, đặc biệt sản phẩm được sản xuất ngay tại nơi tiêu thụ. Do vậy việc tổ chức quản lý và tổ chức kế toán quản trị phải căn cứ vào bản vẽ kỹ thuật thi công và dự toán chi tiết. Điều này giúp doanh nghiệp xây dựng có thể lên kế hoạch về nguyên nhiên vật liệu và tài chính cũng như giám sát các chi phí phát sinh đối với từng công trình. Cũng do đặc điểm sản phẩm xây lắp có tính chất đơn chiếc nên đối tượng kế toán tập hợp CPSX thường là công trình, hạng mục công trình.

Mặt khác, do mỗi sản phẩm xây lắp có tính chất đơn chiếc, riêng lẻ và được sản xuất theo các hợp đồng giao nhận thầu xây lắp nên chi phí bỏ vào sản xuất thi công cũng hoàn toàn khác nhau giữa các công trình. Vì vậy, kế toán phải tính chi phí, giá thành và kết quả thi công cho từng công trình xây lắp riêng biệt.

- *Thứ hai:* Sản phẩm xây lắp được tiến hành sản xuất sau khi có đơn đặt hàng (hợp đồng giao nhận thầu) của người giao thầu (người mua sản phẩm). Nói cách khác là sản phẩm xây lắp thường được sản xuất theo hợp đồng đã được ký kết do đó tính chất hàng hoá của sản phẩm xây lắp thường không thể hiện rõ nét. Sản phẩm được bán theo giá dự toán hay giá thoả thuận với người giao thầu từ trước. Hầu hết các sản phẩm hoàn thành được nghiệm thu, bàn giao không qua nhập kho. Bên cạnh đó, tình hình và điều kiện sản xuất xây lắp thiếu tính ổn định, luôn biến đổi theo địa điểm xây dựng và giai đoạn xây dựng. Cụ thể là trong xây dựng, con người và công cụ lao động luôn phải di chuyển từ công trình này đến công trình khác, còn sản phẩm xây lắp (công trình xây dựng) thì hoàn thành và đứng yên tại chỗ, một đặc điểm hiếm thấy của các ngành sản xuất khác. Các phương án xây dựng về mặt kỹ thuật và tổ



chức sản xuất luôn thay đổi theo từng địa điểm và giai đoạn xây dựng. Đặc điểm này làm khó khăn cho việc tổ chức sản xuất, khó cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, làm nảy sinh nhiều chi phí cho khâu di chuyển lực lượng sản xuất như: chi phí điều động nhân công, điều động máy thi công, chi phí xây dựng công trình phục vụ công nhân và máy móc thi công, chi phí chuẩn bị mặt bằng và dọn mặt bằng sau khi thi công xong,...đòi hỏi quản lý chi phí trong khâu di chuyển lực lượng sản xuất cũng như công trình tạm phục vụ sản xuất thi công xây dựng.

- *Thứ ba:* Sản phẩm xây dựng thường phải trải qua một thời gian thực hiện lâu dài mới có thể đưa vào sử dụng. Vì vậy khi tính giá thành sản phẩm xây dựng không xác định được hàng tháng mà được xác định tùy thuộc vào đặc điểm kỹ thuật của từng loại công trình được thể hiện qua phương pháp lập dự toán và phương thức thanh toán giữa hai bên giao thầu và nhận thầu. Kỳ tính giá thành thường được chọn là thời điểm mà công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, do đó kỳ tính giá thành thường là quý. Cũng do chu kỳ sản xuất sản phẩm xây dựng lâu dài nên đối tượng tính giá thành có thể là sản phẩm xây dựng hoàn thành đến giai đoạn hợp lý. Sản phẩm xây dựng có kích thước và trọng lượng lớn nên đòi hỏi số lượng lao động, số lượng nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất lớn, nên giá thành sản phẩm xây lắp rất phức tạp và thường xuyên thay đổi theo từng giai đoạn. Việc xác định đúng đắn đối tượng tính giá thành và kỳ tính giá thành sẽ đáp ứng yêu cầu quản lý kịp thời và chặt chẽ chi phí sản xuất, đánh giá đúng đắn tình hình quản lý và thi công trong từng thời kỳ nhất định.

- *Thứ tư:* Hoạt động xây dựng thường diễn ra ngoài trời nên chịu nhiều ảnh hưởng của các điều kiện thời tiết, tự nhiên do đó việc thi công xây dựng mang tính thời vụ và có nhiều rủi ro bất ngờ dẫn đến thiệt hại trong sản xuất như phá đi làm lại, ngừng sản xuất. Những khoản thiệt hại này phải được

tô





chức theo dõi chặt chẽ và phải có phương pháp quản lý phù hợp với những nguyên nhân gây ra nhằm tiết kiệm chi phí.

- *Thứ năm:* Sản xuất xây dựng không thực hiện cố định tại một địa điểm mà luôn biến động do địa điểm xây dựng trải dài trên một không gian rộng lớn trên nhiều địa bàn, nhiều vùng khác nhau, điều kiện địa lý thay đổi, thiết kế thay đổi nên phương thức tổ chức thi công cũng phải luôn thay đổi cho phù hợp. Bên cạnh đó, để nhận được công trình các doanh nghiệp xây lắp thường phải trải qua khâu đấu thầu, do đó công tác xác định giá dự toán của công trình phải được coi trọng để từ đó xác định mức giá bỏ thầu hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh xây dựng của đơn vị và khả năng trúng thầu.

2.3. Nội dung kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

2.3.1. Phân loại chi phí sản xuất

Mục đích của kế toán quản trị chi phí là cung cấp thông tin chi phí thích hợp, hữu ích, kịp thời cho việc ra quyết định của các nhà quản trị doanh nghiệp. Vì vậy đối với kế toán quản trị chi phí không chỉ đơn thuần nhận thức chi phí như kế toán tài chính, chi phí còn được nhận thức theo phương thức nhận diện thông tin ra quyết định: Chi phí có thể là phí tổn thực tế gắn liền với hoạt động SXKD hàng ngày khi tổ chức thực hiện, kiểm tra, ra quyết định; chi phí cũng có thể là phí tổn ước tính để thực hiện dự án, những phí tổn mất đi khi lựa chọn phương án, bỏ qua cơ hội kinh doanh. Khi đó kế toán quản trị lại cần chú ý đến sự lựa chọn, so sánh theo mục đích sử dụng, môi trường kinh doanh hơn là chú trọng vào chứng minh bằng các chứng cứ, chứng từ.

Vì vậy, kế toán quản trị cần phải căn cứ vào mục đích sử dụng thông tin về chi phí trong công tác quản trị doanh nghiệp, để tổ chức phân loại, nhận diện chi phí cho phù hợp. Căn cứ vào kết quả việc phân loại, nhận diện chi



phí mà kế toán quản trị sẽ tổ chức thu nhận, xử lý và hệ thống hoá thông tin về chi phí đáp ứng yêu cầu cho việc ra các quyết định kinh doanh.

Để thuận lợi cho công tác quản lý chi phí sản xuất và tổ chức kế toán tập hợp CPSX, trong các doanh nghiệp xây lắp thường phân loại CPSX theo các tiêu thức sau:

*** Phân loại CPSX theo nội dung, tính chất kinh tế**

Theo cách phân loại này, căn cứ vào nội dung, tính chất kinh tế và hình thái nguyên thuỷ ban đầu của chi phí để tập hợp sắp xếp những chi phí có cùng tính chất, nội dung vào một yếu tố chi phí mà không phân biệt chi phí đó phát sinh ở đâu và nơi nào chịu chi phí.

Theo cách phân loại này toàn bộ CPSX của doanh nghiệp được chia thành các yếu tố chi phí sau:

- *Chi phí nguyên vật liệu:* là toàn bộ chi phí về các loại nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, vật liệu thiết bị xây dựng cơ bản mà doanh nghiệp đã sử dụng trong quá trình sản xuất sản phẩm xây lắp.

- *Chi phí nhân công:* là toàn bộ số tiền lương (tiền công) và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN tính trên tiền lương của công nhân sản xuất, công nhân điều khiển máy thi công và nhân viên quản lý ở các bộ phận, tổ, đội thi công.

- *Chi phí khấu hao TSCĐ:* là số tiền trích khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp, bao gồm khấu hao máy thi công và các TSCĐ khác sử dụng cho hoạt động sản xuất và phục vụ sản xuất ở các tổ, đội, bộ phận thi công.

- *Chi phí dịch vụ mua ngoài:* là toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp phải trả về các loại dịch vụ mua ngoài sử dụng vào quá trình sản xuất xây lắp của doanh nghiệp.

- *Chi phí khác bằng tiền:* là toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh



trong quá trình sản xuất ngoài các chi phí nói trên và được thanh toán bằng tiền.

Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế có tác dụng cho biết những chi phí nào đã dùng vào quá trình sản xuất sản phẩm và tỷ trọng của từng loại đó chiếm tỷ lệ bao nhiêu trong tổng số chi phí sản xuất. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc xây dựng định mức vốn lưu động, nhu cầu vốn lưu động của doanh nghiệp, trong việc lập các dự toán chi phí sản xuất và kiểm tra các dự toán trong đó trong quá trình sản xuất. Ngoài ra còn là căn cứ để lập báo cáo chi phí sản xuất theo yêu tố.

*** Phân loại CPSX theo mục đích, công dụng kinh tế**

Theo cách phân loại này, căn cứ vào công dụng kinh tế của chi phí, mục đích sử dụng của chi phí, nơi phát sinh và nơi chịu chi phí để sắp xếp những chi phí có cùng công dụng vào một khoản mục. Trong doanh nghiệp xây lắp, CPSX xây lắp được chia thành các khoản mục sau:

- *Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp*: là chi phí về các loại vật liệu chính, vật liệu phụ, vật kết cấu, vật liệu luân chuyển (ván khuôn, giàn giáo) cần thiết sử dụng trực tiếp vào việc sản xuất chế tạo sản phẩm.

- *Chi phí nhân công trực tiếp*: là chi phí về tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp có tính chất thường xuyên (phụ cấp lưu động, phụ cấp trách nhiệm) của công nhân trực tiếp sản xuất xây lắp.

- *Chi phí sử dụng máy thi công*: là toàn bộ chi phí sử dụng xe, máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xây lắp công trình bao gồm: chi phí khấu hao máy thi công, chi phí sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên máy thi công, chi phí nhiên liệu và động lực dùng cho máy thi công và các chi phí khác như chi phí di chuyển, tháo lắp máy thi công...

- *Chi phí sản xuất chung*: là các chi phí trực tiếp khác ngoài các khoản chi phí trên phát sinh ở tổ, đội, công trường xây dựng bao gồm: lương nhân viên quản lý đội, các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của công nhân



trực tiếp sản xuất xây lắp, công nhân điều khiển máy thi công, nhân viên quản lý đội, khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của tổ, đội và các chi phí khác liên quan tới hoạt động của tổ, đội.

Phân loại CPSX theo tiêu thức này chỉ rõ chi phí doanh nghiệp bỏ ra cho từng lĩnh vực hoạt động, từng địa điểm phát sinh chi phí, làm cơ sở cho việc tính giá thành sản phẩm xây lắp theo khoản mục, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành...

**** Phân loại CPSX theo đối tượng chịu chi phí***

Theo cách phân loại này toàn bộ CPSX của doanh nghiệp được chia thành: chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

- *Chi phí trực tiếp*: Là những chi phí có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng chịu chi phí (từng công trình, hạng mục công trình...) như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công và một bộ phận CPSX chung gắn liền với các công trình, hạng mục công trình...

- *Chi phí gián tiếp*: Là những chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí. Để xác định chi phí cho từng đối tượng cần phải dùng phương pháp phân bổ gián tiếp theo tiêu thức phân bổ phù hợp. Trong doanh nghiệp xây lắp có một bộ phận chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung có liên quan đến nhiều công trình, hạng mục công trình, kế toán doanh nghiệp sẽ dùng các tiêu thức phân bổ phù hợp như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp... để phân bổ các chi phí trên cho các công trình, hạng mục công trình cụ thể.

Cách phân loại này có tác dụng trong việc xử lý các nghiệp vụ, kỹ thuật hạch toán để xác định phương pháp tập hợp chi phí sản xuất vào các đối tượng cần tính giá, phục vụ cho công tác tính giá thành sản phẩm.

**** Phân loại CPSX theo hình thái chi phí***



Cách phân loại này còn được gọi là phân loại theo cách ứng xử của chi phí. Theo cách phân loại này, tổng chi phí được chia thành: biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp.

- *Biến phí (chi phí biến đổi)*: là những chi phí thay đổi tỷ lệ với mức độ hoạt động của doanh nghiệp. Mức độ hoạt động có thể là số lượng sản phẩm sản xuất; số lượng sản phẩm tiêu thụ; số giờ máy hoạt động; doanh thu bán hàng thực hiện... Cần lưu ý, nếu xét về tổng số, biến phí thay đổi tỷ lệ thuận với khối lượng hoạt động, nhưng xét trên một đơn vị khối lượng hoạt động thì biến phí thường có thể là hằng số đối với mọi mức hoạt động.

Trong doanh nghiệp xây lắp, biến phí bao gồm: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công. Một đặc điểm của ngành xây lắp là trong định mức do Nhà nước qui định, chi phí sản xuất chung được tính theo một tỷ lệ nhất định so với chi phí trực tiếp. Vì vậy, một bộ phận của chi phí sản xuất chung cũng được coi là biến phí bao gồm: chi phí vật liệu phụ, chi phí nhiên liệu, lao động gián tiếp.

- *Định phí (chi phí cố định hay chi phí bất biến)*: là những chi phí mà tổng số không thay đổi khi mức độ hoạt động thay đổi, còn chi phí tính cho một khối lượng hoạt động thì thay đổi. Như vậy, dù doanh nghiệp có hoạt động hay không thì vẫn tồn tại định phí; ngược lại, khi doanh nghiệp gia tăng mức độ hoạt động thì định phí trên một đơn vị hoạt động sẽ giảm dần. Trong doanh nghiệp xây dựng, định phí bao gồm: chi phí quảng cáo về công trình đang xây dựng, chi phí đào tạo bồi dưỡng công nhân, nhân viên kỹ thuật công trình, chi phí nghiên cứu phát triển vật liệu xây dựng mới,...

- *Chi phí hỗn hợp*: là loại chi phí mà bản thân nó bao gồm cả yếu tố của định phí và biến phí (như chi phí điện thoại, fax, chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định). Nhằm phục vụ cho việc lập kế hoạch kiểm soát và chủ động điều tiết chi phí, các nhà quản trị doanh nghiệp cần phải phân tích chi



phí hỗn hợp thành định phí và biến phí. Các phương pháp dùng để phân tích chi phí hỗn hợp là phương pháp cực đại, cực tiểu và phương pháp bình phương bé nhất.

Đây là cách phân loại đặc biệt quan trọng trong việc phục vụ cho các nhà quản trị doanh nghiệp hoạch định, kiểm tra và ra quyết định. Cách phân loại này quan tâm tới cách ứng xử của chi phí mà dựa vào nó để nghiên cứu mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận điều này có ý nghĩa trong việc khai thác khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp là cơ sở để ra các quyết định ngắn hạn nhằm tối đa hoá lợi nhuận. Việc phân biệt định phí và biến phí giúp cho nhà quản trị xác định đúng phương hướng để nâng cao hiệu quả.

*** Phân loại CPSX theo thẩm quyền ra quyết định của nhà quản trị**

Theo cách phân loại này, nếu gắn quyền kiểm soát chi phí với một cấp quản lý nào đó thì phân biệt chi phí thành hai loại, đó là Chi phí kiểm soát được và Chi phí không kiểm soát được

- *Chi phí kiểm soát được* là những chi phí mà các nhà quản trị ở một cấp quản lý nào đó xác định được lượng phát sinh của nó, có thẩm quyền quyết định về sự phát sinh chi phí đó, cấp quản lý đó kiểm soát được những chi phí này.

- *Chi phí không kiểm soát được* là những chi phí nằm ngoài khả năng thẩm quyền quyết định của cấp đó.

Việc nhận diện và phân loại chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được chủ yếu có tác dụng khi sử dụng thông tin chi phí, doanh thu và kết quả của từng bộ phận để đánh giá hiệu quả hoạt động và trách nhiệm của mỗi nhà quản trị.

*** Phân loại chi phí theo yêu cầu của việc lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh**

Theo cách phân loại này, chi phí được phân ra thành:



- *Chi phí chênh lệch*: là những khoản chi phí có ở phương án sản xuất kinh doanh này nhưng không có hoặc chỉ có một phần ở phương án sản xuất kinh doanh khác. Chi phí chênh lệch là một trong những căn cứ quan trọng để lựa chọn phương án kinh doanh tối ưu.

- *Chi phí cơ hội*: là lợi ích bị mất đi do chọn phương án kinh doanh này thay vì chọn phương án kinh doanh khác. Trong kinh doanh, mọi khoản chi phí phát sinh đều được phản ánh và theo dõi trên sổ kế toán cũng như báo cáo kế toán, tuy nhiên có một loại chi phí hoàn toàn không được phản ánh trên sổ kế toán nhưng lại rất quan trọng, phải được xem xét, cân nhắc mỗi khi doanh nghiệp cần lựa chọn phương án kinh doanh, đó là chi phí cơ hội.

- *Chi phí chìm*: là chi phí mà doanh nghiệp phải gánh chịu bất kể đã lựa chọn phương án hay hành động nào. Chi phí chìm có trong tất cả các phương án sản xuất kinh doanh được đưa ra xem xét, lựa chọn...

Việc phân loại và nhận diện chi phí cơ hội, chi phí chìm và chi phí chênh lệch cung cấp thông tin để nhà quản trị doanh nghiệp ra quyết định kinh doanh, lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh thích hợp nhất.

2.3.2. Xây dựng định mức và lập dự toán chi phí sản xuất

2.3.2.1. Xây dựng định mức chi phí sản xuất

* Xây dựng định mức CPNVLTT:

Trong doanh nghiệp xây lắp, chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp gồm: chi phí về các loại nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, vật liệu thiết bị xây dựng cơ bản (cát, đá, sỏi, xi măng, sắt, thép,...). Khoản mục này thường chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành xây lắp (khoảng 60% tới 70%). Do đó, để kiểm soát tốt CPNVLTT thì doanh nghiệp phải tiến hành xây dựng định mức chi phí. Định mức CPNVLTT được xây dựng cụ thể đối với từng nhóm vật liệu chính và vật liệu phụ.

Để xác định mức chi phí đối với vật liệu chính cần xem xét hai yếu tố:



số lượng nguyên vật liệu xuất dùng cho công trình xây dựng và đơn giá thực tế của số vật liệu đó. Công thức được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccc} \text{Định mức chi phí} & & \text{Định mức số lượng} \\ \text{NVL chính cho} & = & \text{NVL của từng} \\ \text{công trình xây dựng} & & \text{công trình xây} \\ & & \text{dựng} \end{array} \quad \begin{array}{c} \text{Định mức} \\ \text{đơn giá} \\ \text{X} \\ \text{vật liệu} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccc} \text{Định mức số lượng} & \text{Số lượng NVL dùng cho} & \text{Định mức hao hụt} \\ \text{NVL của từng công} & \text{từng công trình} & + \\ = & & \text{cho phép} \\ \text{trình xây dựng} & & \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Định mức đơn giá} & = & \text{Đơn giá mua NVL} \\ \text{vật liệu} & & \text{ước tính} \end{array} \quad + \quad \begin{array}{c} \text{Chi phí dự} \\ \text{kiến (vận} \\ \text{chuyển, hao} \\ \text{hụt,...)} \end{array}$$

Chi phí nguyên vật liệu phụ chiếm tỷ trọng nhỏ trong giá thành của công trình xây dựng nên doanh nghiệp có thể lựa chọn phương pháp xác định định mức chi phí nguyên vật liệu phụ theo tỷ lệ với nguyên vật liệu chính như sau:

$$\begin{array}{ccc} \text{Định mức chi phí} & & \text{Định mức chi phí NVL} \\ \text{NVL phụ cho công} & & \text{chính cho} \\ = & & \text{X} \\ \text{trình xây dựng} & & \text{công trình xây} \\ & & \text{dựng} \end{array}$$



Tỷ lệ định
mức vật
liệu phụ



* Xây dựng định mức CPNCTT:

Trong doanh nghiệp xây lắp, chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tiền lương, các khoản phụ cấp của công nhân trực tiếp thi công, công nhân lái máy, tiền khoán trả cho lao động thuê ngoài,... Việc xây dựng định mức CPNCTT giúp cho quá trình quản lý chi phí nhân công được tốt hơn. Trong điều kiện làm việc bình thường, doanh nghiệp xây lắp phải căn cứ vào mức độ lành nghề trung bình của công nhân để đảm bảo việc thực hiện định mức chi phí nhân công trực tiếp là khả thi. Vấn đề xây dựng định mức CPNCTT tương tự như CPNVLTT đều gồm có định mức về lượng và định mức về giá.

Xây dựng định mức về lượng là dự kiến khối lượng thời gian để hoàn thành công trình xây dựng

$$\begin{array}{l} \text{Định mức lượng} \\ \text{thời gian cho 1} \\ \text{công trình (hạng} \\ \text{mục công trình)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng thời gian cần} \\ \text{thiết để hoàn} \\ \text{thành công trình, hạng} \\ \text{mục công} \\ \text{trình} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thời gian hao phí} \\ \text{cho phép} \end{array}$$

Xây dựng định mức về giá là việc tiến hành xây dựng đơn giá tiền lương của một đơn vị thời gian. Đơn giá giờ công lao động của một công nhân bao gồm tiền lương cơ bản, phụ cấp.

$$\begin{array}{l} \text{Định mức giá 1 đơn} \\ \text{vị nhân công} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Đơn giá 1 đơn vị thời} \\ \text{gian lao động} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các trợ cấp có tính} \\ \text{chất lương} \end{array}$$

* Xây dựng định mức chi phí sử dụng máy thi công:

Theo Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 08 tháng 10 năm 2015 về việc công bố định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; Máy và thiết bị thi công xây dựng (sau đây gọi tắt là máy) là các loại



máy và thiết bị được truyền chuyển động bằng động cơ, chạy bằng xăng,



dầu, điện, gas, khí nén và một số thiết bị không có động cơ sử dụng trong đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng và hạ tầng kỹ thuật.

Định mức chi phí máy thi công xác định theo công thức:

Định mức chi phí = Định mức ca máy x Đơn giá ca máy dự kiến

Định mức các hao phí xác định giá ca máy gồm: số ca làm việc trong năm; định mức khấu hao, sửa chữa, tiêu hao nhiên liệu - năng lượng, nhân công điều khiển và định mức chi phí khác.

- Số ca làm việc trong năm (gọi tắt là số ca năm): là số ca làm việc của máy bình quân trong một năm trong cả đời máy.

- Định mức khấu hao: là mức độ giảm giá trị bình quân của máy do hao mòn (vô hình và hữu hình) sau một năm sử dụng.

- Định mức sửa chữa: là mức chi phí bảo dưỡng, sửa chữa máy nhằm duy trì và khôi phục năng lực hoạt động tiêu chuẩn của máy trong một năm sử dụng.

- Định mức tiêu hao nhiên liệu - năng lượng: là mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng (như xăng, dầu, điện, gas hoặc khí nén) để tạo ra động lực cho máy hoạt động trong một ca làm việc (gọi là nhiên liệu chính) và nhiên liệu phụ (như dầu mỡ bôi trơn, nhiên liệu để điều chỉnh, nhiên liệu cho động cơ lai, dầu truyền động).

- Định mức nhân công điều khiển: là số lượng, thành phần, nhóm, cấp bậc công nhân điều khiển, vận hành máy trong một ca làm việc.

- Định mức chi phí khác: là định mức cho các khoản chi phí đảm bảo để máy hoạt động bình thường, có hiệu quả trong một năm sử dụng.

* Xây dựng định mức CPSXC:

Trong doanh nghiệp xây lắp, Chi phí sản xuất chung là các chi phí liên quan đến tổ đội xây dựng ở công trường. Để xây dựng định mức chi phí sản xuất chung cho từng công trình, hạng mục công trình phải xác định được tổng



số chi phí sản xuất chung theo khối lượng xây lắp trong kỳ. Sau đó phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức chi phí sản xuất chung} \\ \text{cho từng công trình,} \\ \text{hạng mục công trình} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng chi phí sản xuất} \\ \text{chung dự kiến phân bổ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng tiêu chuẩn phân bổ} \\ \text{của công trình, hạng mục} \\ \text{công trình} \end{array}}$$

2.3.2.2. Lập dự toán chi phí sản xuất

Sau khi xây dựng định mức, doanh nghiệp tiến hành lập dự toán tổng quát bao gồm tập hợp các dự toán chi tiết cho tất cả các giai đoạn của quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Các dự toán chi phí đều được lập trên cơ sở đáp ứng nhu cầu tiêu thụ và xây lắp trong kỳ. Có hai phương pháp lập các dự toán chi phí kinh doanh, là dự toán tĩnh và dự toán linh hoạt. *Dự toán tĩnh là dự toán được tạo ra tại đầu kỳ và chỉ có giá trị đối với mức hoạt động kế hoạch, còn dự toán linh hoạt là dự toán có thể được sử dụng để đánh giá nên ấn định chi phí bao nhiêu cho mỗi hoạt động trong một dãy xác định* (Theo giáo trình Kế toán quản trị - Đại học Lao động – Xã hội). Số liệu của dự toán tĩnh là vô cùng quan trọng trong việc lập kế hoạch nhưng ít có tác dụng cho việc kiểm soát bởi vì mức độ hoạt động thực tế hiếm khi trùng với kế hoạch đề ra, do đó việc so sánh chi phí ở hai mức độ khác nhau là khập khiễng. Ngược lại các dự toán linh hoạt rất có ích cho các nhà quản lý trong việc kiểm soát hoạt động bằng các so sánh kết quả thực tế với số liệu dự toán cho cùng một mức độ hoạt động.

Dự toán chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp bao gồm:

* **Lập tổng dự toán công trình:** Là tổng mức chi phí cần thiết cho việc đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án được tính toán cụ thể ở giai đoạn thiết



kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật thi công.

Công thức xác định tổng dự toán công trình:

	Giá trị	Giá trị dự	Dự toán các chi	Dự toán
Tổng dự				chi
toán công	=	dự toán	+ toán mua	
trình		xây lắp	phí khác	+
				phí dự
			+ thiết bị	phòng

(Theo Thông tư 06/2016/TT-BXD)

* Lập dự toán xây lắp cho từng hạng mục công trình:

Dự toán xây lắp hạng mục công trình được xác định trên cơ sở khối lượng các loại công tác xây lắp tính toán từ bản vẽ kỹ thuật, đơn giá xây dựng cơ bản (định mức xây lắp chi tiết) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố ban hành hoặc đơn giá công trình (định mức công trình) đối với những công trình được lập đơn giá riêng, định mức các chi phí theo tỷ lệ % do Bộ xây dựng ban hành và các chế độ chính sách của Nhà nước có liên quan bao gồm:

- Lập dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được lập trên cơ sở dự toán khối lượng xây lắp, định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chênh lệch về vật liệu (nếu có).

Công thức xác định dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (theo Thông tư 06/2016/TT-BXD)

Dự toán chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp	=	$\left(\begin{array}{l} \text{Dự toán} \\ \text{khối lượng} \\ \text{x công tác} \\ \text{xây} \\ \text{lắp thứ } i \end{array} \sum_{i=1}^n \begin{array}{l} \text{Định mức phí vật} \\ \text{liệu của công tác} \\ \text{xây lắp thứ } i \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Chênh} \\ \text{lệch vật} \\ \text{liệu (nếu} \\ \text{có)} \end{array} \right)$
---	---	--

- Lập dự toán chi phí nhân công trực tiếp: Dự toán chi phí nhân công trực tiếp được lập căn cứ vào khối lượng xây lắp, định mức thời gian xây dựng và định mức theo đơn giá giờ công trực tiếp.



Công thức xác định dự toán chi phí nhân công trực tiếp (theo Thông tư
06/2016/TT-BXD)

Dự toán chi phí nhân công trực tiếp

Dự toán khối lượng = x công tác xây lắp thứ i

$$\sum_{i=1}^n$$

Định mức thời gian xây dựng công tác xây lắp thứ i

x

Định mức theo đơn giá giờ công trực tiếp

- Lập dự toán chi phí máy thi công: Dự toán chi phí máy thi công được lập trên cơ sở dự toán khối lượng xây lắp, định mức chi phí máy thi công và hệ số điều chỉnh máy thi công.

Công thức xác định dự toán chi phí máy thi công (theo Thông tư 06/2016/TT-BXD)

Dự toán chi phí nhân công trực tiếp

=

Dự toán khối lượng công tác xây lắp thứ i

$$\sum_{i=1}^n$$

Định mức chi phí máy thi công của công tác xây lắp thứ i

Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công

- Lập dự toán chi phí sản xuất chung: Đây là một khoản mục chi phí gián tiếp đối với từng công trình, hạng mục công trình nên thông thường dự toán chi phí sản xuất chung tính cho các công trình, hạng mục công trình được căn cứ vào định mức chi phí sản xuất chung (đối với trường hợp dự án chỉ có một hạng mục xây lắp). Còn đối với dự án có nhiều hạng mục xây lắp thì sau khi xác định chi phí chung cho toàn bộ dự án sẽ phân bổ chi phí chung cho từng hạng mục theo tỷ trọng chi phí trực tiếp của từng hạng mục công trình.

Công thức xác định dự toán chi phí sản xuất chung (theo Thông tư 06/2016/TT-BXD)

Dự toán



$$\begin{array}{l} \text{chi phí} \\ \text{nhân công} \\ \text{trực tiếp} \end{array} = \frac{\text{Định mức}}{\text{chi phí chung}} \times \text{Chi phí trực tiếp} \quad (\%)$$



- Lập dự toán giá thành sản phẩm xây lắp: được căn cứ vào dự toán các khoản mục chi phí như: dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, dự toán chi phí nhân công trực tiếp, dự toán chi phí máy thi công, dự toán chi phí sản xuất chung.

2.3.3. Xác định chi phí cho các đối tượng và trung tâm chi phí sản xuất

2.3.3.1. Xác định chi phí cho các đối tượng

Hiện nay, các doanh nghiệp có thể lựa chọn nhiều phương pháp khác nhau để xác định chi phí cho các đối tượng, tuy nhiên trong doanh nghiệp xây lắp thường có một số phương pháp xác định sau:

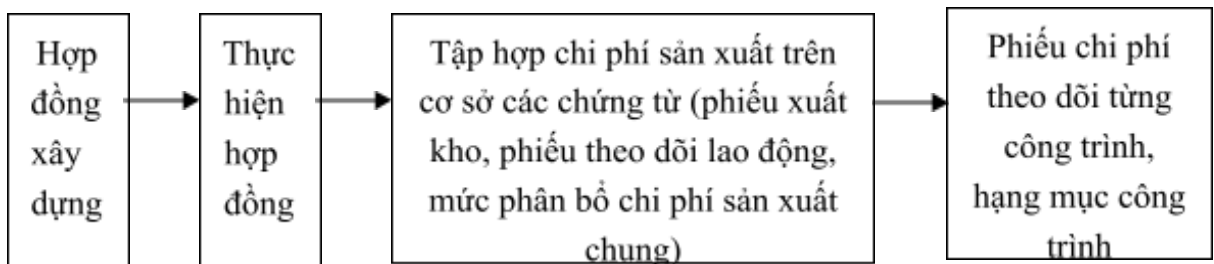
* Xác định chi phí theo phương pháp trực tiếp:

Trong doanh nghiệp xây lắp, đối tượng chịu chi phí là các công trình, hạng mục công trình. Chi phí sản xuất phát sinh tại công trình, hạng mục công trình nào thì hạch toán trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó. Chỉ khi chi phí có thể tập hợp trực tiếp cho đối tượng chịu phí thì mới áp dụng được phương pháp này. Nhược điểm của phương pháp này là tốn kém chi phí, thời gian công sức của kế toán, để tổng hợp chi phí trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình đòi hỏi kế toán phải mở sổ theo dõi chi tiết đối với từng công trình, hạng mục công trình. Tuy nhiên, phương pháp này lại có ưu điểm là theo dõi trực tiếp các chi phí liên quan đến từng công trình, hạng mục công trình, phù hợp với đặc điểm và đang được sử dụng phổ biến tại các doanh nghiệp xây lắp

* Xác định chi phí theo hợp đồng xây dựng (đơn đặt hàng):

Phương pháp này áp dụng trong các doanh nghiệp xây lắp vì các sản phẩm đơn chiếc hoặc theo từng hợp đồng riêng biệt. Hầu hết các sản phẩm xây lắp áp dụng phương pháp này có ít nhất một trong các đặc điểm: đơn chiếc, sản xuất sau khi có đơn đặt hàng (Hợp đồng giao nhận thầu); có giá trị lớn, kết cấu kỹ thuật phức tạp, thời gian thi công lâu dài.

Theo phương pháp này, đối tượng kế toán chi phí sản xuất là theo công trình hay hạng mục công trình. Các chi phí sản xuất được tập hợp theo từng công trình, từng hợp đồng xây dựng trên phiếu chi phí theo công trình, hạng mục công trình. Phiếu chi phí theo công trình, hạng mục công trình phải được lập ngay từ khi hợp đồng được ký kết và được lưu giữ tại phòng kế toán để ghi chép các khoản chi phí phát sinh có liên quan đến hợp đồng cho đến khi công trình hoàn thành. Trình tự xác định chi phí theo công trình có thể khái quát qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.1 – Quá trình tập hợp chi phí sản xuất theo công trình

2.3.3.2. Xác định trung tâm chi phí sản xuất

Trung tâm chi phí là trung tâm có trách nhiệm về chi phí đầu vào của doanh nghiệp. Mục tiêu của trung tâm trách nhiệm chi phí chính là tối thiểu hóa chi phí. Đầu vào của trung tâm là các chỉ tiêu phản ánh các yếu tố sản xuất như nguyên vật liệu, tiền công, tình hình sử dụng máy móc thiết bị, Để xác định đầu ra của trung tâm chi phí sẽ dựa vào các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất kinh doanh như số lượng, chất lượng sản phẩm, các chỉ tiêu chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, ... Trung tâm chi phí có đặc điểm là đầu vào có thể lượng hóa, đo lường được theo đơn vị tiền tệ. Đầu ra thông thường được đo lường bằng đơn vị hiện vật hoặc mục tiêu hoạt động. Nhà quản lý trung tâm chi phí có quyền quyết định cơ cấu các yếu tố đầu vào để tạo ra đầu ra.



Đối với các doanh nghiệp xây lắp, trung tâm trách nhiệm chi phí được hình thành tại xí nghiệp, đội, tổ xây lắp với trách nhiệm của Giám đốc xí nghiệp, đội trưởng đội xây lắp, trưởng phòng.

Trung tâm chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp được tổ chức theo mô hình các đội thi công hay các ban quản lý dự án. Đội trưởng đội thi công hay trưởng ban quản lý dự án trực tiếp kiểm soát và chịu trách nhiệm về các khoản chi phí sản xuất như: chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sử dụng máy, thiết bị tại công trường. Trung tâm chi phí sản xuất có nhiệm vụ lập kế hoạch, tiến độ thi công và thực hiện thi công theo dự toán các công trình đã cam kết tiến độ với chủ đầu tư; theo dõi và quản lý vật tư, nhân công, máy, thiết bị một cách hiệu quả và tiết kiệm. Để các nhà quản trị có thể phân tích, đánh giá việc kiểm soát từng loại chi phí cả về số lượng, chất lượng của từng hạng mục công trình, trung tâm chi phí cần phải lập các báo cáo thông tin về chi phí: báo cáo chênh lệch chi phí, báo cáo chi phí của từng hạng mục công trình, đội xây lắp, báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện chi phí toàn công trình.

2.3.4. Phân tích biến động chi phí để kiểm soát chi phí sản xuất

Mục đích của việc phân tích biến động chi phí nhằm so sánh chi phí giữa thực tế và định mức để tìm nguyên nhân chênh lệch và các biện pháp điều chỉnh.

* Phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Mức biến động về chi phí nguyên vật liệu được xác định theo hai nội dung là: biến động về lượng và biến động về giá với công thức được sử dụng như sau:

Biến động về CPNVL TT=Biến động về giá + Biến động về lượng

Trong đó:



Biến động về lượng NVLTT = (Lượng NVLTT thực tế - Lượng NVLTT định mức) X Giá NVLTT định mức

Biến động về giá NVLTT = (Giá NVLTT thực tế - Giá NVLTT định mức) X Khối lượng NVLTT thực tế

Kết quả phân tích biến động như sau:

Biến động về lượng nguyên vật liệu sử dụng có thể do chất lượng của nguyên liệu mua vào không đảm bảo, máy móc thiết bị hoạt động không tốt hoặc do không kiểm soát tốt quá trình thi công công trình và ngược lại.

Biến động về giá trong trường hợp giá thực tế lớn hơn định mức thường đánh giá là không tốt vì làm cho giá thành công trình, hạng mục công trình xây dựng tăng và cần phải xem xét các nguyên nhân tiếp theo. Có thể do quan hệ cung cầu nguyên vật liệu, chất lượng nguyên vật liệu tăng, sự thay đổi về phương thức vận chuyển và nhà cung cấp vật liệu mà giá thực tế mua nguyên vật liệu lớn hơn định mức.

Biến động về giá trong trường hợp giá thực tế nhỏ hơn định mức mà chất lượng công trình xây lắp vẫn đảm bảo thì được đánh giá là dấu hiệu tốt vì doanh nghiệp đã tiết kiệm được chi phí. Hoặc cũng có thể do cung cấp nguyên vật liệu hoặc nguyên liệu mua có phẩm chất kém hơn nên sẽ rẻ hơn, điều đó gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình.

Biến động về giá trong trường hợp giá thực tế bằng với giá định mức được đánh giá là đạt yêu cầu.



* Phân tích biến động chi phí nhân công trực tiếp

Mức biến động về chi phí nhân công trực tiếp được xác định theo hai



nội dung là: sự biến động về đơn giá lao động trực tiếp và sự biến động về năng suất lao động trực tiếp và được xác định bởi công thức sau:

$$\text{Biến động về giá nhân công} = \frac{(\text{Giá giờ lao động thực tế} - \text{Giá giờ lao động định mức}) \times \text{Số giờ lao động thực tế}}{\text{Số giờ lao động định mức}}$$

$$\text{Biến động về năng suất lao động} = \frac{(\text{Số giờ lao động thực tế} - \text{Số giờ lao động định mức}) \times \text{Đơn giá giờ lao động định mức}}{\text{Số giờ lao động định mức}}$$

Kết quả phân tích biến động chi phí nhân công trực tiếp như sau:

Trường hợp công nhân thực hiện đúng thời gian cho phép theo định mức thì biến động không xảy ra.

Trường hợp, thời gian lao động thực tế lớn hơn so với thời gian lao động theo định mức thì được đánh giá là có biến động năng suất xấu, sử dụng lao động không hiệu quả.

Trường hợp chất lượng của công trình được đảm bảo mà thời gian làm việc thực tế nhỏ hơn so với định mức thì được đánh giá là biến động năng suất tốt và sử dụng có hiệu quả thời gian lao động.

* Phân tích biến động chi phí sản xuất chung

Biến động chi phí sản xuất chung được xem xét trên hai góc độ là chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi của hai yếu tố là giá và lượng

$$\text{Biến động Chi phí SXC} = \text{Biến động CPSXC biến đổi} + \text{Biến động CPSXC cố định}$$



Biế
n động
CPSX
C cố
định



Trong đó

	(Giá CPSXC biến đổi thực tế - CPSXC biến đổi dự toán)	X	Khối lượng sản xuất thực tế
Biến động giá CPSXC biến đổi	=		
Biến động về lượng CPSXC biến đổi	=		Đơn giá định m ứ c
	(Khối lượng sản xuất thực tế - Khối lượng sản xuất dự toán)	X	

Biến động CPSXC cố định là chênh lệch giữa CPSXC cố định thực tế và CPSXC cố định theo dự toán của khối lượng xây lắp thực tế.

Biến động CPSXC cố định	=	CPSXC cố định thực tế	-	CPSXC cố định dự toán
-------------------------	---	-----------------------	---	-----------------------

Các nhà quản trị cần sử dụng kế hoạch linh hoạt để lập kế hoạch và kiểm soát chi phí sản xuất chung do chi phí sản xuất chung bao gồm nhiều khoản mục chi phí riêng biệt và do nhiều bộ phận khác nhau trong doanh nghiệp chịu trách nhiệm nên không thể định mức cho từng yếu tố chi phí sản xuất chung.

2.3.5. Xây dựng hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất

Báo cáo kế toán quản trị là sản phẩm cuối cùng của quá trình kế toán quản trị nên việc tổ chức báo cáo kế toán quản trị có quyết định đến chất lượng, hiệu quả của thông tin kế toán do kế toán quản trị cung cấp. Tùy theo



sự phân cấp quản lý và yêu cầu quản lý từng chi tiêu để có thể xác định nội dung và thiết kế mẫu biểu báo cáo, lựa chọn phương án lập báo cáo phù hợp. Do tính chất linh hoạt của báo cáo kế toán quản trị nên không thể xây dựng biểu mẫu thống nhất cho mọi doanh nghiệp, mà các doanh nghiệp căn cứ vào yêu cầu hệ thống thông tin nội bộ để xây dựng hệ thống báo cáo kế toán quản trị phục vụ cho việc cung cấp thông tin của doanh nghiệp mình.



* *Khi xây dựng hệ thống báo cáo kế toán quản trị phải đảm bảo những yêu cầu cơ bản sau:*

- Hệ thống báo cáo kế toán quản trị cần được xây dựng phù hợp với yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ quản lý nội bộ của từng doanh nghiệp cụ thể.

- Nội dung hệ thống báo cáo kế toán quản trị cần đảm bảo cung cấp đầy đủ và đảm bảo tính so sánh được của các thông tin phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành và các quyết định kinh tế của doanh nghiệp.

- Các chỉ tiêu trong báo cáo kế toán quản trị cần phải được thiết kế phù hợp với các chỉ tiêu của kế hoạch, dự toán và báo cáo tài chính nhưng có thể thay đổi theo yêu cầu quản lý của các cấp.

* *Hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp bao gồm:*

- Báo cáo tình hình thực hiện: báo cáo chi phí, lợi nhuận của từng công trình; báo cáo chi tiết khối lượng công việc hoàn thành; báo cáo năng suất lao động; báo cáo tình hình biến động nguyên liệu, vật liệu; báo cáo tiến độ sản xuất....

- Báo cáo chi phí sản xuất lập cho từng công trình, hạng mục công trình, từng tổ, đội thi công.

- Báo cáo giá thành, phiếu tính giá thành công việc...

- Báo cáo phân tích: phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận...

- Báo cáo bộ phận: báo cáo so sánh doanh thu và chi phí của từng bộ phận nằm trong cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm xác định kết quả kinh doanh của từng bộ phận trong doanh nghiệp

Ngoài ra, căn cứ vào yêu cầu quản lý, điều hành của từng giai đoạn cụ thể, doanh nghiệp có thể lập các báo cáo kế toán quản trị khác.



2.3.6. Phân tích thông tin chi phí để ra quyết định

* Phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận

Theo giáo trình Kế toán quản trị - Đại học Lao động – Xã hội, Phân tích Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận (C-V-P) là một công cụ rất hữu ích giúp cho các nhà quản lý hiểu được mối quan hệ giữa chi phí, khối lượng và lợi nhuận. Phân tích C-V-P tập trung vào giải thích lợi nhuận bị ảnh hưởng bởi năm yếu tố sau như thế nào: Giá bán, doanh số bán hàng, chi phí biến đổi trên một đơn vị, tổng chi phí cố định, cơ cấu các sản phẩm được bán. Thông qua phân tích này, nhà quản trị nhận thức được rằng sau điểm hòa vốn cứ mỗi sản phẩm bán ra sẽ làm tăng lợi nhuận của doanh nghiệp thêm một giá trị đúng bằng phần chênh lệch giữa doanh thu và chi phí biến đổi của sản phẩm đó. Phần chi phí cố định đã được bù đắp bằng các sản phẩm tiêu thụ cho đến điểm hòa vốn. Vận dụng phân tích C-V-P là cơ sở thông tin cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn một cách đúng đắn, tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp.

Ba khái niệm quan trọng trong phân tích C-V-P là lãi gộp, tỷ lệ lãi gộp và lãi gộp đơn vị.

Lãi gộp là phần còn lại từ doanh thu bán hàng sau khi trừ chi phí biến đổi, nó là khoản để bù đắp các chi phí cố định và tạo ra lợi nhuận trong kỳ, nếu trong kỳ lãi gộp không đủ để bù đắp chi phí cố định thì sẽ bị lỗ.

$$\text{Lãi gộp} = \text{Doanh thu bán hàng} - \text{Chi phí biến đổi}$$

Tỷ lệ lãi gộp được xác định là phần trăm của lãi gộp trên doanh thu. Tỷ lệ này là căn cứ để các nhà quản trị đưa ra quyết định đầu tư vào những sản phẩm có tỷ lệ số lãi gộp cao, từ đó nhằm xác định cơ cấu tiêu thụ sản phẩm đem lại lợi nhuận tối ưu.

$$\text{Tỷ lệ lãi gộp} = \frac{\text{Lãi gộp}}{\text{Doanh thu}}$$



thu



Lãi góp đơn vị: là chênh lệch giữa đơn giá bán và chi phí biến đổi 1 sản phẩm

Kế toán quản trị tiến hành phân tích điểm hòa vốn nhằm đánh giá các phương án kinh doanh, phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp. Phân tích điểm hòa vốn giúp xác định được mức doanh thu với khối lượng sản phẩm và thời gian cần đạt được để bù đắp chi phí đã bỏ ra.

Bảng 2.1: Phân tích điểm hòa vốn

		<u>Chi phí cố định</u>
Sản lượng hòa vốn	=	Lãi
		i
Doanh thu hòa vốn	=	gó
		p
Sản lượng cần thiết để đạt lợi nhuận mong muốn	=	đơ
		n
Doanh thu cần thiết để đạt mong muốn	= lợi nhuận	vị
		Ch
		i
		ph
		í
		có
		đị
		nh
		Tỷ lệ lãi
		góp đơn vị
		CP cố định +
		LN mục tiêu
		<hr/>
		Lãi góp đơn
		vị
		CP cố định +
		<hr/>



LN mục tiêu

Tỷ lệ lãi góp

Khoảng an toàn = Tổng doanh thu dự tính - Doanh thu hòa vốn

Tỷ lệ an toàn = $\frac{\text{Khoảng an toàn}}{\text{Doanh thu dự tính}}$

* Phân tích thông tin thích hợp để đưa ra quyết định

Dựa vào các bước ra quyết định, trên cơ sở phân tích những thông tin về chi phí thích hợp thì doanh nghiệp có thể có các quyết định như sau: Quyết định tự sản xuất hay mua ngoài, quyết định nên tiếp tục sản xuất hay bán ngay thành phẩm của doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp xây lắp, nhà quản trị đối mặt với việc tự sản xuất hay mua ngoài vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, dầm cầu thép, thiết bị cấu kiện thép, xà lan và các sản phẩm cơ khí khác. Có thể thuê luôn



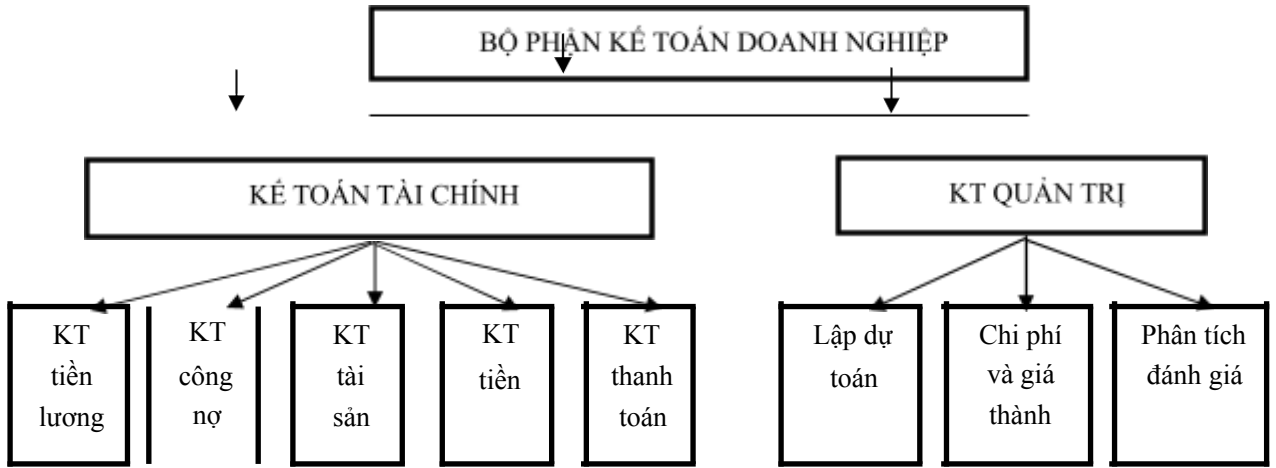
nhà thầu phụ thi công từng hạng mục công trình nếu tính toán có hiệu quả hơn. Nếu chất lượng của việc tự sản xuất và mua ngoài là như nhau thì nguyên tắc để đi đến quyết định tự sản xuất hay mua ngoài là so sánh chi phí giữa hai trường hợp này nếu bên nào nhỏ hơn thì nhà quản trị sẽ lựa chọn.

Nhà quản trị phải dựa vào thông tin chi phí thích hợp để đưa ra được quyết định cuối cùng. Trong trường hợp tự sản xuất thường thì doanh nghiệp phải chịu các khoản chi phí như chi phí NVLTT, chi phí NCTT, chi phí sản xuất chung biến đổi, ..., còn phần chi phí cố định thì tùy trong từng trường hợp để biết được rằng doanh nghiệp có hay không phải gánh chịu khoản chi phí cố định đó. Còn trong trường hợp mua ngoài thì doanh nghiệp không phải chịu những loại chi phí này. Như vậy, tổng các chi phí của phương án tự sản xuất lớn hơn phương án mua ngoài thì doanh nghiệp sẽ quyết định mua ngoài và ngược lại sẽ tự sản xuất.

Bên cạnh đó dựa vào kết quả so sánh giữa doanh thu tăng thêm và chi phí tăng thêm do tiếp tục chế biến để xác định sẽ ra quyết định nên tiếp tục sản xuất hay là bán ngay thành phẩm. Các chỉ tiêu so sánh gồm: Doanh thu tiêu thụ, giá vốn hàng bán, lợi nhuận gộp, chi phí tăng thêm, lợi nhuận tăng thêm do chế biến và doanh nghiệp sẽ so sánh giữa chi phí tăng thêm và lợi nhuận tăng thêm do chế biến để ra quyết định.

2.3.7. Các mô hình kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp xây lắp

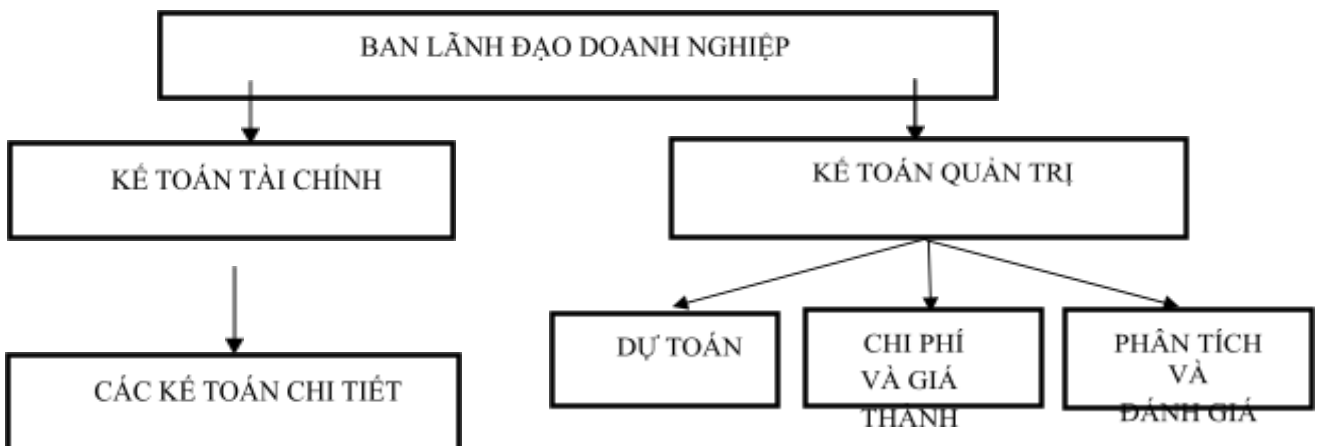
- Mô hình kết hợp



Sơ đồ 2.2 – Tổ chức bộ máy theo mô hình kết hợp

Theo mô hình này hệ thống kế toán quản trị và kế toán tài chính được tổ chức thành một bộ máy thống nhất. Ưu điểm của mô hình này đối với doanh nghiệp là tiết kiệm được chi phí vận hành hệ thống kế toán và kết hợp được chặt chẽ thông tin kế toán tài chính và kế toán quản trị nhưng nhược điểm là hiệu quả sẽ không cao vì chưa chuyên môn hóa được hai loại kế toán theo công nghệ hiện đại. Mô hình này thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có hệ thống quản lý chủ yếu dựa trên nền tảng từng quá trình hoạt động

- Mô hình tách biệt

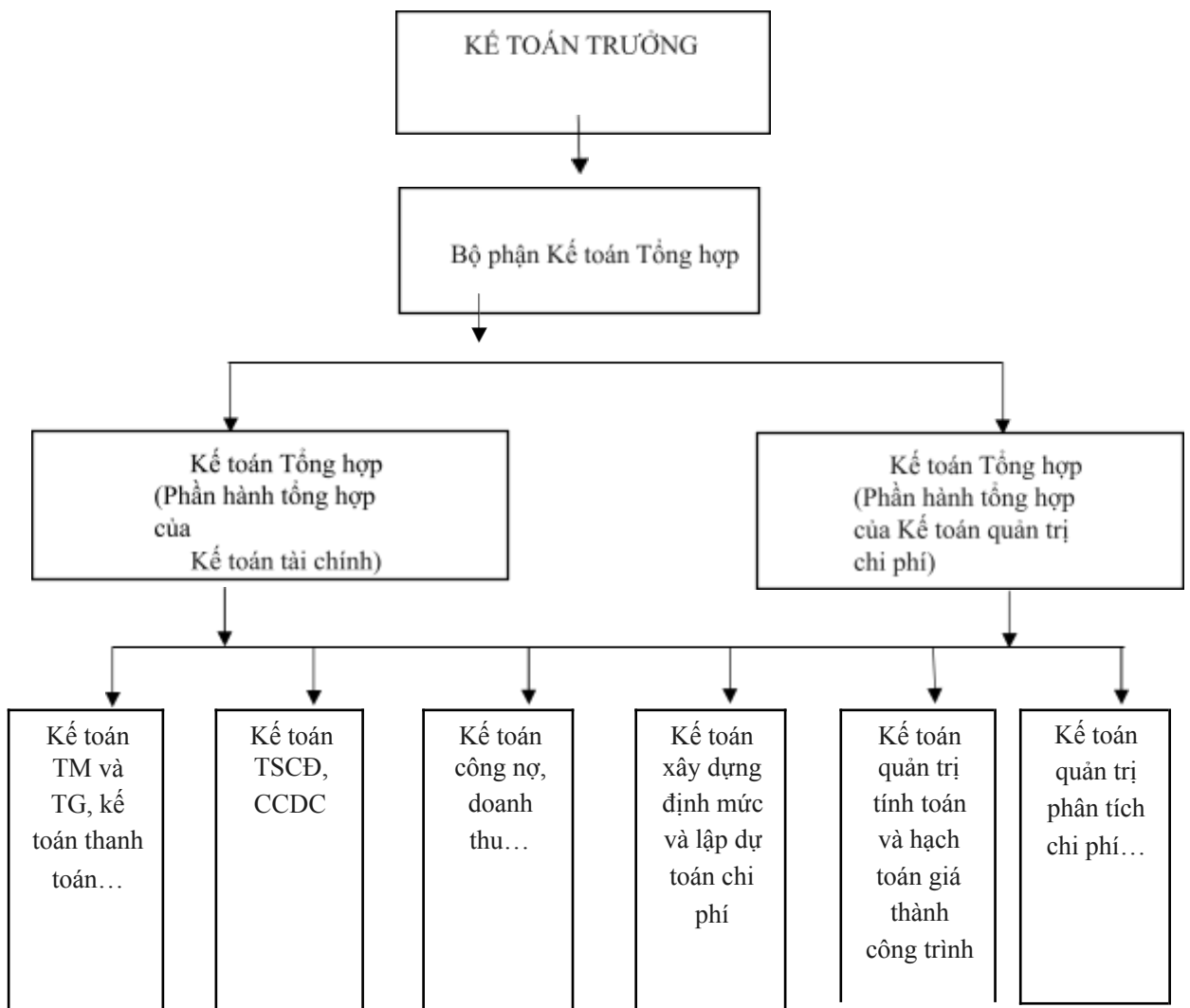


Sơ đồ 2.3 – Tổ chức bộ máy theo mô hình tách biệt



Theo mô hình này, hệ thống kế toán quản trị độc lập với hệ thống kế toán tài chính cả về bộ máy kế toán và công tác kế toán. Ưu điểm của mô hình này là hệ thống kế toán quản trị chi phí sẽ được phát huy tối đa vai trò của mình, tách biệt thông tin kế toán tài chính với kế toán quản trị theo hướng cả hai đều có thể hiện đại hóa. Nhược điểm là doanh nghiệp sẽ phải trang trải rất nhiều chi phí để vận hành mô hình này và chưa khái quát được thông tin của hai phân hệ với nhau. Mô hình này thường được áp dụng ở các doanh nghiệp có quy mô lớn.

- Mô hình hỗn hợp



Sơ đồ 2.4 – Tổ chức bộ máy theo mô hình hỗn hợp



Mô hình hỗn hợp là mô hình vừa có tính tách rời vừa có tính kết hợp. Đối với các phần hành có tính tương đồng giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị thì sẽ được áp dụng theo mô hình kết hợp, còn đối với các phần hành có sự khác biệt căn bản và có ý nghĩa cung cấp thông tin đặc biệt quan trọng đối với doanh nghiệp sẽ được tổ chức mô hình tách rời. Mô hình này có tính linh hoạt và ý nghĩa cung cấp thông tin cao, tuy nhiên cũng đòi hỏi các doanh nghiệp phải có những đầu tư tương đối lớn về tổ chức bộ máy kế toán, chất lượng nhân sự và công tác kế toán cũng phải được đầu tư hơn so với mô hình kết hợp

Việc lựa chọn và áp dụng mô hình tổ chức kế toán quản trị nào cần xuất phát từ điều kiện thực tiễn cũng như đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để phân tích chi phí và lợi ích của việc vận hành từng mô hình tổ chức đó.



KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương 2 luận văn đã trình bày khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán quản trị nói chung, nội dung kế toán quản trị chi phí, giá thành sản phẩm ở các doanh nghiệp xây lắp nhằm hiểu rõ bản chất của kế toán quản trị và vai trò của kế toán quản trị chi phí sản xuất đối với việc ra quyết định kinh doanh của các nhà quản trị ở các doanh nghiệp xây lắp. Luận văn đã làm rõ nội dung, phương pháp phân loại chi phí sản xuất, xác định chi phí cho các đối tượng, phân tích thông tin chi phí để ra quyết định.

Những nội dung trình bày trong chương 2 sẽ là nền tảng cho việc nghiên cứu tìm hiểu thực tế về kế toán quản trị chi phí sản xuất trong Công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long hiện nay, đề ra được phương hướng và giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long.



Chương 3

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 4 THĂNG LONG

3.1. Tổng quan về công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long

3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long

Tên Công ty : Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long

Tên giao dịch: Thang Long N04 construction joint stock company

Tên viết tắt: Thang Long N04 Const j.stock co

Địa chỉ: 136 đường Phạm Văn Đồng – Xuân Đình – Từ Liêm – Hà Nội

Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long là doanh nghiệp hạng I-hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty xây dựng Thăng Long (Bộ Giao thông vận tải).

Công ty thành lập ngày 17/10/1973 theo quyết định số 2347/QĐ-TC với tên gọi “Công ty vật liệu và xây dựng”. Đến ngày 21/07/1976 Công ty đổi tên thành “Công ty vật tư” với nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản và quản lý cấp phát toàn bộ vật tư phục vụ cho việc xây dựng cầu Thăng Long. Đến năm 1985 cầu Thăng Long được hoàn thành và đưa vào sử dụng, Công ty chuyển sang thu hồi vật tư, thiết bị toàn bộ công trường cầu Thăng Long. Công ty bắt đầu nhiệm vụ mới là quản lý cấp phát và tiếp nhận dầm cầu Đuống, cầu Việt Trì, phục vụ công trình cầu Bến Thủy và sản xuất vật liệu xây dựng. Thời gian này để phù hợp với hình thức hoạt động, Công ty đổi tên là “Xí nghiệp cung ứng vật tư thiết bị Thăng Long”. Năm 1995, Công ty được đổi tên thành “Công ty xây dựng công trình Thăng Long” theo Quyết định số 3376/QĐ/TCCB-LĐ ngày 03/07/1995 của Bộ giao thông vận tải. Đến ngày 20/09/2000, Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần theo quyết định số 2750/2000/QĐBGTVT của Bộ trưởng Bộ giao



thông vận tải với tên gọi mới “Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long”. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000198 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/09/2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24/06/2009. Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trên cơ sở tự nguyện cùng góp vốn của các cổ đông, được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp.

3.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long

Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long là một trong số những đơn vị tiêu biểu của Tổng Công ty xây dựng Thăng Long, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng Tổng Công ty xây dựng Thăng Long trở thành một tập đoàn kinh tế mạnh. Công ty luôn đi đầu trong công tác đổi mới phương pháp kinh doanh, phong cách phục vụ khách hàng, nghiên cứu khai thác triệt để khả năng và tiềm lực sẵn có để mở rộng thị trường, tìm kiếm và thiết lập các mối quan hệ hợp tác lâu dài với các bạn hàng trong và ngoài nước. Với phương châm “Đơn vị giỏi một nghề, Công ty đa ngành nghề”, Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long luôn đổi mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Công ty hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực:

- Xây dựng công trình giao thông, phá đá nổ mìn trên cạn, dưới nước
- Xây dựng công trình thủy lợi, công nghiệp dân dụng, thi công các loại nền móng công trình
- Gia công lắp đặt kết cấu thép, cấu kiện bê tông đúc sẵn
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị giao thông vận tải, vật liệu xây dựng, cho thuê kho bãi.
- Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng cụm dân cư đô thị, hệ thống điện lưới 35KW, hệ thống nước sinh hoạt.
- Sửa chữa thiết bị thi công.



- Sản xuất thủ công nghiệp.
- Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy và các sản phẩm cơ khí khác.
- Đại lý bán lẻ xăng dầu.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp.
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng, kinh doanh nhà.
- Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản.
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng.
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông.

Hiện nay ngành đóng vai trò mũi nhọn của Công ty là xây dựng các công trình giao thông, các công trình thủy lợi, công trình công nghiệp. Công ty đang xây dựng một số công trình như: cầu An Hòa - Tuyên Quang, cầu Bến Thâu - Lào Cai, cầu Đá Trắng - Yên Bái, cầu Tân Hà - Tuyên Quang...

- Công ty căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ và các chỉ tiêu kinh tế của nhà nước, của Bộ Giao thông vận tải và Tổng Công ty xây dựng Thăng Long, và căn cứ vào nhu cầu thị trường để chủ động đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh và triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Trên cơ sở các luận chứng kinh tế, kỹ thuật, dự án đầu tư, Công ty tổ chức nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng công nghiệp.

- Tổ chức quản lý chặt chẽ và sử dụng tiền vốn, vật tư, trang thiết bị, lực lượng lao động... đạt hiệu quả cao nhất.

Cũng như các Công ty xây lắp khác, do đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản là sản phẩm của xây dựng mang tính đơn chiếc, kết cấu khác nhau, thời gian thi công dài... nên quy trình sản xuất kinh doanh có đặc điểm riêng. Hơn nữa Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long là một doanh nghiệp trực thuộc Tổng Công ty xây dựng Thăng Long, nhưng là một đơn vị kinh doanh độc lập, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng cơ bản. Đối với một số công trình đặc biệt, Công ty được Tổng Công ty giao thầu, còn lại các



công trình khác Công ty phải tự tham gia đấu thầu. Nếu trúng thầu, Công ty giao cho các xí nghiệp hoặc các đội trực thuộc Công ty. Nhưng các đội, xí nghiệp phải bảo vệ biện pháp thi công công trình và thành lập công trình. Trong quá trình thi công xí nghiệp hoặc đội phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Công ty về an toàn lao động và chất lượng công trình.

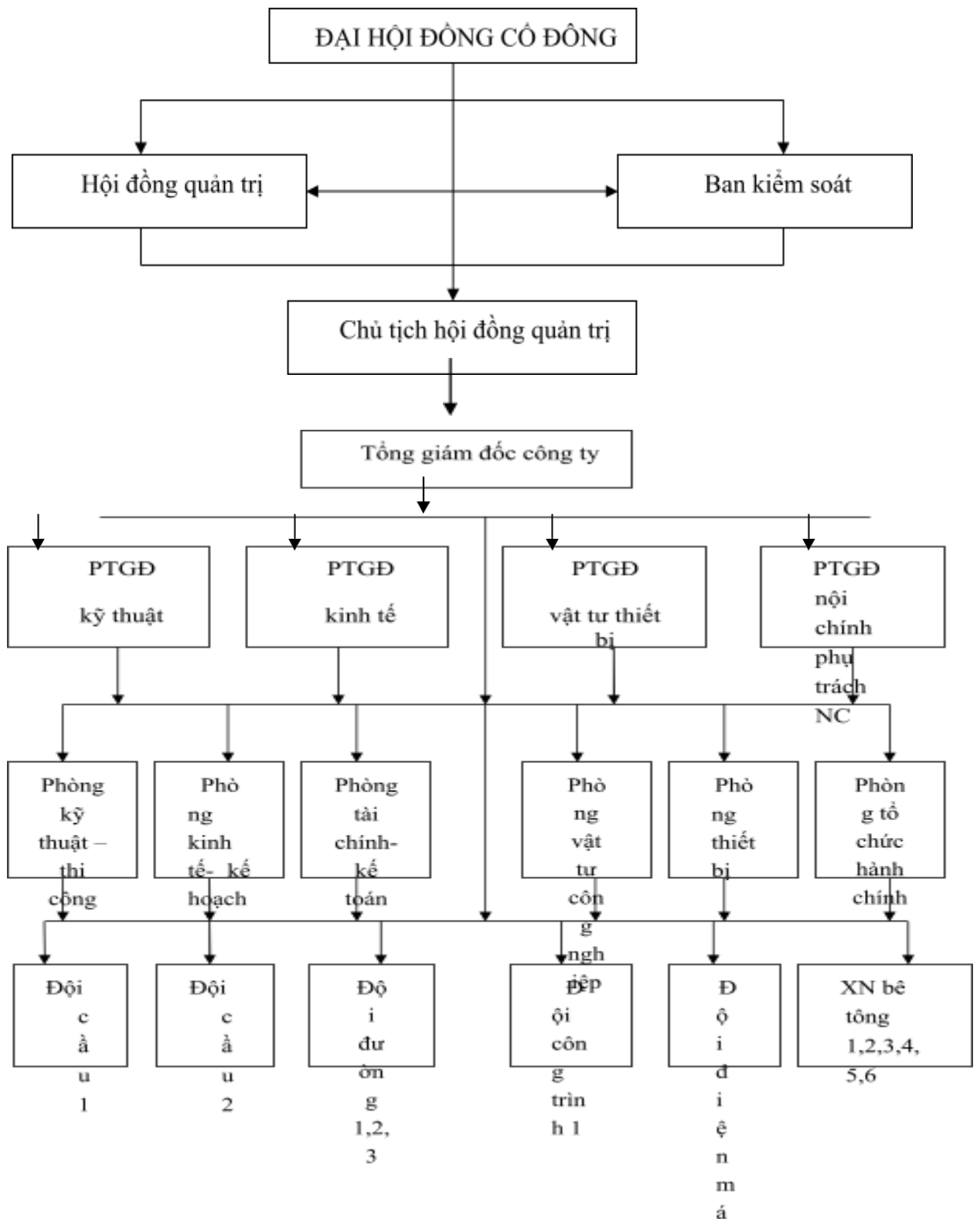
3.1.3. Đặc điểm tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long

Bộ máy điều hành quản lý ở công ty bao gồm:

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
- Tổng giám đốc, 04 Phó Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc gồm 6 phòng ban chức năng. Bộ máy giúp việc làm nhiệm vụ tham mưu giúp lãnh đạo công ty quản lý mọi hoạt động bao gồm:

- Phòng tổ chức hành chính
- Phòng kỹ thuật - thi công
- Phòng kinh tế - kế hoạch
- Phòng tài chính - kế toán
- Phòng vật tư công nghiệp
- Phòng thiết bị
- Các xí nghiệp, đội sản xuất

** Sơ đồ tổ chức bộ máy công ty*



Sơ đồ 3.1 – Mô hình tổ chức quản lý của Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long



Các đội thi công hạch toán phụ thuộc chịu sự quản lý và điều hành bởi Tổng giám đốc công ty. Với kiểu tổ chức theo mô hình ba cấp (Công ty – Phòng ban - Đội), các đội thi công hạch toán phụ thuộc Công ty, có quyền tự chủ về SXKD theo sự phân cấp của Công ty và chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ cũng như quyền lợi với Công ty. Đội thi công trực thuộc Công ty thì chịu trách nhiệm tổ chức sản xuất thi công theo sự chỉ đạo trực tiếp của Ban lãnh đạo công ty.

3.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long

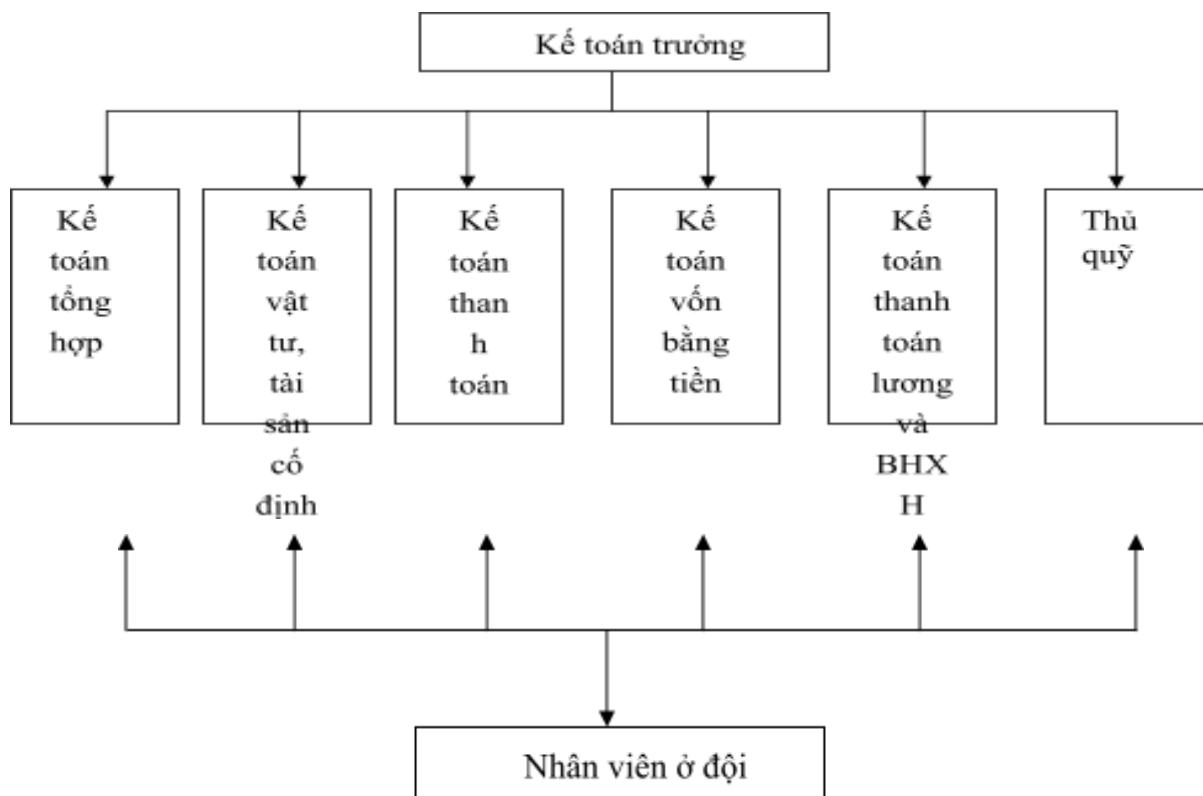
3.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo kiểu nửa tập trung nửa phân tán. Ở dưới các đội, xí nghiệp có nhân viên kế toán thống kê với nhiệm vụ tập hợp chứng từ, thực hiện ghi chép ban đầu và định kỳ báo cáo lên phòng kế toán Công ty.

Phòng Tài chính kế toán công ty thực hiện việc tổng hợp số liệu ở các đơn vị trực thuộc, theo dõi các khoản chi phí chung trong toàn công ty, tập hợp chi phí và tính giá thành cho các công trình, hạng mục công trình, lập báo cáo kế toán định kỳ.

Đứng đầu phòng kế toán là Kế toán trưởng chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ các công việc về tài chính của công ty, giúp việc cho Kế toán trưởng có 1 Phó phòng (kế toán tổng hợp) và các nhân viên kế toán thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Kế toán trưởng.

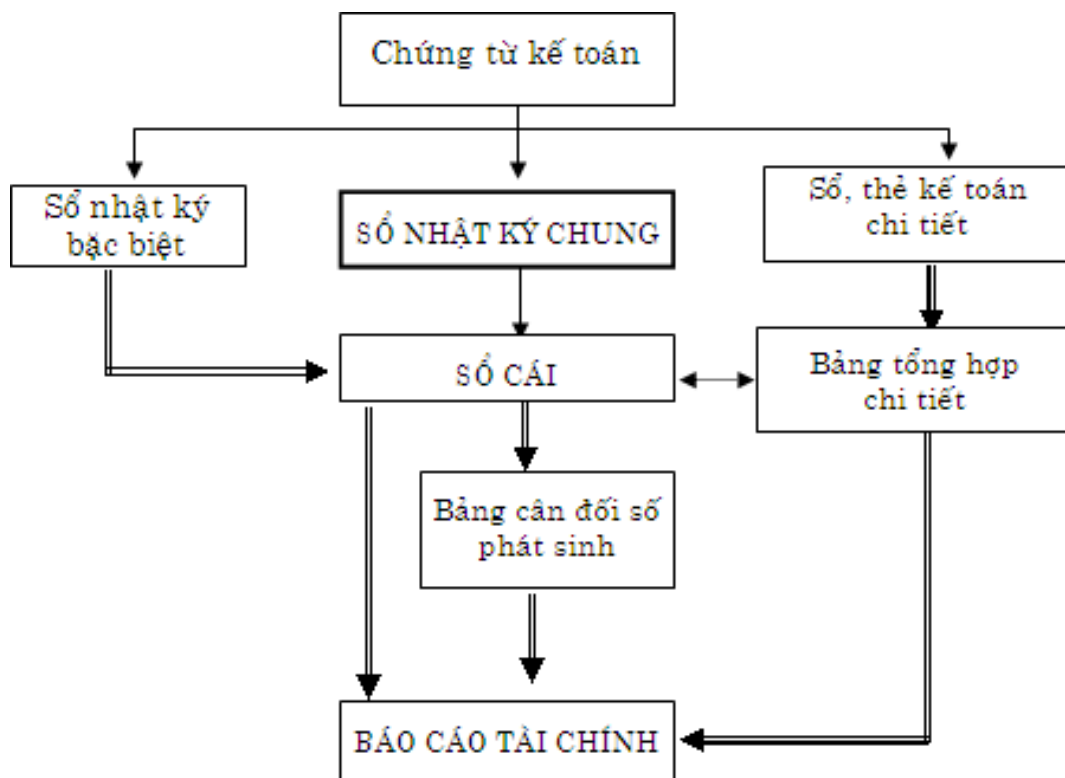
** Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty này được thể hiện qua sơ đồ 3.2*



Sơ đồ 3.2 – Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long

3.1.4.2. Đặc điểm vận dụng chế độ kế toán tại công ty

- Chế độ kế toán: Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014
- Công ty áp dụng áp dụng các chuẩn mực kế toán và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực kế toán do Nhà nước Việt Nam ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, công văn hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng.
- Hình thức kế toán: Nhật ký chung. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức “Nhật ký chung”, được mô tả qua sơ đồ 3.3



Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇒

Đối chiếu ⇔

Sơ đồ 3.3 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: đồng Việt Nam

- Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị hàng tồn kho xuất kho được tính theo phương pháp đích danh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

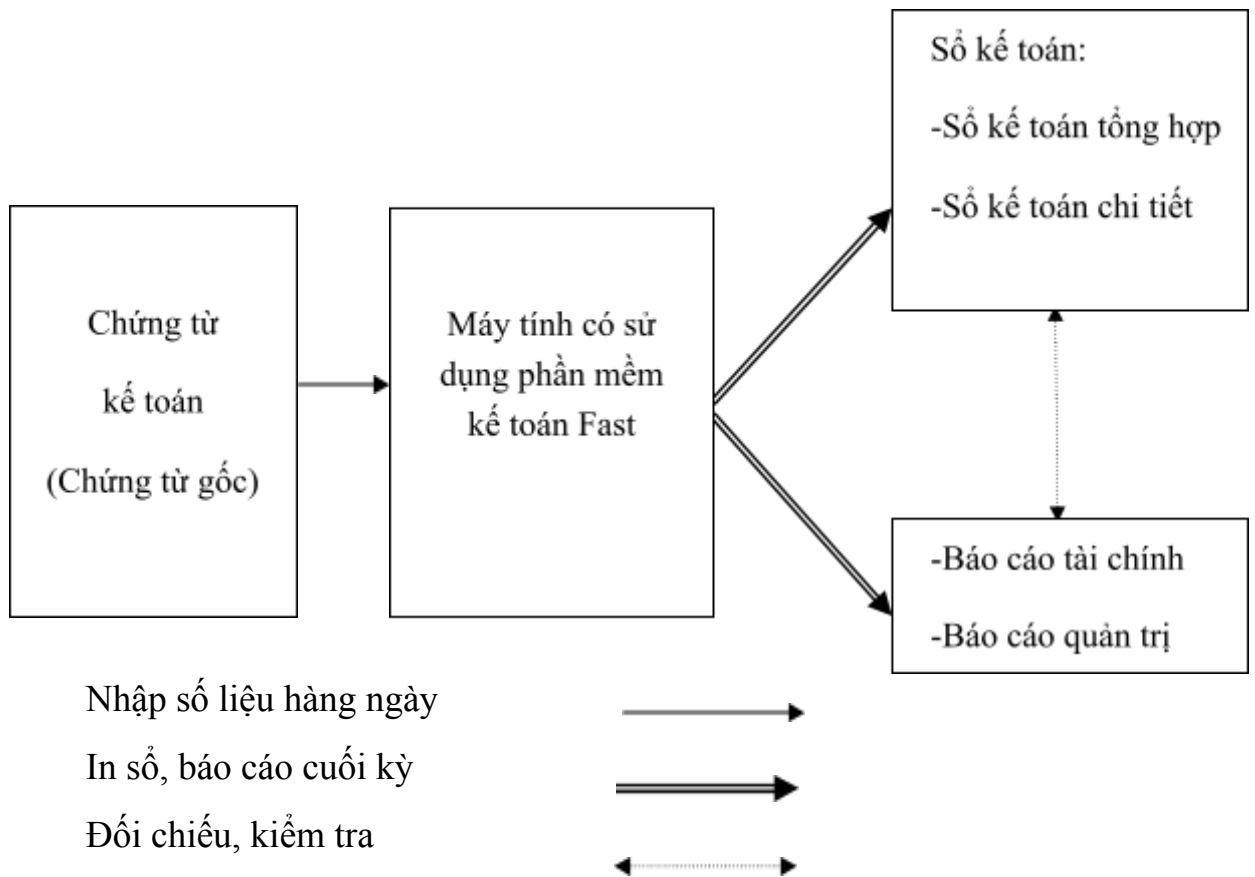
- Tài sản cố định: Nguyên giá của tài sản cố định được ghi nhận bằng giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt sử

dụng. Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo số ca máy hoạt động đối với máy thi công, và phương pháp khấu hao theo đường thẳng đối với các tài sản khác.

3.1.4.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty trong điều kiện ứng dụng tin học

Hiện công ty đang sử dụng phần mềm kế toán Fast Accounting. Việc ứng dụng phần mềm đã giúp giảm thiểu thời gian, khối lượng công việc, nâng cao hiệu quả công việc. Tất cả các công việc đều được thực hiện bằng máy, các bộ phận được phân quyền trên phần mềm đối với phần công việc mà mình phụ trách.

Trình tự kế toán máy tại công ty được mô tả qua sơ đồ 3.4.



Sơ đồ 3.4 – Trình tự kế toán máy theo hình thức Nhật ký chung



3.2. Thực trạng kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long

3.2.1. Phân loại chi phí sản xuất

Công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long phân loại chi phí theo mục đích và công dụng kinh tế. Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất phát sinh của từng công trình, hạng mục công trình được ghi nhận theo từng khoản mục cụ thể, như sau:

- Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp: là khoản mục chi phí chiếm tỉ trọng lớn trong giá thành sản phẩm xây dựng (khoảng 60% tới 70%). Nguyên vật liệu trong xây dựng bao gồm: cát, đá, sỏi, xi măng, sắt, thép, nhựa đường, phụ gia bê tông, que hàn,... Trong đó mỗi loại nguyên vật liệu lại bao gồm nhiều loại khác nhau như: cát thì có cát vàng, cát đen; thép có thép chữ U, chữ V, và đường kính cũng khác nhau.

Nguyên vật liệu sử dụng cho xây dựng hạng mục công trình nào phải được tính trực tiếp cho hạng mục công trình đó trên cơ sở Chứng từ gốc theo số lượng thực tế đã sử dụng và theo giá xuất kho thực tế là giá đích danh.

- Chi phí nhân công trực tiếp phản ánh chi phí lao động trực tiếp tham gia vào hoạt động xây lắp công trình, bao gồm các khoản phải trả cho người lao động thuộc quản lý của công ty và lao động thuê ngoài, bao gồm: tiền lương, các khoản phụ cấp của công nhân trực tiếp thi công, công nhân lái máy, tiền khoán trả cho lao động thuê ngoài,...

Lao động thuộc quản lý của doanh nghiệp là các lao động được ký hợp đồng dài hạn. Đối với lao động thuộc quản lý của công ty, công ty tiến hành trích BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định hiện hành.

- Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình thi công để thực hiện khối lượng công việc xây lắp. Chi phí sử dụng máy thi công của Công ty bao gồm: Chi phí nhiên liệu cho máy chạy, Chi phí khấu hao máy móc thiết bị, Chi phí sửa chữa máy thi công, Chi phí



dịch vụ mua ngoài. Chi phí nhân công lái máy được tập hợp vào TK 622 “Chi phí nhân công trực tiếp”

Công ty đã dành một số quan tâm nhất định đối với việc đầu tư máy thi công. Tuy nhiên, số lượng máy vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng, một phần, do đòi hỏi đặc thù của một số công trình về máy thi công, nên một phần các máy thi công được thuê ngoài, hoặc khoán thẳng theo hạng mục công trình.

- Chi phí sản xuất chung: theo phân cấp quản lý, các đội thi công tự quản lý và kiểm soát các chi phí sản xuất chung phát sinh tại các đội mình bao gồm chi phí nhân viên quản lý công trình, các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của nhân viên quản lý đội, công nhân sản xuất trực tiếp và công nhân lái máy thi công, các chi phí về điện, nước, điện thoại, vật liệu, công cụ dụng cụ dùng chung cho đội...

* Phương thức quản lý chi phí sản xuất bằng giao khoán

Công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long áp dụng phương thức quản lý chi phí “giao khoán sản phẩm xây lắp” cho các đơn vị cơ sở. Đây là một phương thức thích hợp với điều kiện kinh tế thị trường hiện nay vì nó gắn liền lợi ích vật chất của người lao động, đội thi công với khối lượng, chất lượng và tiến độ thi công.

Hiện công ty đang áp dụng phương thức khoán theo từng khoản mục, tức là công ty khoán những khoản mục chi phí thỏa thuận với đội nhận khoán. Đội nhận khoán chịu trách nhiệm chi tiêu, và quản lý chi phí những khoản mục này, đảm bảo chúng không vượt quá giá trị giao khoán. Công ty chịu trách nhiệm về các khoản mục không giao khoán, đồng thời giám sát về kỹ thuật và chất lượng công trình.

3.2.2. Thực trạng xây dựng định mức và lập dự toán chi phí sản xuất tại công ty

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, các doanh nghiệp xây lắp nói chung và Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long nói riêng để tồn tại và



phát triển cần phải có chiến lược sản xuất kinh doanh hợp lý, phải có những dự kiến chi tiết, cụ thể cho từng công trình, hạng mục công trình sẽ thi công. Điều này có nghĩa là các doanh nghiệp xây lắp phải thực hiện lập dự toán chi phí cho từng công trình, hạng mục công trình sau đó chi tiết cho từng công việc xây lắp cụ thể. Việc lập dự toán này đã được thực hiện tốt tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long, nó đã giúp cho các nhà quản lý doanh nghiệp có được những thông tin về kế hoạch xây lắp thi công cho từng công trình, hạng mục công trình trong từng thời gian cụ thể, đánh giá được tình hình thực hiện các chỉ tiêu chi phí đã dự kiến để từ đó có những giải pháp nhằm phát huy, khai thác những khả năng tiềm tàng của từng đội thi công, của doanh nghiệp.

Hiện nay, công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long chưa xây dựng hệ thống định mức riêng, mà áp dụng hệ thống định mức chung của ngành. Cụ thể như sau:

- Định mức về lượng: công ty áp dụng hệ thống định mức do Bộ xây dựng ban hành. Hệ thống định mức như dưới đây.

STT	Số hiệu	Ngày	Ghi chú
I. Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần Xây dựng			
1	1776/BXD-VP	16/08/2007	Tương tự định mức dự toán xây dựng công trình ban hành kèm theo QĐ số 24/2005/QĐ-BXD. Xem Bảng so sánh sự thay đổi 1776/BXD-VP và 24/2005/QĐ-BXD
2	1091/QĐ-	26/12/2011	Bổ sung công tác xây gạch bằng vật



	BXD		liệu không nung
3	1172/QĐ- BXD	26/12/2012	Sử dụng định mức dự toán xây dựng công trình kèm theo theo QĐ số 1172/QĐ-BXD chi phí nhân công công tác bả matit giảm 70% so với sử dụng định mức công bố theo công văn số 1776/BXD-VP
4	588/QĐ - BXD	29/05/2014	Xử lý nền đất yếu kho bãi, nhà máy, đường giao thông,... Bổ sung mới chương XII - Công tác bốc xếp, vận chuyển các loại vật liệu và cấu kiện xây dựng bằng ô tô (Mã hiệu AM.11000 đến AM.33000)
II. Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần Lắp đặt			
1	1777/BXD- VP	16/08/2007	Tương tự định mức dự toán xây dựng công trình ban hành kèm theo QĐ số 33/2005/QĐ-BXD
2	1173/QĐ- BXD	26/12/2012	Sửa đổi toàn bộ chương I: Lắp đặt hệ thống điện trong công trình công bố kèm theo CV số 1777/BXD-VP
3	587/QĐ - BXD	29/05/2014	Thay thế, sửa đổi bổ sung nhiều công tác thuộc chương II: Lắp đặt các loại



			ống và phụ tùng
III. Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần Khảo sát			
1	1779/BXD-VP	16/08/2007	Tương tự định mức dự toán xây dựng công trình ban hành kèm theo QĐ số 28/2005/QĐ-BXD
IV. Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần Sửa chữa			
1	1778/BXD-VP	16/08/2007	Mã hiệu định mức 4 số bắt đầu bằng chữ X. Tương tự định mức dự toán xây dựng công trình ban hành kèm theo QĐ số 29/2000/QĐ-BXD
2	1129/QĐ-BXD	07/12/2009	Mã hiệu định mức 5 số bắt đầu bằng chữ S

- Định mức về giá: Bộ xây dựng không ban hành hệ thống định mức về giá. Khi lập dự toán công trình, công ty áp dụng các định mức do sở xây dựng các địa phương có công trình thi công ban hành.

** Lập dự toán chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình*

Công việc lập dự toán chi tiết cho các công trình, hạng mục công trình như vậy đòi hỏi công tác tập hợp chi phí sản xuất thực tế phát sinh phải được thực hiện theo từng khoản mục chi phí để có thể dễ dàng kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện dự toán chi phí. Trong Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long, việc lập dự toán công trình, hạng mục công trình được phòng kỹ thuật – thi công chịu trách nhiệm, công việc được khái quát qua các bước sau:



- *Bước 1:* Xác định khối lượng công trình, hạng mục công trình (trong đó người lập dự toán phải bóc tách khối lượng công việc cho từng công trình, hạng mục công trình từ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công).

- *Bước 2:* Căn cứ vào định mức do Bộ Xây dựng ban hành và các đơn giá do các Sở Xây dựng của các tỉnh thành ban hành căn cứ trên định mức do Bộ xây dựng ban hành, căn cứ vào định mức nội bộ doanh nghiệp được xây dựng, tiến hành xác định dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung.

- *Bước 3:* Xác định chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước theo quy định của Bộ xây dựng.

- *Bước 4:* Lập các bảng tổng hợp dự toán kinh phí công trình, hạng mục công trình

** Xác định tổng dự toán công trình*

Tổng dự toán công trình là: tổng mức chi phí cần thiết cho việc đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án được tính toán cụ thể ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật thi công. Tại Công ty, tổng dự toán cho công trình thi công được xác định bao gồm:

- Chi phí xây dựng được lập cho các công trình chính, công trình phụ trợ, các công trình tạm phục vụ thi công. Dự toán chi phí xây dựng gồm: chi phí trực tiếp, chi phí chung, thu nhập chịu thuế và thuế GTGT.

- Chi phí thiết bị bao gồm chi phí mua sắm thiết bị, chi phí lắp đặt thiết bị và thí nghiệm, hiệu chỉnh (nếu có).

- Các chi phí khác như: chi phí thi tuyển kiến trúc, chi phí khảo sát xây dựng, chi phí thiết kế công trình, chi phí lập định mức, đơn giá và các chi phí cần thiết do người quyết định đầu tư quyết định bổ sung cho phù hợp.

- Chi phí dự phòng được xác định theo tỷ lệ % trên tổng chi phí xây dựng, chi phí thiết bị và chi phí khác, nhưng tối đa không quá 10% các công trình



thuộc dự án nhóm A và B, 5% đối với các công trình thuộc dự án nhóm C.

Giá trị dự toán xây lắp công trình tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long được xây dựng dựa trên nội dung từng khoản mục chi phí của tổng dự toán công trình. Đây là cơ sở để doanh nghiệp xây dựng, lập kế hoạch khối lượng công tác xây lắp, là căn cứ để tính kết quả kinh doanh của doanh nghiệp và để kiểm tra chỉ tiêu giá thành xây lắp của doanh nghiệp. Sau khi trừ đi phần thuế và lãi định mức, doanh nghiệp xây lắp xác định được giá thành dự toán xây lắp công trình.

Trích dẫn số liệu dự toán công trình trạm Rada dự báo thời tiết Pleiku, hạng mục công trình Nhà làm việc

- Căn cứ bản vẽ thi công, hồ sơ thiết kế kỹ thuật, đơn giá của từng hạng mục công trình của sở xây dựng tại địa điểm xây dựng công trình, công ty tiến hành lập bảng tổng hợp dự toán công trình. Bảng tổng hợp dự toán công trình cung cấp cho nhà quản lý số liệu tổng hợp về toàn bộ dự toán các chi phí phát sinh khi thực hiện xây dựng công trình (**Phụ lục 01**)

- Tiến hành lập bảng tổng hợp dự toán chi phí xây dựng cho công trình, hạng mục công trình, trong đó đưa ra các số liệu về chi phí vật liệu, chi phí máy thi công, chi phí chung với khối lượng công việc cụ thể cho từng hạng mục công trình (**Phụ lục 02**)

- Căn cứ vào giá xây dựng tại địa điểm xây dựng, khối lượng thi công công trình, lập bảng giá xây dựng hạng mục công trình, trong đó nêu ra số liệu chi tiết về giá vật liệu, nhân công, máy thi công đối với từng hạng mục công trình theo khối lượng công việc (**Phụ lục 03**)

- Lập Bảng đơn giá chi tiết xây dựng hạng mục công trình (**Phụ lục 04**)

● Đối với Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Đội thi công căn cứ vào bảng tổng hợp chi phí thiết bị công trình (**Phụ lục 05**), bảng tổng hợp vật tư và chênh lệch giá do phòng kế hoạch cung cấp



(**Phụ lục 06**) và nhu cầu thực tế khi thi công công trình báo về cho phòng kế toán, phòng kế toán kiểm tra giá thị trường, tiến hành khảo sát lựa chọn nhà cung cấp, để kịp thời cung cấp vật tư tới công trình

- Đối với chi phí nhân công trực tiếp

Phòng kế hoạch lập Bảng tính đơn giá nhân công (**Phụ lục 07**) để phòng kế toán làm căn cứ trả lương cho người lao động

- Đối với chi phí máy thi công

Xây dựng bảng tính đơn giá ca máy (**Phụ lục 08**), Bảng bù giá nhiên liệu và lương thợ lái máy hạng mục công trình (**Phụ lục 09**)

- Lập Bảng Chi phí dự phòng cho công trình (**Phụ lục 10**)

3.2.3. Thực trạng xác định chi phí cho các đối tượng và trung tâm chi phí sản xuất tại công ty

3.2.3.1. Xác định chi phí cho các đối tượng

Xuất phát từ đặc điểm riêng của ngành xây dựng và của các sản phẩm xây lắp là có quy trình sản xuất phức tạp, thời gian xây dựng lâu dài, sản phẩm sản xuất ra là đơn chiếc và có qui mô lớn lại cố định tại một địa điểm, nơi sản xuất cũng là nơi tiêu thụ... cho nên để đáp ứng được nhu cầu của nhà quản lý, đối tượng chịu CPSX được Công ty xác định là từng công trình, hạng mục công trình. Phương pháp xác định chi phí sử dụng tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long là phương pháp trực tiếp theo từng công trình, hạng mục công trình, các chi phí sản xuất bao gồm: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung.

- Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Nguyên vật liệu sử dụng cho xây dựng hạng mục công trình nào phải được tính trực tiếp cho hạng mục công trình đó trên cơ sở chứng từ gốc theo số lượng thực tế đã sử dụng và theo giá xuất kho thực tế là giá đích danh.

Nếu đã được công ty khoán chi phí nguyên liệu, vật liệu, các đội được



chủ động tự ký hợp đồng mua vật tư. Khi có nhu cầu mua vật tư, các đội lập yêu cầu tạm ứng tiền mua vật tư, công ty chuyển khoản cho đội, việc mua hàng được tiến hành. Hàng hóa nhận về được cán bộ kỹ thuật kiểm tra về kỹ thuật, thủ kho kiểm tra về số lượng, và tiến hành lập phiếu nhập kho. Cán bộ thống kê ở đội tập hợp hóa đơn, biên bản giao hàng, phiếu nhập kho, làm yêu cầu đề nghị thanh toán tạm ứng và chuyển về công ty.

Nếu đội không được khoán gọn chi phí mua nguyên liệu, vật liệu, thì toàn bộ công việc phê duyệt mua bán, ký kết hợp đồng, thanh toán được công ty thực hiện.

Do đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản và đặc điểm của sản phẩm xây lắp là địa điểm phát sinh chi phí ở nhiều nơi khác nhau, để thuận tiện cho việc xây dựng công trình, tránh vận chuyển tốn kém nên công ty tiến hành tổ chức kho vật liệu ngay tại chân công trình và việc nhập, xuất vật tư diễn ra ngay tại đó. Các đội hầu như không tiến hành dự trữ, nguyên vật liệu mua tới đâu được xuất dùng luôn tới đó.

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng nguyên liệu, vật liệu, đội xí nghiệp chủ động việc mua bán vật tư. Vật tư mua về sau khi được kiểm đếm số lượng, kiểm tra chất lượng, thủ kho lập phiếu nhập kho, và đồng thời bàn giao toàn bộ khối lượng trên cho đội thi công. Định kỳ, vào cuối mỗi quý, nhân viên thống kê tập hợp chứng từ (hóa đơn, phiếu nhập kho, biên bản bàn giao vật tư) và lập thanh toán tạm ứng chuyển về phòng kế toán công ty.

Phòng kế toán, sau khi nhận đầy đủ chứng từ, tiến hành kiểm tra, và ghi sổ kế toán. Kế toán hạch toán nghiệp vụ trên phần mềm máy tính ghi nhận bút toán Nợ TK 621/ Có TK 331. Sau khi hoàn thành các công việc trên, phần mềm tự động chuyển ghi sổ chi tiết TK 621 (**Phụ lục 11**), sổ cái TK621

- Kế toán chi phí nhân công trực tiếp:



Công ty hiện áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm (lương khoán) đối với bộ phận trực tiếp thi công xây dựng công trình. Công việc được giao khoán cho đội xây dựng. Tùy thuộc vào nhu cầu nhân công cho từng thời kỳ, đội xây dựng chủ động điều động nhân công cho hợp lý. Nhân viên kỹ thuật đôn đốc lao động thực hiện phần việc được giao đúng tiến độ và kỹ thuật. Căn cứ vào đơn giá công làm việc, và số công nhân viên thống kê ghi nhận trong tháng, để tính toán ra tiền lương của mỗi lao động

Hàng ngày, nhân viên thống kê có trách nhiệm ghi nhận tình hình lao động trên bảng chấm công. Cuối tháng, đội tiến hành nghiệm thu khối lượng giao khoán để tính toán ra tổng tiền lương khoán của toàn đội. Đơn giá tiền lương cho mỗi cá nhân được tính trên cơ sở phân bổ tổng tiền lương khoán trên tổng số công làm việc quy đổi theo hệ số. Kế toán lập bảng tính lương cho bộ phận nhân công trực tiếp và hạch toán chi phí nhân công trực tiếp trên phần mềm kế toán, phần mềm tự động lên sổ chi tiết tài khoản 622 (**Phụ lục 12**) và sổ cái TK 622.

- Kế toán chi phí máy thi công:

Đối với máy thi công thuê ngoài: Do số lượng máy thi công còn hạn chế, không thể đáp ứng toàn bộ nhu cầu sử dụng, Công ty cho phép các đội thuê ngoài máy thi công. Việc thuê ngoài thường được thực hiện dưới hình thức khoán gọn, thuê theo khối lượng công việc. Tuy nhiên đội xây dựng phải đảm bảo giá thuê dưới giá trị giao khoán. Đội thi công được ủy quyền ký kết hợp đồng với bên thuê máy, và lựa chọn hình thức thanh toán bằng tạm ứng hoặc qua chuyển khoản của công ty.

Quy trình tạm ứng tại công ty gồm các bước: Đội yêu cầu tạm ứng. Phòng tài chính – kế toán tại công ty kiểm tra chứng từ, và thực hiện tạm ứng. Khi nghiệp vụ phát sinh, nhân viên thống kê có trách nhiệm tập hợp hợp đồng, biên bản nghiệm thu công việc, hóa đơn, và làm thanh toán tạm ứng. Kế



toán tại công ty kiểm tra chứng từ (hóa đơn, hợp đồng, và nghiệm thu khối lượng công việc), thanh toán tạm ứng của đội, định khoản bút toán Nợ 623/Có 141, hạch toán trên phiếu hóa đơn dịch vụ - Phân hệ phải trả.

Đối với chi phí máy thi công của công ty: Các chi phí thường xuyên liên quan tới máy thi công cũng được công ty khoán gọn cho đội quản lý. Khi có nhu cầu sử dụng máy thi công, các đội gửi yêu cầu về phòng vật tư, căn cứ vào đây, phòng vật tư thực hiện điều chuyển máy. Đội thi công có trách nhiệm quản lý, bảo quản máy thi công, ghi chép hàng ngày tình hình sử dụng máy trên “Nhật trình sử dụng máy”.

- Chi phí nhiên liệu, dịch vụ, và bằng tiền khác liên quan tới máy thi công: được tập hợp trực tiếp cho từng công trình. Chi phí phát sinh, được yêu cầu thanh toán tại công trình nào thì ghi nhận cho công trình đó. Nhân viên kinh tế tập hợp các chứng từ. Định kỳ, gửi phòng kế toán để thanh toán tạm ứng. Căn cứ vào các chứng từ này, kế toán hạch toán bút toán Nợ TK 623/ Có TK 141.

- Chi phí khấu hao máy thi công: Máy thi công tại công ty được khấu hao theo số ca máy hoạt động. Cuối kỳ, các đội chuyển “Nhật trình sử dụng máy” về phòng kế toán công ty, sau khi đối chiếu với số liệu ghi chép tại phòng vật tư, kế toán tính toán khấu hao của máy thi công cho từng công trình. Trường hợp, số ca máy sử dụng thấp hơn số ca máy định mức, thì phần chênh lệch được ghi nhận về tài khoản 632.

Tại công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long, phần lớn các chi phí sử dụng máy thi công đều đã xác định được trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình. Một số chi phí liên quan tới nhiều công trình như chi phí sửa chữa lớn máy thi công, chưa được công ty phân bổ cho các công trình hợp lý, mà được tính toàn bộ cho công trình mà máy thi công đang hiện hữu tại thời điểm phát sinh chi phí sửa chữa.

Kế toán sau khi cập nhật số liệu, phần mềm tự động lên số chi tiết tài



khoản 623 (**Phụ lục 13**), sổ cái TK 623

- **Kế toán chi phí sản xuất chung:**

Tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long, việc xác định chi phí sản xuất chung tuân thủ nguyên tắc những chi phí của công trình nào thì tập hợp trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó.

Chi phí sản xuất chung được khoán cho đội thi công. Đối với hình thức này, các khoản mục chi phí phát sinh cho các công trình tại các đội có thể được bù đắp cho nhau nhưng tổng chi phí của các khoản mục đó không được vượt quá giá trị giao khoán. Nhân viên thống kê tập hợp các khoản chi phí phát sinh trong kỳ, định kỳ lập giấy đề nghị thanh toán tạm ứng và gửi về công ty. Căn cứ vào đây, kế toán ghi nhận chi phí. Chi phí sản xuất chung bao gồm:

- Chi phí nhân công: Bao gồm lương của nhân viên quản lý đội công trình, các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý đội, và lao động trực tiếp. Nhân viên quản lý đội công trình được tính lương theo thời gian. Hàng ngày, nhân viên thống kê ở đội có trách nhiệm ghi nhận tình hình lao động tại từng công trình. Cuối kỳ, nhân viên thống kê tập hợp bảng chấm công và gửi về công ty. Phòng kế toán tập hợp chứng từ và tính lương cho bộ phận quản lý.

Đội thi công có thể được giao khoán xây dựng một hay nhiều công trình cùng lúc. Cùng với đó, bộ phận quản lý của đội thi công cũng phải tham gia quản lý nhiều công trình. Khi này, chi phí lương và bảo hiểm của nhân viên quản lý đội được phân bổ theo số ngày công thực tế tại công trình.

Căn cứ vào bảng phân bổ tiền lương, bảo hiểm theo số ngày công thực tế, kế toán ghi nhận chi phí cho từng công trình, hạng mục công trình. Phiếu hạch toán là phiếu kế toán tổng hợp – Phân hệ kế toán tổng hợp.

- Chi phí NLVL: Là các chi phí về vật liệu phục vụ chung cho cả đội thi công. Tại công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long, việc xác định

chi





phí nguyên vật liệu sử dụng cho hoạt động sản xuất chung vẫn chưa thực sự hợp lý, toàn bộ chi phí này được ghi nhận vào tài khoản 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

- Chi phí công cụ dụng cụ: Là các chi phí về công cụ, dụng cụ sản xuất dùng cho đội thi công, bao gồm cuốc, xẻng, dụng cụ bảo hộ lao động, cốp pha,... Tại công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long, kế toán không theo dõi chi tiết tình hình nhập xuất, và quản lý số tồn của các loại công cụ, dụng cụ trên. Khi phát sinh nhu cầu, đội thi công chủ động lên kế hoạch mua hàng, và tập hợp chứng từ, làm thanh toán tạm ứng về công ty. Kế toán công ty kiểm tra tính hợp lý của chứng từ, và phân bổ một lần vào chi phí Nợ TK 6273/ Có TK 141.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài, và chi phí bằng tiền khác: Bao gồm các chi phí về điện, nước, và các chi phí khác,... phục vụ cho đội thi công. Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán tập hợp đầy đủ chứng từ, định kỳ, làm thanh toán tạm ứng gửi về công ty. Căn cứ vào các chứng từ này, kế toán ghi nhận chi phí.

Kế toán tiến hành cập nhật số liệu và kết xuất sổ chi tiết tài khoản 627 (**Phụ lục 14**), sổ cái tài khoản 627

- Phương pháp tính giá thành:

Nếu đối tượng tính giá thành là từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao thì giá thành công trình là tổng chi phí được tổng hợp cho công trình, hạng mục công trình đó.

Nếu công trình được bàn giao theo điểm dừng kỹ thuật, thì công ty áp dụng phương pháp tính giá thành giản đơn để xác định giá thành sản xuất của khối lượng hoàn thành đó.



Giá thành thực tế KLXL hoàn = thành trong kỳ

CPSX thực tế của KLXL dở dang đầu kỳ	+	CPSX thực tế của KLXL phát - sinh trong kỳ	CPSX thực tế của KLXL dở dang cuối kỳ
--------------------------------------	---	--	---------------------------------------

3.2.3.2. *Xác định trung tâm chi phí*

Tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long, trung tâm chi phí sản xuất được tổ chức theo mô hình các đội thi công. Đội trưởng đội thi công công trình trực tiếp kiểm soát và chịu trách nhiệm về các khoản chi phí sản xuất. Trung tâm chi phí sản xuất có nhiệm vụ lập kế hoạch, tiến độ thi công và thực hiện thi công theo dự toán các công trình đã cam kết tiến độ với chủ đầu tư; theo dõi và quản lý vật tư, nhân công, máy, thiết bị một cách hiệu quả và tiết kiệm. Để các nhà quản trị có thể phân tích, đánh giá việc kiểm soát từng loại chi phí cả về số lượng, chất lượng của từng hạng mục công trình, trung tâm chi phí cần phải lập các báo cáo thông tin về chi phí: báo cáo chênh lệch chi phí, báo cáo chi phí của từng hạng mục công trình, đội xây lắp, báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện chi phí toàn công trình.

3.2.4. *Phân tích biến động chi phí để kiểm soát chi phí sản xuất tại công ty*

Để thấy rõ tình hình thực tế về quản trị chi phí và giá thành các doanh nghiệp phải tiến hành phân tích biến động của từng khoản mục chi phí giữa thực hiện với dự toán của từng sản phẩm. Dựa trên việc đánh giá biến động về lượng và giá của các khoản mục chi phí sản xuất, kế toán phân tích nguyên nhân của việc tăng giảm chi phí. Chi phí biến động tăng có thể do ảnh hưởng dương của nhân tố giá như: giá nguyên vật liệu trực tiếp đầu vào tăng, tăng giá nhân công trực tiếp, hoặc ảnh hưởng dương của nhân tố lượng như: lượng



nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho sản phẩm tăng, tăng thời gian lao động trực tiếp. Chi phí sản xuất giảm có thể do: giá nguyên vật liệu đầu vào giảm, giá nhân công trực tiếp giảm, hoặc do ảnh hưởng âm của nhân tố lượng như: lượng nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho sản phẩm giảm.



Trong thời gian nghiên cứu, khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty biến động tăng nhưng công ty không chú trọng đi vào phân tích chênh lệch, tìm ra nguyên nhân và đưa ra giải pháp mà chỉ chú trọng vào việc tính toán số liệu chênh lệch giá (**Phụ lục 06**)

3.2.5. Xây dựng hệ thống báo cáo quản trị chi phí sản xuất

Các báo cáo quản trị nói chung, và báo cáo kế toán quản trị chi phí nói riêng có vai trò rất quan trọng đối với nhà quản lý. Nó cung cấp thông tin cần thiết để nhà quản trị lập kế hoạch điều phối và kiểm tra các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Các báo cáo này là thông báo cho phép họ dựa vào để đưa ra quyết định quản trị nói chung và quyết định quản trị chi phí nói riêng.

Thực tế là tại công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long, việc tổ chức lập báo cáo quản trị vẫn chưa được quan tâm. Công ty đã tiến hành một số báo cáo nhưng các báo cáo này mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin quá khứ, chứ chưa đi sâu phân tích, dự báo. Một số báo cáo thường xuyên tại công ty là:

- Báo cáo tổng hợp chi phí sản xuất và giá thành công trình (**Phụ lục 15**): Báo cáo này được lập định kỳ hàng quý và khi có yêu cầu của lãnh đạo công ty, cho biết tổng chi phí và giá thành sản xuất của công trình, hạng mục công trình. Báo cáo giúp cho lãnh đạo công ty có thể biết được lợi nhuận thực tế có hiệu quả hay không để có phương án điều chỉnh chi phí và giá đấu thầu cho phù hợp.

- Biên bản kiểm kê khối lượng xây lắp hoàn thành (**Phụ lục 16**): Báo cáo do đội trưởng đội thi công lập và thực hiện chi tiết cho từng công trình. Nội dung báo cáo là khối lượng công việc hoàn thành trong kỳ giúp cho lãnh đạo công ty biết rõ tiến độ công trình từ đó đưa ra phương pháp chỉ đạo cụ thể đảm bảo công trình hoàn thành đúng tiến độ.

- Báo cáo chi phí sản xuất của công trình theo từng khoản mục (**Phụ**



lục 17): Báo cáo này được lập định kỳ hàng tháng và theo yêu cầu của lãnh



đạo công ty. Báo cáo cho biết chi phí sản xuất của công trình, hạng mục công trình đến kỳ báo cáo là bao nhiêu, chênh lệch với dự toán như thế nào.

3.2.6. Thực trạng phân tích thông tin chi phí để ra quyết định tại công ty

Yêu cầu của việc phân tích chi phí là giúp cho nhà quản trị nhận thức và đánh giá được sự biến động của từng loại chi phí, từ đó đề ra các giải pháp phù hợp làm giảm chi phí, là cơ sở để hạ giá thành và tăng doanh thu cho doanh nghiệp. Xuất phát từ tầm quan trọng đó, các doanh nghiệp cần tiến hành phân tích các nội dung theo yêu cầu quản lý với phương pháp phù hợp. Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long đã có sự phân tích chi phí sản xuất phục vụ việc ra quyết định kinh doanh. Trong các trường hợp Công ty quyết định lựa chọn tổ chức thi công hay thuê nhà thầu phụ, lựa chọn giá đấu thầu công trình, dự án,... thì phân tích thông tin chi phí để ra quyết định là rất cần thiết đối với Ban lãnh đạo công ty.

Trường hợp quyết định tự tổ chức thi công hay thuê nhà thầu phụ: Sản phẩm xây lắp được chia thành nhiều hạng mục công trình nên thường phát sinh quyết định nên tự tổ chức thi công tất cả các hạng mục công trình hay thuê nhà thầu phụ để thực hiện một số hạng mục nào đó. Do không đủ năng lực thi công ở một hạng mục nào đó, hoặc không đáp ứng tiến độ của chủ đầu tư mà công ty cần quyết định lựa chọn thuê nhà thầu phụ. Trong trường hợp này để ra quyết định phù hợp, công ty cần phân tích thông tin về phần doanh thu và chi phí chênh lệch giữa hai phương án so với giá dự thầu, phương án nào có lợi nhuận cao hơn sẽ được công ty ưu tiên.

Trường hợp lựa chọn giá đấu thầu công trình, dự án: Sản phẩm xây lắp thường được xác định giá sau khi khảo sát thực tế, nghiên cứu hồ sơ và giá chào của chủ đầu tư. Doanh nghiệp nào đưa ra giá đấu thầu thấp hơn sẽ trúng thầu. Bởi tính chất đặc thù của doanh nghiệp xây lắp là thường phát sinh các khoản chi phí ngoài dự kiến ban đầu, vì thế công ty cần phân tích và tối thiểu



hóa được khoản chi phí này để đưa ra giá thầu phù hợp nhất.

3.3. Đánh giá thực trạng kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long

Qua việc khảo sát tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long xung quanh công tác quản trị chi phí sản xuất cũng như công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất, có thể rút ra những nhận xét cơ bản sau:

3.3.1. Những kết quả đạt được

- *Thứ nhất*, hệ thống kế toán tài chính được công ty tổ chức tương đối quy củ và tuân thủ chế độ kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp. Bộ máy kế toán gọn nhẹ, các phần hành kế toán phối hợp với nhau tương đối chặt chẽ, đồng bộ đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho việc xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ bản đáp ứng được yêu cầu quản lý kinh tế tài chính và quản lý giá thành. Tổ chức riêng bộ phận kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm và bộ phận kế toán tổng hợp, đây là tiền đề thuận lợi cho việc xây dựng mô hình kế toán quản trị về sau.

- *Thứ hai*, thực hiện phân cấp quản lý tài chính cho các đội thi công trực thuộc Công ty... thuận tiện cho việc quản lý, lưu giữ chứng từ, dễ kiểm tra, kiểm soát, giảm bớt sức ép công việc của phòng Tài chính kế toán Công ty vào cuối mỗi quý, từ đó tạo được sự chủ động cho các đơn vị thi công cũng như nâng cao tinh thần tự chịu trách nhiệm của từng bộ phận trong Công ty.

- *Thứ ba*, chi phí đều được thống nhất phân loại theo từng khoản mục chi phí, vì vậy thuận lợi cho công tác kế toán chi phí sản xuất, đảm bảo cho việc lập báo cáo chi phí đáp ứng yêu cầu quản lý do Nhà nước, Bộ giao thông quy định, giúp cho nhà quản lý doanh nghiệp có thể kiểm soát được tình hình sản xuất thực tế, kiểm tra việc thực hiện các định mức chi phí, kế hoạch sản xuất. Công tác tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được thực hiện tương đối khoa học, đối tượng tập hợp chi phí là các công



trình, hạng mục công trình đã phản ánh được đặc thù sản xuất kinh doanh của loại hình doanh nghiệp xây lắp đồng thời đáp ứng được yêu cầu quản lý mà doanh nghiệp đặt ra.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong Công ty còn có những tồn tại nhất định.

3.3.2. Những tồn tại

Kế toán quản trị đã được giảng dạy tại Việt Nam đã lâu. Thuật ngữ này đã không còn là khái niệm mới mẻ đối với các nhà quản trị doanh nghiệp Việt Nam nói chung cũng như các doanh nghiệp xây lắp Việt Nam nói riêng. Trên thực tế tổ chức kế toán ở Công ty đã có những biểu hiện của kế toán quản trị. Song kế toán quản trị chưa thực sự được sử dụng đúng với vai trò quan trọng của nó thể hiện:

**** Thứ nhất: Về việc phân loại chi phí chưa đáp ứng yêu cầu kế toán quản trị chi phí sản xuất***

Các khoản chi phí trong Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long hầu hết được phân loại theo khoản mục chi phí chứ chưa được phân loại theo cách ứng xử của chi phí. Vì vậy, những thông tin về chi phí do kế toán tài chính cung cấp không đủ đáp ứng yêu cầu phân tích, đánh giá hoạt động doanh nghiệp.

Ví dụ như, kế toán tại các công ty có thể cung cấp một số liệu tổng hợp các khoản chi phí sản xuất chung thực tế của một công trình nào đó nhưng không cung cấp được cụ thể trong tổng số chi phí sản xuất chung đưa ra đó những chi phí nào là chi phí sản xuất chung cố định, những chi phí nào là chi phí sản xuất chung biến đổi. Vì vậy, các nhà quản lý doanh nghiệp khó có thể đưa ra một ý kiến chỉ đạo cụ thể đối với việc giảm thiểu chi phí sản xuất chung: nên giảm khoản phí nào, nội dung công việc nào để tổng chi phí sản xuất chung giảm nhưng vẫn mang lại hiệu quả kinh tế cao.



Bên cạnh đó việc phân bổ chi phí sản xuất chung, chi phí sử dụng máy thi công có liên quan đến nhiều công trình, hạng mục công trình..., chỉ chọn một tiêu chuẩn phân bổ duy nhất như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho tất cả các yếu tố chi phí sản xuất chung và chi phí máy thi công (do chưa tổ chức hạch toán chi tiết các chi phí này theo yếu tố). Việc làm này sẽ làm cho giá thành của các công trình, hạng mục công trình được tập hợp không chính xác bởi vì chi phí sản xuất chung, chi phí máy thi công bao gồm nhiều nội dung (yếu tố) khác nhau, chịu ảnh hưởng của nhiều hoạt động khác nhau và bản thân chúng lại bao gồm cả các yếu tố về biến phí và định phí cho nên nếu chỉ lấy một tiêu thức phân bổ sẽ không phản ánh chính xác chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình.

Về công tác tính giá thành hiện nay tại công ty vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Việc tính giá thành chủ yếu là để đáp ứng yêu cầu kiểm tra từ bên ngoài như cơ quan cấp trên, các đối tác, cơ quan thuế... do đó chỉ đáp ứng yêu cầu trên góc độ kế toán tài chính. Còn đối với yêu cầu của kế toán quản trị trong doanh nghiệp xây lắp là phải cung cấp thông tin nội bộ thì việc tập hợp chi phí chưa nhanh và chưa chính xác. Nguyên nhân là do có những khoản phí hạch toán chưa đúng nội dung, phân bổ chưa chính xác và hiện tại chưa có một hệ thống báo cáo kế toán quản trị phù hợp với yêu cầu lãnh đạo doanh nghiệp.

**** Thứ hai: Về việc xây dựng định mức và lập dự toán***

Hiện nay, tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long, việc xây dựng, quản lý và sử dụng định mức, dự toán chưa đáp ứng được yêu cầu quản trị doanh nghiệp, hệ thống định mức và dự toán chưa đầy đủ và đồng bộ. Việc vận dụng và xây dựng các định mức chi phí rất cần thiết đối với Công ty trong điều kiện hiện nay để đưa ra những căn cứ làm cơ sở cho việc lập dự toán và làm tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh. Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long đã có sự so sánh giữa chi phí thực tế với các



định mức chi phí, tuy nhiên việc tìm ra nguyên nhân chênh lệch và có các biện pháp cụ thể khắc phục nguyên nhân làm tăng chi phí so với định mức, dự toán còn hạn chế. Thực tế chưa có đơn vị nào trong Công ty xây dựng được hệ thống định mức dự toán chi phí tiêu chuẩn hoàn thiện nhất là về chi phí cho người lao động và đơn giá tiêu chuẩn. Các định mức chi phí tại các đơn vị thuộc Công ty đã được xây dựng khá cụ thể tuy nhiên mới chỉ cho những công việc phổ biến, còn những công việc mang tính đặc thù thì vẫn chưa có định mức và đơn giá cụ thể. Bên cạnh đó thì chủ yếu là các bộ phận chức năng như bộ phận kế hoạch, định mức, kỹ thuật tiến hành việc xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống định mức, dự toán thực tế của các đơn vị trực thuộc mà chưa có sự tham gia hiệu quả của bộ phận kế toán.

Thứ ba, về việc xác định chi phí cho từng đối tượng chịu phí:

Chi phí sản xuất tại công ty được xác định bằng phương pháp trực tiếp cho đối tượng chịu phí là từng công trình, hạng mục công trình bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung được xác định theo thực tế phát sinh vào từng khoản mục và phản ánh trên sổ cái các tài khoản tương ứng: 621, 622, 623, 627 rồi từ đó tính ra giá thành của từng công trình, hạng mục công trình chứ chưa xây dựng được các báo cáo theo hệ thống kế toán quản trị như: phiếu theo dõi chi phí cho từng công trình, hạng mục công trình, báo cáo giá thành công trình... nên kết thúc quá trình này chỉ đem lại kết quả duy nhất là tính ra được giá thành của công trình, hạng mục công trình mà chưa đưa ra được các thông tin phục vụ cho mục đích của kế toán quản trị. Tuy đã đưa ra được một số báo cáo kế toán quản trị nói chung và báo cáo kế toán quản trị về chi phí sản xuất sản phẩm nói riêng nhưng nhìn chung chưa được thiết lập một cách đầy đủ để phục vụ cho yêu cầu quản lý và còn mang tính tổng hợp, liệt kê một cách đơn thuần, hầu như chỉ mang tính chất báo cáo kết quả cho



kế toán tài chính chứ chưa thể hiện được vai trò cung cấp thông tin cho kế quản quản trị.

Thứ tư: Về công tác phân tích biến động chi phí

Công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long đã tiến hành tổ chức phân tích biến động các khoản mục chi phí dựa trên cơ sở các định mức chi phí đã được xây dựng và các chi phí thực tế phát sinh. Tiếp theo so sánh giữa dự toán và chi phí thực tế để thấy được chi phí nào tăng, chi phí nào giảm. Đối với công ty, công tác này chưa phân tích được cụ thể các nguyên nhân gây biến động chi phí sản xuất để có các giải pháp ứng xử hiệu quả, chưa thực sự được quan tâm, chưa được đầu tư thực hiện một cách khoa học.

Từ đó, nhận thấy công tác kế toán của Công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long đã có những biểu hiện nhất định về kế toán quản trị nhưng mức độ chưa chuyên nghiệp. Vì vậy, Công ty cần phải hoàn thiện hơn nữa trước hết là những vấn đề còn tồn đọng trong công tác kế toán nói chung, sau đó đến các nội dung cơ bản trong kế toán quản trị nói riêng để kế toán quản trị phát huy tác dụng, vai trò của mình cho các cấp quản lý trong thời gian tới.

Thứ năm: Về việc thiết lập hệ thống báo cáo kế toán nội bộ đầy đủ, khoa học

Hiện nay tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long các báo cáo kế toán trong nội bộ các doanh nghiệp chưa thiết lập một cách đầy đủ để phục vụ cho yêu cầu quản lý. Nguyên nhân chủ yếu là do hiện nay Nhà nước chưa có những qui định về các biểu mẫu kế toán quản trị, vì vậy việc thiết kế các mẫu biểu kế toán quản trị hoàn toàn phụ thuộc vào yêu cầu quản lý, khả năng nhận thức của mỗi doanh nghiệp cũng như phụ thuộc vào sự hướng dẫn của bản thân ngành xây dựng.

Nhìn chung lại, có thể thấy trong công tác kế toán của Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long đã có những biểu hiện nhất định về kế toán quản



trị tuy nhiên mới chỉ ở mức độ manh nha, sơ khai ban đầu. Vì vậy, để phục vụ cho các cấp quản lý trong thời gian tới, cần phải hoàn thiện hơn nữa trước hết về những sai sót còn tồn đọng trong công tác kế toán nói chung, sau đến các nội dung cơ bản về tổ chức kế toán quản trị.

Nhìn chung lại, có thể thấy trong công tác kế toán của Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long đã có những biểu hiện nhất định về kế toán quản trị tuy nhiên mới chỉ ở mức độ manh nha, sơ khai ban đầu. Vì vậy, để phục vụ cho các cấp quản lý trong thời gian tới, cần phải hoàn thiện hơn nữa trước hết về những sai sót còn tồn đọng trong công tác kế toán nói chung, sau đến các nội dung cơ bản về tổ chức kế toán quản trị.

Thứ sáu: Về tổ chức bộ máy kế toán

Tổ chức bộ máy kế toán là một nội dung hết sức quan trọng liên quan đến việc phân công và sử dụng lao động, quan hệ giữa bộ phận kế toán và các bộ phận khác và tùy theo quy mô, địa bàn hoạt động mà công ty lựa chọn hình thức tổ chức kế toán vừa tập trung vừa phân tán. Nhìn chung bộ máy kế toán của doanh nghiệp xây dựng hiện nay gồm các bộ phận chính sau: Bộ phận kế toán tổng hợp, kế toán TSCĐ, nguồn vốn; kế toán ngân hàng; kế toán vật tư...và đặc biệt kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được tổ chức ở bộ phận kế toán tổng hợp. Bộ phận này sử dụng thông tin ở các bộ phận khác. Mặt khác, tổ chức bộ máy kế toán của công ty được xây dựng mới chỉ tập trung vào công tác thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin của kế toán tài chính là chủ yếu mà chưa quan tâm đến việc thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin cho yêu cầu thuộc kế toán quản trị. Trong việc phân công hiện nay chủ yếu là kế toán tài chính với nội dung đã được quy định trong các văn bản của Nhà nước. Công ty còn phụ thuộc vào sự hướng dẫn chỉ đạo của các cấp quản lý, chưa chủ động trong việc tổ chức và thực hiện kế toán quản trị phục vụ cho yêu cầu quản trị của doanh nghiệp mình như phân tích báo cáo



chi phí, thu nhập theo từng bộ phận sản xuất (đội, công trường), phân tích và ứng dụng mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận, nhận diện và phân tích các thông tin thích hợp cho qua trình ra quyết định. Tồn tại này đã chi phối toàn bộ tổ chức công tác kế toán quản trị.

3.3.3. Những nguyên nhân của thực trạng trên

Từ các phân tích trên có thể đề cập đến một số nguyên nhân cơ bản sau:

Hệ thống kế toán doanh nghiệp hiện nay vận hành theo chế độ kế toán thống nhất, do Nhà nước ban hành, mà chế độ kế toán hiện nay mới chỉ cập nhật đến nội dung kế toán tài chính (trong đó bao gồm cả kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết ở một số đối tượng). Tuy Bộ Tài Chính đã có thông tư hướng dẫn thực hiện kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, nhưng đây là vấn đề mới và các doanh nghiệp thực hiện với phương châm “vừa làm, vừa sửa” trong điều kiện sự hiểu biết của ta về kế toán quản trị trong nền kinh tế thị trường còn nhiều hạn chế và cũng chưa hoàn toàn thống nhất. Đây là nguyên nhân chính dẫn tới hiện trạng triển khai chế độ kế toán doanh nghiệp nói chung và kế toán quản trị nói riêng còn nhiều hạn chế.

Trong thực tế hiện nay, doanh nghiệp chỉ chú trọng đến bộ phận kế toán tài chính, doanh nghiệp luôn coi trọng báo cáo kế toán tài chính, vì nếu chậm thực hiện các công việc kế toán của bộ phận kế toán tài chính sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động khác đặc biệt ở góc độ vĩ mô: đánh giá tài chính và xác định thuế cho doanh nghiệp.

Trong môi trường kinh doanh ở nước ta hiện nay thì hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp Nhà nước vẫn phụ thuộc vào các quyết định, chính sách vĩ mô của Nhà nước đặc biệt là ngành xây lắp mà ít phụ thuộc vào trình độ quản lý cụ thể của doanh nghiệp. Trong điều kiện môi trường kinh doanh như vậy tất yếu doanh nghiệp chỉ quan tâm đến biến động vĩ mô so với quan tâm cải tiến hoàn thiện các hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy, khi nào hiệu quả



hoạt động SXKD của doanh nghiệp phụ thuộc chủ yếu vào chính sách quyết định sản xuất của bản thân doanh nghiệp thì lúc đó bộ máy quản trị doanh nghiệp mới thấy rõ sự cần thiết và giá trị đích thực của các thông tin kinh tế do kế toán quản trị cung cấp tạo cơ sở cho các quyết định kinh doanh. Lúc đó kế toán quản trị thực sự có chỗ đứng và được coi là công cụ không thể thiếu nhằm cung cấp thường xuyên thông tin kinh tế cần thiết cho bộ máy quản trị doanh nghiệp.

Thực tế Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long cũng gặp một vài khó khăn trong việc triển khai kế toán quản trị do nhiều nguyên nhân: Chưa phân định rõ ràng ranh giới giữa hai bộ phận kế toán tài chính và kế toán quản trị, chưa thực sự thấu hiểu nguyên tắc, phương pháp của kế toán quản trị và sự hướng dẫn của cơ quan cấp trên chưa cụ thể.



KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương 3 của luận văn đã tập trung phản ánh khái quát lịch sử hình thành, đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh xây lắp, thực trạng về kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long về các vấn đề: phân loại chi phí sản xuất; xây dựng định mức và lập dự toán chi phí sản xuất; xác định chi phí cho các đối tượng và trung tâm chi phí sản xuất; phân tích biến động chi phí để kiểm soát chi phí sản xuất; xây dựng hệ thống báo cáo kế toán quản trị, phân tích thông tin chi phí để ra quyết định. Qua đó, luận văn đã đưa ra những đánh giá về thực trạng kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long nhằm đưa ra các giải pháp hoàn thiện trong chương 3.



Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 4 THĂNG LONG

4.1. Sự cần thiết, yêu cầu và các nguyên tắc hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long

4.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán quản trị tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long

Giữ vai trò là một công cụ quản lý kinh tế quan trọng, một bộ phận cấu thành hệ thống các công cụ quản lý, căn cứ vào đối tượng sử dụng thông tin kế toán, hệ thống kế toán được phân định thành kế toán tài chính và kế toán quản trị. Kế toán quản trị là khoa học thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh một cách cụ thể, phục vụ cho nhà quản lý trong việc lập kế hoạch, điều hành, tổ chức thực hiện và ra quyết định quản lý hoạt động kinh tế tài chính trong nội bộ doanh nghiệp. Kế toán quản trị không chỉ thu nhận xử lý cung cấp các thông tin về các hoạt động kinh tế đã hoàn thành, đã ghi chép mà còn thực hiện việc thu thập, xử lý, phân tích các dự toán phục vụ cho việc ra quyết định quản lý đúng đắn.

Kế toán quản trị là một bộ phận của công tác kế toán nói chung, là một công cụ quản lý không thể thiếu được đối với công tác quản trị nội bộ doanh nghiệp, đặc biệt là đối với công tác quản lý chi phí, giám sát thực hiện các chức năng quản trị nguồn lực. Thông qua kế toán quản trị, các thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp được trình bày, diễn giải một cách cụ thể, tỷ mỉ, đáp ứng yêu cầu quản lý theo từng chỉ tiêu chi tiết, từng bộ phận trong doanh nghiệp và là cơ sở cho các nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn trong quá trình điều hành doanh nghiệp.



Mặt khác, trong những năm gần đây, với sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước cùng với xu hướng hội nhập, các mô hình tập đoàn sản xuất kinh doanh, các công ty xuyên quốc gia, đa quốc gia hình thành và phát triển ngày càng nhiều tạo ra sự cạnh tranh quyết liệt giữa các công ty không chỉ dừng ở phạm vi trong nước mà cả ở tầm quốc tế. Chính vì vậy, đòi hỏi các công ty, các doanh nghiệp không ngừng cải tiến và từng bước hoàn thiện công tác kế toán nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, nhu cầu cung cấp thông tin.

Tuy nhiên, hiện tại kế toán quản trị vẫn đang là một vấn đề còn mới mẻ, chưa thực sự được quan tâm, việc nhận thức về bản chất, nội dung, vai trò của kế toán quản trị còn nhiều quan điểm khác nhau, do đó việc tổ chức kế toán quản trị trong các doanh nghiệp nói chung và trong Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long nói riêng chưa được quan tâm đúng mức, các doanh nghiệp còn nhiều lúng túng trong việc xác định mô hình, cách thức tổ chức cũng như nội dung của kế toán quản trị.

Trong các đơn vị xây lắp, quản lý và kiểm soát được chi phí sản xuất là vấn đề mà các nhà quản trị luôn quan tâm, việc quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất là cơ sở để xác định đúng đắn kết quả, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Chính vì vậy, việc hoàn thiện tổ chức kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là yêu cầu cấp bách đặt ra cho Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long nhằm quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

4.1.2. Những yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long

Thứ nhất, phải đảm bảo vận dụng hợp lý các văn bản hướng dẫn về tổ chức kế toán quản trị do Nhà nước ban hành.



Nhà nước cần ban hành các văn bản hướng dẫn tổ chức kế toán quản trị để tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị thuộc Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long trong việc tổ chức kế toán quản trị. Về phía mình, các doanh nghiệp cần vận dụng hợp lý các văn bản hướng dẫn của Nhà nước ban hành nhằm đảm bảo tiện lợi cho việc kiểm tra, giám sát của Nhà nước khi cần thiết với tư cách là chủ sở hữu vốn.

Thứ hai, phải thoả mãn yêu cầu quản lý kinh tế – tài chính của Công ty

Kế toán quản trị nhằm phục vụ yêu cầu của nhà quản trị doanh nghiệp nên phải dựa theo yêu cầu, đòi hỏi của công tác quản lý kinh tế, tài chính trong doanh nghiệp để tổ chức kế toán quản trị nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin cụ thể. Nhu cầu thông tin trong từng doanh nghiệp xây lắp là khác nhau, từng cấp quản trị trong mỗi đơn vị cũng khác nhau nên cần phải xác định rõ nhu cầu để thiết kế mô hình kế toán quản trị sao cho thoả mãn yêu cầu theo từng chức năng trong quản lý doanh nghiệp.

Thứ ba, phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm tổ chức kinh doanh, tổ chức quản lý, trình độ và yêu cầu quản lý của Công ty.

Mỗi doanh nghiệp, quá trình hoạt động kinh doanh có những đặc điểm khác nhau về đối tượng kinh doanh, phạm vi, các phương thức và hình thức sản xuất kinh doanh dẫn đến việc tổ chức quản lý kinh doanh cũng khác nhau. Do đó kế toán quản trị là công cụ phục vụ quản lý nội bộ Công ty phải được tổ chức phù hợp với đặc điểm tổ chức quản lý, sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long.

Thứ tư, phải đảm bảo phù hợp với trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán, điều kiện trang bị các phương tiện kỹ thuật tính toán của Công ty.

Thứ năm, phải thể hiện tính kế thừa và học tập kinh nghiệm của các nước có nền kinh tế phát triển nhưng đồng thời không gây biến động lớn về công tác kế toán trong Công ty.



Yêu cầu này xuất phát từ chỗ nền kinh tế nước ta vận động, phát triển trong xu hướng đa phương hoá, quốc tế hoá, ngày càng có nhiều nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Kế toán là công cụ ghi chép, phản ánh kiểm tra, vì vậy phải phù hợp với các thông lệ, chuẩn mực kế toán quốc tế. Như vậy trong quá trình xây dựng hệ thống kế toán nước ta phải có sự học hỏi kinh nghiệm của các nước trên thế giới để người nước ngoài vào Việt Nam hay người Việt Nam ra nước ngoài đều có thể hiểu được thông tin kế toán. Kế toán quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm không phụ thuộc vào các thông lệ, chuẩn mực nhưng với từng phần công việc cụ thể như chi phí, phân loại chi phí, giá thành, thu nhập, các phương pháp phân tích tài chính cũng nên phù hợp với tiêu chuẩn các nước trên thế giới.

Thứ sáu, phải đảm bảo tính khả thi và tính hiệu quả.

Tính khả thi của các giải pháp thể hiện khả năng thực hiện các giải pháp trong thực tế của Công ty. Tính hiệu quả thể hiện các giải pháp hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin của công tác quản trị, mặt khác phải xem xét đến chi phí Công ty phải bỏ ra để có thông tin đó, nghĩa là việc lựa chọn các phương án, giải pháp hoàn thiện phải đảm bảo hài hoà quan hệ lợi ích và chi phí trong lĩnh vực hạch toán phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ, trình độ chuyên môn của đội ngũ kế toán trong Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long.

4.1.3. Nguyên tắc hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long

Xuất phát từ thực trạng, tình hình vận dụng kế toán quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm hiện nay của các doanh nghiệp xây dựng ở nước ta, tính phổ biến của kế toán quản trị chi phí đối với các nước trên thế giới, vai trò, chức năng, đặc điểm, nội dung của kế toán quản trị, luận văn đề cập đến một số nguyên tắc cơ bản cần được quán triệt để định hướng cho các giải



pháp đổi mới nhằm vận dụng, hoàn thiện tổ chức kế toán quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

Nguyên tắc thứ nhất: Tổ chức kế toán quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong công ty phải được xây dựng và hoàn thiện trên cơ sở xác định rõ phạm vi, giới hạn, chức năng và mục tiêu của kế toán tài chính và kế toán quản trị.

Nguyên tắc này được xây dựng trên cơ sở lý luận, tính tất yếu khách quan của kế toán nói chung, sự phân nhánh của kế toán tài chính và kế toán quản trị trong quản lý kinh tế. Từ bản chất, vai trò của kế toán tài chính và kế toán quản trị, từ mối liên hệ của hai loại kế toán là chúng hoạt động, thu thập xử lý thông tin về cùng một hiện tượng, một quá trình kinh tế. Chúng có mối quan hệ chặt chẽ về số liệu, thông tin của chúng đều xuất phát từ chứng từ gốc, một bên phản ánh tổng quát, một bên phản ánh chi tiết, cụ thể. Cả hai loại kế toán đều là công cụ quản lý, một bên quản lý toàn doanh nghiệp, một bên quản lý từng bộ phận của doanh nghiệp. Mặt khác, cùng xuất phát từ phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mỗi loại kế toán, đối tượng và phương pháp áp dụng của chúng cũng có những nét đặc trưng riêng. Chính vì vậy khi xây dựng hệ thống kế toán của doanh nghiệp nói chung, kế toán quản trị nói riêng phải giải quyết được sự hài hoà về tổng thể và chi tiết một cách khoa học, có nghĩa là kế toán doanh nghiệp là cái tổng thể bao hàm chung kế toán tài chính và kế toán quản trị. Giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị phải xác định rõ phạm vi, giới hạn trong việc thu thập và xử lý thông tin, trong việc giám định, kiểm tra để từ đó tổ chức các phân hành kế toán một cách khoa học, tránh chồng chéo, trùng lặp.

Nguyên tắc thứ hai: xây dựng và hoàn thiện kế toán quản trị phải phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý, quy trình công nghệ, đặc điểm của sản phẩm, yêu cầu và trình độ quản lý của công ty.



Phương án xây dựng kế toán quản trị của doanh nghiệp hoặc của ngành phải dựa trên nền tảng đã có như: tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý, quy trình công nghệ. Bên cạnh đó phải xem xét tới mức độ, yêu cầu quản lý, trình độ của cán bộ quản lý, cán bộ kế toán.

Nguyên tắc thứ ba: Tổ chức kế toán quản trị chi phí sản xuất trong công ty dựa trên cơ sở kế thừa và học tập kinh nghiệm của các nước có nền kinh tế thị trường phát triển.

Nền kinh tế nước ta vận động, phát triển theo xu hướng đa phương hoá, quốc tế hoá, ngày càng có nhiều nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào nước ta và sự hợp tác của nước ta với nước ngoài. Kế toán là công cụ ghi chép phản ánh, kiểm tra vì thế phải phù hợp với các thông lệ, chuẩn mực kế toán quốc tế. Như vậy trong quá trình xây dựng hệ thống kế toán ở nước ta phải có sự học hỏi kinh nghiệm của các nước trên thế giới để người nước ngoài vào Việt Nam hoặc người Việt Nam ra nước ngoài có thể hiểu được thông tin kế toán. Kế toán quản trị không phụ thuộc vào các thông lệ, chuẩn mực nhưng với từng phần công việc cụ thể như: chi phí, phân loại chi phí, tính giá thành, các phương pháp phân tích tài chính,...cũng nên phù hợp với các tiêu chuẩn của các nước trên thế giới.

- Nguyên tắc thứ tư: Tổ chức kế toán quản trị chi phí sản xuất trong công ty phải tạo điều kiện ứng dụng tin học.

Ngày nay tin học được áp dụng rộng rãi trên tất cả các lĩnh vực, vì thế khi xây dựng hệ thống kế toán nói chung, kế toán quản trị nói riêng phải tạo điều kiện thuận lợi và sử dụng triệt để thành tựu của tin học. Có như vậy thông tin kế toán sẽ được xử lý nhanh chóng đưa ra nhiều thông tin hữu ích. Theo ý kiến tác giả các lĩnh vực sau đây cần được hoàn thiện:

- Mã các đối tượng kế toán phải chi tiết, cụ thể và khoa học.



- Xây dựng và áp dụng phần mềm kế toán, đáp ứng yêu cầu hệ thống hoá thông tin kế toán tài chính và kế toán quản trị trên các sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết và trên các báo cáo tài chính.
- Lập các bảng phân tích trong kế toán tài chính và kế toán quản trị phục vụ cho công tác điều hành quản lý trong công ty.

4.2. Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long

4.2.1. Hoàn thiện việc phân loại chi phí sản xuất phục vụ cho quản trị doanh nghiệp

Việc phân loại chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp có thể thực hiện theo nhiều tiêu thức khác nhau. Mỗi cách phân loại chi phí có ý nghĩa và tác dụng khác nhau đến hoạt động quản trị. Đứng ở mỗi góc độ khác nhau, nhà quản trị cần những thông tin khác nhau về chi phí sản xuất. Vì vậy việc đa dạng hoá phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp là cần thiết nhằm đáp ứng được yêu cầu của kế toán quản trị.

Để đáp ứng yêu cầu lập kế hoạch, kiểm soát và chủ động điều tiết chi phí, định giá dự thầu, chấp nhận hay không chấp nhận hợp đồng xây dựng của nhà quản trị thì chi phí cần được phân loại theo mối quan hệ của chi phí với khối lượng hoạt động. Điều này có nghĩa mức độ của khối lượng hoạt động biến động thì chi phí sẽ biến động như thế nào, biến động bao nhiêu và loại nào biến động để tương ứng với biến động của mức độ hoạt động.

Mục tiêu của cách phân loại này là trang bị cho người lập báo cáo quản trị những nguyên tắc cơ bản của quá trình ra quyết định và phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng (doanh thu) - lợi nhuận. Phần lớn quá trình lập kế hoạch và ra quyết định phụ thuộc vào việc phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí. Nhà quản trị muốn có thông tin tối ưu nhất để đưa ra quyết định



sáng suốt trong sản xuất kinh doanh thì phải thấu hiểu về cách ứng xử chi phí theo khối lượng hoạt động.

Theo mối quan hệ với khối lượng thì toàn bộ chi phí sản xuất chia thành biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp.

Xuất phát từ thực tế hiện nay việc phân loại chi phí trong doanh nghiệp xây lắp thành biến phí – định phí – chi phí hỗn hợp tương đối phức tạp. Tuy nhiên có thể phân loại chi phí sản xuất của Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long theo cách ứng xử của chi phí một cách tương đối như sau:

Biểu 4.1 - Phân loại chi phí sản xuất xây lắp theo cách ứng xử của chi phí

Khoản mục chi phí	Tài khoản	Biến phí	Định phí	Chi phí hỗn hợp	Ghi chú
1. Giá thành sản xuất xây lắp	632	x			
2. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	621	x			CPNVLTT cấu thành nên giá trị sản phẩm xây lắp
3. Chi phí nhân công trực tiếp	622	x			Chi phí nhân công trực tiếp tham gia vào hoạt động xây lắp
4. Chi phí sử dụng máy thi công	623				
4.1.Nhân công máy	6231	x			Nhân công sử dụng máy thi công
4.2.Nhiên liệu máy	6232	x			Xăng,dầu, nhiên liệu khác phục vụ hoạt động của



					máy thi công
4.3.Dụng cụ sản xuất	6233		x		
4.4.Khấu hao máy thi công	6234		x		
4.5.Chi phí dịch vụ mua ngoài	6237			x	
4.6.Chi phí khác bằng tiền	6238			x	Chi phí thuê máy thi công ngoài
5. Chi phí sản xuất chung					
5.1.Tiền lương	6271	x			
5.2.Chi phí vật liệu	6272		x		
5.3.Chi phí dụng cụ làm việc, sinh hoạt	6273		x		
5.4.Khấu hao TSCĐ	6274		x		
5.5.Chi phí dịch vụ mua ngoài	6277			x	Chi phí điện, nước, điện thoại, fax, chi phí kiểm tra chất lượng, thí nghiệm vật liệu,...
5.6.Chi phí khác bằng tiền	6278			x	

4.2.2. Hoàn thiện phân tích biến động chi phí để kiểm soát chi phí sản xuất

Kiểm soát chi phí là một vấn đề quan trọng đối với các doanh nghiệp xây lắp cũng như các nhà quản trị. Doanh nghiệp xây lắp nói chung cũng như Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long nói riêng sẽ nâng cao được chất lượng công trình, hạ thấp giá thành công trình, hạ thấp công trình nhờ việc kiểm soát chi phí một cách hợp lý. Ngoài ra, kiểm soát tốt chi phí thể hiện năng lực điều hành, quản lý của Ban giám đốc nhằm chống lãng phí và thất



thoát tài sản của Công ty.

Để tối thiểu hoá chi phí sản xuất và tối đa hoá lợi nhuận thì công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long phải tiến hành phân tích, tìm ra nguyên nhân biến động của các chi phí gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công.

* Hoàn thiện việc phân tích biến động để kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Phân tích nguyên nhân chênh lệch chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là tìm ra các tác nhân ảnh hưởng đến biến động của chi phí này. Biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường gắn với biến động về lượng và biến động về giá

Biến động về lượng có thể do nguyên nhân khách quan là sự thay đổi hoặc bổ sung, điều chỉnh thiết kế. Hoặc, nguyên nhân chủ quan là do phá đi làm lại, sửa chữa, gia cố công trình theo yêu cầu kỹ thuật, đây là nguyên nhân thuộc về bản thân công ty. Biến động về sự hao hụt nguyên vật liệu còn có thể do các nguyên nhân: trình độ, thái độ trách nhiệm của công nhân xây dựng; do tổ chức quản lý thi công công trình, do chất lượng vật liệu cung cấp, mất mát trong quá trình sản xuất so dự dụng lãng phí,... Tuy nhiên, khi phân tích biến động về lượng nguyên vật liệu trực tiếp cần phải quan tâm đến chất lượng và kết cấu công trình

Biến động về giá nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh vào giai đoạn mua hàng nên các nguyên nhân có thể là do biến động giá trên thị trường, cước vận chuyển gia tăng, khâu tổ chức thu mua kém. Bên cạnh đó, cần phải quan tâm đến chất lượng nguyên vật liệu khi phân tích biến động về giá.

Từ việc phân tích nguyên nhân gây ra những biến động về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, Công ty cần đưa ra các giải pháp nhằm kiểm soát và hạn chế những biến động tiêu cực liên quan đến chi phí nguyên vật liệu trực



tiếp, như sau:

- Kiểm soát việc lựa chọn nhà cung cấp: Khi lựa chọn nhà cung cấp công ty phải xác định rõ ràng những trường hợp nào bộ phận mua hàng lựa chọn nhà cung cấp, những trường hợp nào cần đấu thầu để lựa chọn được những nhà cung cấp với giá cả thấp nhưng chất lượng tốt.

- Kiểm soát việc mua nguyên vật liệu: Các tổ, đội thi công khi có nhu cầu về nguyên vật liệu cần lập phiếu đề nghị mua nguyên vật liệu. Phiếu đề nghị mua nguyên vật liệu phải được phòng kỹ thuật – thi công và phòng vật tư công nghiệp xét duyệt dựa trên cơ sở xem xét nhu cầu và lựa chọn nhà cung cấp, tiến hành ký kết hợp đồng (lập đơn đặt hàng) và gửi cho nhà cung cấp. Đơn đặt hàng phải được ban giám đốc phê duyệt.

- Kiểm soát việc giao nhận nguyên vật liệu: Khi nhận hàng, phòng vật tư công nghiệp phải tiến hành kiểm tra về mẫu mã, chất lượng, số lượng, thời gian đến và các điều kiện khác theo hợp đồng (đơn đặt hàng) sau đó lập báo cáo giao – nhận nguyên vật liệu. Đối với nguyên vật liệu nhập kho, thủ kho và bộ phận nhận hàng cùng ký xác nhận phiếu nhập kho; đối với nguyên vật liệu không qua kho phải có hoá đơn bán hàng và biên bản nhận hàng.

- Kiểm soát việc xuất nguyên vật liệu: Khi xuất kho nguyên vật liệu để xây dựng, phòng kinh tế - kế hoạch và phòng vật tư công nghiệp cần phối hợp để phân tích và kiểm soát chênh lệch giữa số nguyên vật liệu thực tế xuất dùng so với dự toán.

- Kiểm soát dữ trữ và bảo quản nguyên vật liệu: Công ty cần xây dựng định mức hao hụt nguyên vật liệu, xây dựng hệ thống nhà kho đảm bảo cho việc bảo quản nguyên vật liệu

* Hoàn thiện việc phân tích biến động để kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

Phân tích biến động chi phí nhân công trực tiếp nhằm đảm bảo hiệu quả



việc quản lý thời gian lao động, số lượng cũng như chất lượng lao động. Để tìm hiểu nguyên nhân của sự biến động chi phí nhân công trực tiếp cần phải tiến hành phân tích sự biến động của hai nhân tố: đơn giá lao động trực tiếp và năng suất lao động trực tiếp

Biến động về năng suất lao động trực tiếp có thể do kỹ thuật và sự phối hợp điều hành trong quá trình xây dựng công trình, do trình độ tay nghề của công nhân, do kinh nghiệm của công nhân trực tiếp xây lắp, cũng có thể do tính kịp thời của các yếu tố đầu vào, do trách nhiệm thái độ của công nhân,...

Biến động về đơn giá nhân công trực tiếp là nhân tố ít thay đổi và những biến động thường là do việc tính lương và chính sách phân bổ lương của Công ty

Sau khi phân tích được nguyên nhân của sự biến động về chi phí nhân công trực tiếp, công ty cần đưa ra các biện pháp để kiểm soát những biến động đó như:

- Cần có tiêu chí tuyển dụng lao động rõ ràng để tránh tuyển chọn những người có năng lực, phẩm chất kém
- Có phương pháp quản lý, thường xuyên đánh giá công nhân và điều chỉnh mức lương thích hợp
- Công ty cần thiết lập chính sách để điều chỉnh mức lương, bậc lương nhằm kiểm soát các trường hợp tăng, giảm lương
- * Hoàn thiện việc phân tích biến động để kiểm soát chi phí sử dụng máy thi công

Nguyên nhân của sự chênh lệch chi phí sử dụng máy thi công giữa thực tế và dự toán là do sự thay đổi khối lượng công tác xây lắp thực hiện bằng máy, số ca máy thực hiện một đơn vị khối lượng xây lắp và giá ca máy thi công. Khối lượng công tác xây lắp thực hiện bằng máy thường ít có biến động vì công ty thường lập phương án thi công công trình trước khi khởi công.



Việc tăng số ca máy thực hiện một đơn vị khối lượng xây lắp thường do các nguyên nhân: kỹ thuật tổ chức, thi công công trình, không đảm bảo đầy đủ vật liệu, nhiên liệu nên không tận dụng hết được công suất của máy móc, chất lượng máy móc, thiết bị chưa cao, thiếu công nhân vận hành. Biến động về giá cả máy thi công có thể do sự tăng hoặc giảm giá nguyên, nhiên liệu đầu vào, do chi phí sửa chữa máy thi công, do tăng/giảm lương công nhân điều khiển máy.

Từ những nguyên nhân nêu trên, Công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long cần đưa ra các giải pháp để hoàn thiện việc phân tích biến động chi phí sử dụng máy thi công như:

- Đối với Tổ xây dựng có đội máy thi công riêng thì cần xây dựng kế hoạch về đầu tư, mua sắm và sửa chữa máy thi công cho một năm và phải đảm bảo tránh đầu tư lãng phí hay không đáp ứng được yêu cầu xây lắp
- Thường xuyên kiểm kê máy thi công để đánh giá tình trạng kỹ thuật và có biện pháp bảo dưỡng kịp thời.

4.2.3. Hoàn thiện hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất

Căn cứ để lập báo cáo kế toán quản trị dựa vào cấu trúc phân loại, dựa trên cách ứng xử của chi phí kết quả hoạt động hay chi phí tập trung vào tính trách nhiệm của quản trị, tính có thể kiểm soát được của chi phí.

**** Báo cáo cung cấp thông tin cho quá trình kiểm tra, đánh giá***

Để kiểm tra được tình hình thực hiện dự toán chi phí, đánh giá việc tiết kiệm hay lãng phí chi phí ở từng đơn vị nội bộ để đưa ra các biện pháp tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp xây lắp cần phải lập các báo cáo chi phí. Báo cáo này được lập cho từng đơn vị nội bộ để kiểm soát tình hình thực hiện dự toán của từng bộ phận đó và có kết cấu tương ứng với phương pháp xây dựng dự toán của từng bộ phận. Các báo cáo chi phí có thể được lập theo mẫu sau:



Biểu 4.2 – BÁO CÁO CHI PHÍ

(Dùng cho bộ phận trực tiếp thi công)

Đội thi công:.....

Phần I: Chi phí dự toán chi tiết

Yếu tố chi phí	Công trình, hạng mục công trình X			Công trình, hạng mục công trình Y			...
	Dự toán	Thực hiện	Chênh lệch	Dự toán	Thực hiện	Chênh lệch	...
A	1	2	$3 = 2-1$	4	5	$6 = 5-4$...
							...
Tổng							...

Phần II: Chi phí dự toán chung

Loại chi phí	Dự toán	Thực hiện	Chênh lệch
A	1	2	$3 = 2-1$
Tổng			



Biểu 4.3 – BÁO CÁO CHI PHÍ SẢN XUẤT

Công trình, hạng mục công trình

Chỉ tiêu	Dự toán	Thực hiện	Chênh lệch	Ghi chú
A	1	2	$3 = 2 - 1$	B
1. Biến phí + Nguyên vật liệu trực tiếp - Nguyên vật liệu chính - Vật liệu phụ + Nhân công trực tiếp + Biến phí sử dụng máy + Biến phí sản xuất chung				
2. Định phí + Định phí sử dụng máy + Định phí sản xuất chung				
Tổng cộng				



Biểu 4.4 – BÁO CÁO GIÁ THÀNH

Đơn vị:.....

Bộ phận:.....

BÁO CÁO GIÁ THÀNH

Tên công trình (hạng mục công trình)	Chi phí dở dang đầu kỳ	Chi phí phát sinh					Hạng mục hoàn thành nghiệm thu trong kỳ	Chi phí dở dang cuối kỳ	Tổng chi phí để tính giá thành	Ý kiến	
		Chi phí NVL trực tiếp	Chi phí nhân công trực tiếp	Chi phí máy thi công	CP SXC					Tổng cộng	Nhận xét, ý kiến nhân viên
Cộng											

Ngàytháng.....năm....

Đội trưởng đội thi công

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập

(Ký, họ tên)

*** Báo cáo cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định**

Tùy theo các cấp độ quản trị khác nhau: Giám đốc, phó giám đốc phụ trách các xí nghiệp, đội trưởng đội thi công mà lựa chọn các thông tin trên các báo cáo khác nhau để ra các quyết định quản lý. Các nhà quản trị cấp cao hơn thường dựa vào các báo cáo thực hiện của từng bộ phận do kế toán quản trị cung cấp, các thông tin này không thường xuyên nhưng có tính khái quát và



chiến lược. Quá trình cung cấp thông tin trong các doanh nghiệp xây lắp có thể khái quát qua bảng sau:

Biểu 4.5 – Quá trình cung cấp thông tin trong doanh nghiệp xây lắp

Cấp độ quản trị	Giám đốc sản xuất	Đội trưởng đội thi công	Tổ trưởng thi công
Báo cáo cung cấp thông tin cho các nhà quản trị			
- Bảng dự toán sản xuất kinh doanh	X		
- Báo cáo phương hướng tâm kinh doanh	X		
- Báo cáo các thông tin khác	X		
- Báo cáo bộ phận		X	
- Báo cáo giá thành công trình, hạng mục công trình		X	
- Báo cáo tình hình thực hiện định mức chi phí: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung.		X	
- Báo cáo định mức chi phí			X
- Báo cáo tình hình thực hiện định mức			X
- Báo cáo sản lượng hàng năm			X

4.2.4. Hoàn thiện phân tích thông tin chi phí để ra quyết định

Tham gia bỏ thầu công trình với khả năng thắng thầu cao phụ thuộc hoàn toàn vào giá dự thầu mà doanh nghiệp xây lắp xác định cùng với điều kiện khả thi của giá dự thầu đó. Căn cứ vào thông tin chi phí cho công trình doanh nghiệp xây lắp đang tranh thầu được bộ phận kế toán quản trị cung cấp, các nhà quản trị doanh nghiệp còn có thể tiến hành phân tích điểm hòa vốn cho công trình mà mình đang bỏ thầu trên cơ sở các chi phí dự kiến xây dựng công trình nếu thắng thầu của doanh nghiệp theo phương pháp sau:

Ta có giá dự thầu hay giá trị dự toán xây lắp sau thuế là G_{XL}



$$G_{XL} = Z_t + VAT \quad \text{hay} \quad G_{XL} = Z_t (1 + T_{gtgt})$$

Z_t : Giá dự thầu hay giá trị dự toán xây lắp trước

thuế VAT: Thuế GTGT đầu ra

T_{gtgt} : Thuế suất thuế GTGT đầu ra

Trong doanh nghiệp xây lắp, giá dự thầu hay giá trị dự toán xây lắp trước thuế (Z_t) lại được xác định theo công thức:

$$Z_t = B + P_t$$

B : Là chỉ tiêu biến phí được xác định theo hồ sơ mời thầu, chỉ tiêu này được xác định tương đối khách quan cho mỗi công trình, nó ít phụ thuộc vào trình độ quản lý và khó tác động bằng quản lý.

$$B = T_b + C_b$$

Trong đó T_b : Phần biến phí trong chi phí trực tiếp

C_b : Phần biến phí trong chi phí chung

P_t : Là khả năng bù đắp định phí dự kiến khi tranh thầu, chỉ tiêu này được xác định trên cơ sở cụ thể dự kiến tiến hành xây dựng công trình khi thắng thầu

$$P_t = Đ + L$$

Trong đó $Đ$: Định phí; $Đ = T_d + C_d$

T_d và C_d Là định phí trong chi phí trực tiếp và chi phí chung

L : Lợi nhuận theo dự kiến

Vậy nếu:

+ $P_t = Đ$ thì doanh nghiệp sẽ hoà vốn ở hợp đồng tranh thầu đang xét.

+ $P_t > Đ$ thì doanh nghiệp sẽ có lãi ở hợp đồng tranh thầu đang xét.

+ $0 < P_t < Đ$ thì doanh nghiệp sẽ bị lỗ ở hợp đồng tranh thầu đang xét.

+ Khi $P_t = 0$, trong trường hợp này doanh nghiệp xây lắp bị lỗ hoàn

toàn khoản định phí của doanh nghiệp

Mặt khác giá dự thầu của doanh nghiệp có thể viết lại như sau:



$$G_{XL} = Z_t (1 + T_{gtgt})$$

$$\text{Hay } G_{XL} = (B + P_t)(1 + T_{gtgt})$$

Để đảm bảo thắng thầu, doanh nghiệp xây lắp cần phải xác định giá dự thầu vừa đảm bảo mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp, vừa đảm bảo thắng thầu (thắng các đối thủ cạnh tranh), vì vậy điều cần thiết là các doanh nghiệp phải xác định giá cận dưới tin cậy của giá dự thầu, đây chính là trường hợp khi $P_t = 0$, khi đó giá dự thầu cận dưới

$$G_{XL} = B (1 + T_{gtgt})$$

Trường hợp này doanh nghiệp phải bù đắp phần định phí của hợp đồng, thậm chí trong một số trường hợp để thắng thầu doanh nghiệp có thể lấy giá dự thầu $G_{XL} = B$ có nghĩa là doanh nghiệp xây lắp sẽ phải bù đắp cả phần định phí và thuế GTGT đầu ra tính cho hợp đồng đó. (Trong thực tế khi thi công sẽ có những điều chỉnh thêm về giá)

Như vậy với phương pháp trên, doanh nghiệp xây lắp có thể xác định được giá tranh thầu gần nhất với giá thầu bên chủ đầu tư đưa ra, đảm bảo cạnh tranh được với các đối thủ mạnh khác trên thị trường xây dựng cơ bản trong từng trường hợp.

Sau khi đã thắng thầu, doanh nghiệp xây lắp nhận được giá hợp đồng cho công trình xây dựng, đây chính là giá của công trình được bên giao thầu và bên nhận thầu chấp nhận trong hợp đồng. Căn cứ vào hồ sơ thiết kế của công trình, doanh nghiệp xây lắp nhận thầu tính ra biến phí B của công trình theo công thức $B = T_b + C_b$, như vậy có thể xác định được khả năng bù đắp định phí và có lợi nhuận đối với hợp đồng xây dựng này là $P = G_{XL} - B$.

4.2.5. Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán quản trị

Với mô hình kế toán động, việc tổ chức bộ máy kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp có thể thực hiện theo hai mô hình:



- Mô hình kết hợp giữa kế toán tài chính với kế toán quản trị trong cùng một bộ máy.

- Mô hình kế toán tài chính và kế toán quản trị tách rời.

Đối với Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long hiện nay nên áp dụng mô hình kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị trong cùng một bộ máy kế toán là thích hợp với các lý do sau đây:

+ Kế toán quản trị là vấn đề còn nhiều mới mẻ đối với Việt Nam, các nhà quản lý Việt Nam còn nhiều quan điểm nhận thức khác nhau, do đó chưa có kinh nghiệm tổ chức thực hiện.

+ Hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành là hệ thống kế toán kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị, do đó áp dụng mô hình kết hợp đảm bảo yêu cầu kế thừa không gây xáo trộn, tiết kiệm chi phí hạch toán.

+ Phù hợp với trình độ đội ngũ kế toán và đáp ứng kịp thời yêu cầu kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước.

Với mô hình kết hợp, trong doanh nghiệp xây lắp, kế toán tài chính và kế toán quản trị được tổ chức thành một hệ thống thống nhất trong cùng một bộ máy kế toán. Kế toán tài chính thực hiện chức năng thu thập các thông tin phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, cung cấp thông tin chủ yếu phục vụ cho các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp. Kế toán quản trị thực hiện chức năng thu thập thông tin, xử lý thông tin, phục vụ lập các báo cáo kế toán quản trị, cung cấp thông tin cho các nhà quản trị các cấp trong nội bộ doanh nghiệp. Do đó, trong bộ máy kế toán cần phân định, xác định rõ phạm vi của kế toán tài chính với phạm vi của kế toán quản trị tránh trùng lặp chồng chéo. Ví dụ như bộ phận kế toán chi phí của kế toán tài chính, căn cứ vào các chứng từ, hạch toán chi phí sản xuất phát sinh của doanh nghiệp theo từng yếu tố chi phí, cung cấp số liệu lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thuyết minh báo cáo tài chính, còn kế toán quản trị hạch toán chi tiết chi phí theo



từng công trình, hạng mục công trình, khối lượng công tác xây lắp hay từng đơn vị, đội thi công..., xác định kết quả hoạt động theo từng đơn vị, đội thi công và phân tích chi phí thành chi phí bất biến, chi phí khả biến, xây dựng các định mức, dự toán chi phí cho từng công trình, hạng mục công trình... trong doanh nghiệp.

4.3. Một số điều kiện thực hiện các giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất tại các doanh nghiệp xây lắp

Để thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán quản trị chi phí sản xuất tại các doanh nghiệp xây lắp nói chung và trong Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long nói riêng cần có sự phối hợp đồng bộ từ phía Nhà nước, các cơ quan chức năng và doanh nghiệp.

4.3.1. Đối với Nhà nước và các cơ quan chức năng

- Nhà nước cần ban hành những quy định mang tính hướng dẫn, định hướng về tổ chức kế toán quản trị đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp xây lắp nói riêng. Trên cơ sở thông tư số 53/2006/TT-BTC ngày 12/06/2006 hướng dẫn áp dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp, Bộ tài chính và các cơ quan chức năng cần có sự hướng dẫn cụ thể hơn đối với các doanh nghiệp, mặt khác cũng cần phải nghiên cứu để ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung những quy định về mặt cơ chế quản lý cho phù hợp, đồng bộ với việc tổ chức kế toán quản trị tài các doanh nghiệp nhất là trong xu thế hội nhập kinh tế, quốc tế hiện nay.

Kế toán quản trị là một bộ phận của hệ thống kế toán, là công cụ quản lý quan trọng không thể thiếu đối với các doanh nghiệp xây lắp trong điều kiện thực hiện nền kinh tế thị trường với xu hướng hội nhập. Tổ chức kế toán quản trị phải tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý của doanh nghiệp. Tuy nhiên với đặc điểm nền kinh tế thị trường Việt Nam là nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã



hội chủ nghĩa, kế toán quản trị là lĩnh vực còn nhiều mới mẻ, các doanh nghiệp chưa nhận thức đầy đủ vai trò của kế toán quản trị, mặt khác trình độ đội ngũ cán bộ kế toán, điều kiện trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho công tác kế toán còn nhiều hạn chế. Do đó cần thiết phải có hướng dẫn định hướng của Nhà nước về tổ chức kế toán quản trị bao gồm: nội dung; phương pháp và mô hình tổ chức cho các loại hình doanh nghiệp theo ngành, theo quy mô.

- Sau khi đã định hướng cho các doanh nghiệp về tổ chức kế toán quản trị, Nhà nước cần ban hành các văn bản hướng dẫn tổ chức kế toán quản trị nói chung và tổ chức kế toán quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm nói riêng cho từng loại hình doanh nghiệp.

- Nhà nước cần tạo điều kiện, thúc đẩy và tăng cường hơn nữa các hoạt động dịch vụ tư vấn về kế toán và kiểm toán.

- Trong thời gian tới để đáp ứng yêu cầu hội nhập của nền kinh tế, Nhà nước cần xây dựng và thống nhất nội dung giảng dạy kế toán quản trị trong các trường đại học, cao đẳng chuyên ngành kế toán.

4.3.2. Đối với doanh nghiệp

Các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp xây lắp nói riêng là nơi trực tiếp vận dụng và thực hiện kế toán quản trị, vì vậy các doanh nghiệp cần phải:

- Hoàn thiện cơ chế tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh ở doanh nghiệp: Căn cứ vào điều kiện, quy mô sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp và các chính sách kinh tế tài chính, các doanh nghiệp cần nhanh chóng hoàn thiện cơ chế tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh thích hợp với sự phân cấp quản lý nhằm tăng cường quản lý lao động, điều phối sức lao động hợp lý giữa các bộ phận, các đội, xí nghiệp, tăng cường sử dụng hợp lý và có hiệu quả TSCĐ, đặc biệt là việc áp dụng công nghệ, kỹ thuật vào sản xuất. Việc hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp trong đó hoàn thiện tổ chức



bộ máy kế toán là một nội dung quan trọng của doanh nghiệp. Việc này có liên quan mật thiết đến hệ thống thông tin mà kế toán quản trị cung cấp.

- Nhận thức rõ vai trò quan trọng của kế toán quản trị, kế toán quản trị là thực sự cần thiết đối với các doanh nghiệp trong cơ chế thị trường hiện nay. Trong cơ chế này, nếu thiếu các thông tin có tính định hướng cho các vấn đề ra quyết định kinh doanh thì các quyết định đó có thể dẫn đến sai lầm. Mục tiêu của kế toán quản trị là nhằm cung cấp thông tin định hướng cho các quyết định của doanh nghiệp.

- Tổ chức bộ máy kế toán: Do mô hình kế toán quản trị còn mới mẻ đối với các doanh nghiệp cho nên tổ chức bộ máy kế toán ở các doanh nghiệp hiện nay chỉ tập trung thiết kế, thu thập các thông tin thuộc kế toán tài chính còn việc xây dựng bộ máy kế toán quản trị riêng thì hầu như chưa có. Để có được những thông tin kế toán sử dụng cho hoạt động quản trị thì trong bộ máy cần thiết phải có kế toán quản trị để thu thập và xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp.

- Củng cố và hoàn thiện việc tổ chức công tác hạch toán ban đầu, vận dụng hệ thống chứng từ, hệ thống tài khoản kế toán, đặc biệt là đa dạng hoá phân loại chi phí, chú trọng phân loại theo cách ứng xử của chi phí. Xây dựng các định mức, dự toán chi phí nhằm hoàn thiện phương pháp xác định và tập hợp chi phí.

- Để thực hiện quá trình thiết kế, xây dựng các báo cáo thích hợp cho từng đối tượng quản trị khác nhau trong doanh nghiệp cần phải quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế toán có năng lực, bố trí nhân viên kế toán quản trị hợp lý. Tổ chức đào tạo, tự đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết cho đội ngũ cán bộ quản lý những kiến thức về kinh tế thị trường, các văn bản pháp quy về quản lý nói chung và về chi phí, giá thành nói riêng.



- Tạo điều kiện về trang thiết bị, các điều kiện vật chất để giúp kế toán nâng cao khả năng thu nhận, xử lý kiểm soát và cung cấp thông tin. Thông tin của kế toán quản trị là hướng về tương lai và rất linh hoạt, để giải quyết kịp thời những vấn đề cấp bách phục vụ cho hoạt động quản trị diễn ra hàng ngày trong doanh nghiệp, doanh nghiệp cần tổ chức trang bị và ứng dụng những thành tựu tin học vào công tác kế toán quản trị. Đặc biệt là cần ứng dụng khai thác tối đa năng lực của chương trình kế toán trên máy vi tính. Nó đáp ứng được lượng thông tin lớn và yêu cầu xử lý thông tin nhanh. Đối với các doanh nghiệp đã có phần mềm kế toán để xử lý, cung cấp thông tin đảm bảo được tính kịp thời, chính xác cho quá trình ra quyết định.



KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng về kế toán quản trị chi phí, giá thành trong Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long, luận văn đã khẳng định được sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm trong Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long. Đồng thời luận văn cũng nêu lên nguyên tắc, yêu cầu và nội dung hoàn thiện. Ngoài ra luận văn cũng trình bày các giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện kế toán quản trị trong các doanh nghiệp xây lắp hiện nay.



KẾT LUẬN

Kế toán quản trị chi phí sản xuất là một vấn đề khá rộng lớn và phức tạp nhưng lại rất cần thiết, bởi vì nó là một trong các nhân tố góp phần vào sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long nói riêng. Tổ chức kế toán quản trị chi phí sản xuất đòi hỏi phải có sự hướng dẫn của Nhà nước, đồng thời phải có sự nỗ lực của bản thân từng doanh nghiệp. Nhưng điều kiện tiên đề quan trọng nhất là thực hiện kế toán quản trị chi phí và giá thành là xuất phát từ chính nhu cầu thông tin của các nhà quản trị khi họ thực hiện các chức năng của mình. Để góp phần vào việc tổ chức kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp, luận văn đã đề cập đến những lý luận cơ bản về kế toán quản trị chi phí sản xuất, thực trạng kế toán chi phí sản xuất, hoàn thiện kế toán chi phí và giá thành phục vụ quản trị doanh nghiệp xây lắp của Việt Nam. Trong phạm vi và điều kiện nhất định luận văn đã đề cập đến những vấn đề cơ bản sau:

1. Luận văn đã hệ thống hoá được các vấn đề lý luận cơ bản về kế toán quản trị chi phí sản xuất. Luận văn đã làm sáng tỏ bản chất, nội dung và phương pháp của kế toán quản trị chi phí sản xuất trong doanh nghiệp, tiến hành phân loại chi phí theo nhiều tiêu thức khác nhau... Nhằm làm cơ sở để xem xét và đánh giá thực trạng kế toán quản trị chi phí sản xuất tại công ty cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long

2. Luận văn tập trung phản ánh thực trạng kế toán quản trị chi phí sản xuất trong đơn vị xây lắp của Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long. Đồng thời rút ra những ưu điểm và những tồn tại về tổ chức bộ máy kế toán, phân loại chi phí, hệ thống báo cáo kế toán nội bộ...

3. Trên cơ sở thực trạng của kế toán chi phí sản xuất, xu hướng phát triển của các doanh nghiệp xây lắp trong cơ chế mới hiện nay, luận văn khẳng định sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán quản trị CPSX phục vụ



quản trị doanh nghiệp xây lắp, đưa ra các nguyên tắc chung, các quan điểm định hướng cơ bản về nội dung hoàn thiện. Các nội dung chủ yếu của việc hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất phục vụ quản trị doanh nghiệp xây lắp của Công ty Cổ phần xây dựng số 4 Thăng Long. .

Luận văn nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu cơ bản của mục tiêu đã đề ra. Tuy nhiên, những đề xuất trong luận văn được rút ra từ thực tế, nhưng với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế quốc dân nói chung và ngành xây lắp nói riêng, chắc chắn còn nhiều vấn đề mới phát sinh cần được tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện.

Kế toán quản trị nói chung và kế toán quản trị chi phí sản xuất nói riêng là một vấn đề mới mẻ và phức tạp ở nước ta. Bản chất, chức năng, nội dung và phương pháp của kế toán quản trị đang được nghiên cứu và vận dụng ở nước ta, vì vậy khi nghiên cứu tác giả đã gặp nhiều khó khăn về lý luận và thực tiễn, cho nên không tránh khỏi những thiếu sót hạn chế nhất định. Tôi rất mong sự đóng góp ý kiến, bổ sung, chỉ dẫn của quý thầy cô và các bạn trong khoa để luận văn ngày càng hoàn thiện và phong phú hơn.



DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính, Những điều cần biết về quản lý tài chính trong đầu tư xây dựng cơ bản, NXB Tài chính – 2002.
2. Bộ Tài chính, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp.
3. Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2006/TT-BTC ngày 12/6/2006 - Hướng dẫn áp dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp.
4. Bộ Xây dựng, Thông tư 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng.
5. Chính phủ, Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 7/2/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
6. Giáo trình *Kế toán quản trị*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân
7. Giáo trình *Kế toán quản trị*, Trường Đại học Lao động – Xã hội
8. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam - Quyển II- NXB Tài chính 2003.
9. Kế toán xây dựng cơ bản – NXB Thống kê
10. Nguyễn Thị Dung, Luận văn thạc sỹ “Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp cơ khí thuộc Tổng công ty cơ khí xây dựng” (2009)
11. Nguyễn Thùy Linh, Luận văn thạc sỹ kinh tế “Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp với việc tăng cường quản trị chi phí sản xuất tại Tổng công ty CPXL Điện và viễn thông” (2012)
12. Quốc hội Việt Nam (Khoá XI), Luật kế toán 2015, ngày 20/11/2015
13. Website của Bộ Tài chính: www.mof.gov.vn
14. Website của Học viện Tài chính: www.hvtc.edu.vn

Phụ lục 01

**BẢNG
TỔNG
HỢP DỰ
TOÁN
CÔNG
TRÌNH
CÔNG TRÌNH
: TRẠM
RADA DỰ
BẢO THỜI
TIẾT PLEIKU**

Đơn vị tính : đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí xây dựng	Gepxd				10,267,437,567.	1,026,743,759.	11,294,181,326.
<i>1.1</i>	<i>Chi phí xây dựng công trình chính, phụ trợ tạm phục vụ thi công</i>	<i>Gxd</i>				<i>10,267,437,567.</i>	<i>1,026,743,759.</i>	<i>11,294,181,326.</i>
	NHÀ LÀM VIỆC VÀ CÔNG CỤ	Gxd.1				2,092,992,655.	209,299,266.	2,302,291,921.
	CẤP ĐIỆN TỔNG THỂ	Gxd.2				289,345,426.	28,934,543.	318,279,969.
	CẤP THOÁT NƯỚC TỔNG THỂ	Gxd.3				370,915,252.	37,091,525.	408,006,777.
	CHỐNG MÔI	Gxd.4				129,290,707.	12,929,071.	142,219,778.
	NHÀ ĐỂ MÁY PHÁT ĐIỆN	Gxd.5				125,706,771.	12,570,677.	138,277,448.
	NHÀ ĐỂ XE	Gxd.6				25,500,989.	2,550,099.	28,051,088.
	...							
2	Chi phí thiết bị	Gtb				839,370,000.	83,937,000.	923,307,000.

3	Chi phí quản lý dự án	Gqlda	3.22688		3.22688% x (Gxd+Gtb)	358,403,352.	35,840,335.2	394,243,687.2
			%					
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv			Gtv1 : Gtv34	1,703,090,208.4	170,309,020.8	1,873,399,229.2
4.1	Chi phí khảo sát	Gtv1					0.	0.
4.2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	Gtv2	3. %		3%*Gtv1	0.	0.	0.

4.34	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	Gtv34	0.844 %		$0.844\% \times Gtb$	7,084,283.	708,428.3	7,792,711.3
							
STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
5	Chi phí khác	Gk			Gk1 : Gk8	392,729,488.	39,272,951.2	432,002,439.2
5.1	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	Gk1					0.	0.
5.2	Chi phí hạng mục chung	Gk2				359,360,316.	35,936,034.	395,296,350.
							
6	Chi phí dự phòng	Gdp			Gdp1 + Gdp2	0.	0.	2,170,997,390.
6.1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	Gdp1	0. %		$0\% \times (Gcpxd + Gtb + Gqlda + Gtv + Gk)$			0.
6.2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	Gdp2	12.705 %		= 'Dự phòng'!H16			2,170,997,390.
	TỔNG CỘNG					13,561,030,615.4	1,356,103,066.2	17,088,131,071.6
7	Chi phí thẩm định, thẩm tra, kiểm toán	Gkt			Gkt1 : Gkt4	289,137,300.2	28,913,730.	318,051,030.3
	TỔNG CỘNG (SAU KIỂM TOÁN)					13,850,167,915.6	1,385,016,796.3	17,406,182,101.8
	LÀM TRÒN	Gtmdt						17,406,182,000.

Bảng chữ : Mười bảy tỷ bốn trăm linh sáu triệu một trăm tám mươi hai nghìn đồng chẵn./.

Phụ lục 02:

**BẢNG
TỔNG HỢP
DỰ TOÁN
CHI PHÍ
XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH :
TRẠM RADA
DỰ BÁO THỜI
TIẾT PLEIKU**

**H
Ạ
N
G
M
Ụ
C
:
N
H
À
L
À
M
V
I
Ệ
C**

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	Chi phí Vật liệu	VL	A1	1,229,753,704.
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	A1	Bảng giá tổng hợp	1,229,753,704.
2	Chi phí Nhân công	NC	B1	592,033,228.
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	B1	Bảng giá tổng hợp	592,033,228.
3	Chi phí Máy thi công	M	C1	41,010,527.
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	C1	Bảng giá tổng hợp	41,010,527.
	<i>Cộng chi phí trực tiếp</i>	<i>T</i>	<i>VL + NC + M</i>	<i>1,862,797,459.</i>
II	CHI PHÍ CHUNG	C	T x 6,5%	121,081,834.8
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	(T+C) x 5,5%	109,113,361.2
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	(T+C+TL)	2,092,992,655.
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	G x 10%	209,299,265.5
V	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxd	G+GTGT	2,302,291,921.
	LÀM TRÒN			2,302,292,000.
Bảng chữ : Hai tỷ ba trăm linh hai triệu hai trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn./.				

Phụ lục 03

**GIÁ XÂY DỰNG
TỔNG HỢP
HẠNG MỤC
CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH : TRẠM
RADA DỰ BÁO THỜI
TIẾT PLEIKU
HẠNG MỤC: NHÀ LÀM
VIỆC**

TT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá			Thành tiền			Tổng cộng
					Vật liệu	Nhân công	Máy T.C	Vật liệu	Nhân công	Máy T.C	
0	0	PHẦN MÓNG	0	0.							
1	AB.1132 2	Đào móng băng, rộng <=3 m, sâu <=2 m, đất cấp II	m3	163.956	0.	157,474.2	0.	0.	25,818,839.9	0.	25,818,840.
2	AB.1131 2	Đào móng băng, rộng <=3 m, sâu <=1 m, đất cấp II	m3	3.0072	0.	146,737.4	0.	0.	441,268.7	0.	441,269.
3	AF.1111 1	Bê tông sản xuất bằng máy trộn - đổ bằng thủ công, bê tông lót móng, đá 4x6, chiều rộng <=250 cm, mác 100	m3	11.3464	855,608.8	254,106.2	44,198.9	9,708,079.7	2,883,190.6	501,498.4	13,092,769.
4	AF.1121 3	Bê tông sản xuất bằng máy trộn - đổ bằng thủ công, bê tông móng, đá 1x2, chiều rộng <=250 cm, mác 200	m3	35.2245	1,124,823.5	293,474.7	44,483.7	39,621,345.4	10,337,499.6	1,566,916.1	51,525,761.
25 9	TT	Bình chữa cháy ABC MFZ14,4kg	bình	6.	290,000.	0.	0.	1,740,000.	0.	0.	1,740,000.
26 0	TT	Hộp đựng bình chữa cháy 600x500x180	bộ	2.	1,431,000.	0.	0.	2,862,000.	0.	0.	2,862,000.
26	TT	Nội quy tiêu lệnh chữa cháy	bộ	2.	70,000.	0.	0.	140,000.	0.	0.	140,000.

1											
26 2	TT	Nhân công lắp đặt hệ thống PCCC	trọn gói	1.	0.	2,000,000.	0.	0.	2,000,000.	0.	2,000,000.
		TỔNG HẠNG MỤC						1,229,753,704	592,033,228	41,010,527	1,862,797,474

Phụ lục 04

ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG CHI TIẾT HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

CÔNG TRÌNH : TRẠM RADA DỰ BÁO THỜI TIẾT PLEIKU

NHÀ LÀM VIỆC

STT	Mã số	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền
1	AB.11322	Đào móng băng, rộng <=3 m, sâu <=2 m, đất cấp II	m3	1			
		b.) Nhân công					157,474.2
	N24.0005	Nhân công 3,0/7	công	0.88	178,948.	1.	157,474.2
2	AB.11312	Đào móng băng, rộng <=3 m, sâu <=1 m, đất cấp II	m3	1			
		b.) Nhân công					146,737.4
	N24.0005	Nhân công 3,0/7	công	0.82	178,948.	1.	146,737.4
3	AF.11111	Bê tông sản xuất bằng máy trộn - đổ bằng thủ công, bê tông lót móng, đá 4x6, chiều rộng <=250 cm, mác 100	m3	1			
		a.) Vật liệu					855,608.8
	A24.0797	Xi măng PC30 Hoàng Thạch	kg	200.85	1,745.		350,483.3
	A24.0180	Cát vàng	m3	0.53148	354,492.		188,405.4
	A24.0010	Đá 4x6	m3	0.93627	337,371.		315,870.3
	A24.0524	Nước	lít	169.95	5.		849.8
		Cộng					855,608.8
		b.) Nhân công					254,106.2
	N24.0005	Nhân công 3,0/7	công	1.42	178,948.	1.	254,106.2
		c.) Máy thi công					44,198.9
	M24.0191	Máy trộn bê tông 250l	ca	0.095	272,060.	1.	25,845.7
	M24.0018	Đầm bàn 1Kw	ca	0.089	206,216.	1.	18,353.2
		Cộng					44,198.9
4	AF.11213	Bê tông sản xuất bằng máy trộn - đổ bằng thủ công, bê tông móng, đá 1x2, chiều rộng <=250 cm, mác 200	m3	1			
		a.) Vật liệu					1,124,823.5
	A24.0797	Xi măng PC30 Hoàng Thạch	kg	350.55	1,745.		611,709.8
	A24.0180	Cát vàng	m3	0.480725	354,492.		170,413.2
	A24.0008	Đá 1x2	m3	0.89995	367,371.		330,615.5

	A24.0524	Nước	lít	189.625	5.		948.1
--	----------	------	-----	---------	----	--	-------

	Z999	Vật liệu khác	%	1.	11,136.9		11,136.9
		Cộng					1,124,823.5
		b.) Nhân công					293,474.7
	N24.0005	Nhân công 3,0/7	công	1.64	178,948.	1.	293,474.7
		c.) Máy thi công					44,483.7
	M24.0191	Máy trộn bê tông 250l	ca	0.095	272,060.	1.	25,845.7
	M24.0020	Đầm dùi 1,5 KW	ca	0.089	209,416.	1.	18,638.
		Cộng					44,483.7
5	AF.81111	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn gỗ, ván khuôn móng dài, bệ máy	100m 2	1			
		a.) Vật liệu					3,011,291.4
	A24.0418	Gỗ ván	m3	0.792	2,087,178.		1,653,045.
	A24.0404	Gỗ dũa nẹp	m3	0.0865	2,087,178.		180,540.9
	A24.0406	Gỗ chống	m3	0.459	2,087,178.		958,014.7
	A24.0054	Đinh	kg	12.	15,823.		189,876.
	Z999	Vật liệu khác	%	1.	29,814.8		29,814.8
		Cộng					3,011,291.4
		b.) Nhân công					2,655,351.8
	N24.0008	Nhân công 3,5/7	công	13.61	195,103.	1.	2,655,351.8
6	AF.61110	Công tác sản xuất lắp dựng cốt thép bê tông tại chỗ, cốt thép móng, đường kính <=10 mm	tấn	1			
		a.) Vật liệu					13,623,918.7
	A24.0738	Thép tròn D<=10mm	kg	1,005.	13,107.		13,172,535.
	A24.0293	Dây thép	kg	21.42	21,073.		451,383.7
		Cộng					13,623,918.7
		b.) Nhân công					2,208,566.
	N24.0008	Nhân công 3,5/7	công	11.32	195,103.	1.	2,208,566.
		c.) Máy thi công					84,670.
	M24.0117	Máy cắt uốn cắt thép 5KW	ca	0.4	211,675.	1.	84,670.
7	AF.61120	Công tác sản xuất lắp dựng cốt thép bê tông tại chỗ, cốt thép móng, đường kính <=18 mm	tấn	1			
		a.) Vật liệu					14,065,880.6
	A24.0739	Thép tròn D<=18mm	kg	1,020.	13,457.		13,726,140.
	A24.0293	Dây thép	kg	14.28	21,073.		300,922.4
	A24.0543	Que hàn	kg	4.64	8,366.		38,818.2
		Cộng					14,065,880.6
		b.) Nhân công					1,627,159.

	N24.0008	Nhân công 3,5/7	công	8.34	195,103.	1.	1,627,159.
		c.) Máy thi công					424,279.
	M24.0129	Máy hàn 23 KW	ca	1.12	318,342.	1.	356,543.
	M24.0117	Máy cắt uốn cắt thép 5KW	ca	0.32	211,675.	1.	67,736.
		Cộng					424,279.
8	AF.61130	Công tác sản xuất lắp dựng cốt thép bê tông tại chỗ, cốt thép móng, đường kính >18 mm	tấn	1			
		a.) Vật liệu					14,071,402.2
	A24.0742	Thép tròn D>18mm	kg	1,020.	13,457.		13,726,140.
	A24.0293	Dây thép	kg	14.28	21,073.		300,922.4
	A24.0543	Que hàn	kg	5.3	8,366.		44,339.8
		Cộng					14,071,402.2
		b.) Nhân công					1,238,904.1
	N24.0008	Nhân công 3,5/7	công	6.35	195,103.	1.	1,238,904.1
		c.) Máy thi công					438,162.3
	M24.0129	Máy hàn 23 KW	ca	1.27	318,342.	1.	404,294.3
	M24.0117	Máy cắt uốn cắt thép 5KW	ca	0.16	211,675.	1.	33,868.
		Cộng					438,162.3
						
258	BB.29103	Lắp đặt nút bịt, đường kính d=48mm	cái	1			
		a.) Vật liệu					6,365.5
	A33.03880 5	Nút bịt, đường kính d=48mm	cái	1.	5,100.		5,100.
	A33.0517	Cồn rửa	kg	0.03	25,000.		750.
	A33.1183	Keo dán	kg	0.008	63,636.		509.1
	Z999	Vật liệu khác	%	0.1	63.6		6.4
		Cộng					6,365.5
		b.) Nhân công					8,123.1
	N33.0001	Nhân công 3,5/7	công	0.037	219,542.	1.	8,123.1
259	TT	Bình chữa cháy ABC MFZI4,4kg	bình	1			
		a.) Vật liệu					290,000.
		Vật liệu		1.	290,000.		290,000.
260	TT	Hộp đựng bình chữa cháy 600x500x180	bộ	1			
		a.) Vật liệu					1,431,000.
		Vật liệu		1.	1,431,000.		1,431,000.
261	TT	Nội quy tiêu lệnh chữa cháy	bộ	1			
		a.) Vật liệu					70,000.

		Vật liệu		1.	70,000.		70,000.
262	TT	Nhân công lắp đặt hệ thống PCCC	trọn gói	1			
		b.) Nhân công					2,000,000.
		Nhân công		1.	2,000,000.		2,000,000.

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ THIẾT BỊ CÔNG
TRÌNH
CÔNG TRÌNH : TRẠM RADA DỰ BẢO THỜI TIẾT PLEIKU**

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT		Thành tiền sau thuế
						%	Thành tiền	
	NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN							
1	Máy phát điện dự phòng 11kva-0,4kv	máy	1.	75,000,000.	75,000,000.	10.	7,500,000.	82,500,000.
	THIẾT BỊ TRẠM BIẾN ÁP							
2	Máy biến áp 50kVA - 22/0,4kV	máy	1.	120,500,000	120,500,000.	10.	12,050,000.	132,550,000.
3	Tủ RMU 3 ngăn - 24kV	tủ	1.	325,000,000	325,000,000.	10.	32,500,000.	357,500,000.
4	Tủ hạ thế trọn bộ dùng cho trạm kios 500V-80A	tủ	1.	45,000,000.	45,000,000.	10.	4,500,000.	49,500,000.
5	Tụ bù hạ thế 20kVAr	bộ	1.	15,000,000.	15,000,000.	10.	1,500,000.	16,500,000.
6	Cầu dao phụ tải 24kV-630A	bộ	1.	42,000,000.	42,000,000.	10.	4,200,000.	46,200,000.
7	Chống sét van 22kV	bộ	2.	6,060,000.	12,120,000.	10.	1,212,000.	13,332,000.
8	Bộ báo sự cố đầu cáp	bộ	1.	14,500,000.	14,500,000.	10.	1,450,000.	15,950,000.
9	Bộ sấy nhiệt tự động	bộ	1.	8,250,000.	8,250,000.	10.	825,000.	9,075,000.
10	Vỏ trạm kios + phụ kiện	cái	1.	175,000,000	175,000,000.	10.	17,500,000.	192,500,000.
11	Bình cứu hỏa	bình	3.	1,200,000.	3,600,000.	10.	360,000.	3,960,000.
12	thảm cách điện	cái	2.	1,700,000.	3,400,000.	10.	340,000.	3,740,000.
					0.		0.	0.
	TỔNG CỘNG				839,370,000.		83,937,000.	923,307,000.

Chín trăm hai mươi ba triệu ba trăm linh bảy nghìn đồng chẵn./.

**Phụ lục
05**

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ THIẾT BỊ CÔNG
TRÌNH
CÔNG TRÌNH : TRẠM RADA DỰ BÁO THỜI TIẾT PLEIKU**

**BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ VÀ CHÊNH LỆCH
GIÁ
CÔNG TRÌNH : TRẠM RADA DỰ BÁO THỜI TIẾT PLEIKU**

NHÀ LÀM VIỆC

STT	Mã số	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Giá gốc	Hệ số	Giá H.T	Chênh lệch	Tổng chênh
I.)		I.) VẬT LIỆU							
1	TT	Nắp tôn dầy bể nước	cái	1.	300,000.	1.	300,000.	0.	0.
2	TT	Vách ngăn composit nhà vệ sinh	m2	1.84	1,150,000.	1.	1,150,000.	0.	0.
3	TT	Cửa đi 2 cánh nhựa lõi thép gia cường , kính dày 6,38mm (thông báo giá liên sở + chênh kính)	m2	19.44	2,172,000.	1.	2,172,000.	0.	0.
4	TT	Cửa đi 1 cánh nhựa lõi thép gia cường , kính dày 6,38mm (thông báo giá liên sở + chênh kính)	m2	12.21	2,164,000.	1.	2,164,000.	0.	0.
5	TT	Cửa sổ mở hất nhựa lõi thép gia cường , kính dày 6,38mm (thông báo giá liên sở + chênh kính)	m2	1.08	2,228,000.	1.	2,228,000.	0.	0.
6	TT	Cửa sổ mở quay nhựa lõi thép gia cường , kính dày 6,38mm (thông báo giá liên sở + chênh kính)	m2	23.76	1,920,000.	1.	1,920,000.	0.	0.
7	TT	Vách kính nhựa lõi thép gia cường , kính dày 6,38mm	0	5.655	1,356,000.	1.	1,356,000.	0.	0.
8	TT	Thang sắt lên mái và tấm tôn dầy nắp mái	cái	1.	300,000.	1.	300,000.	0.	0.
9	TT	Rèm vải cổ điển	md	20.8	690,000.	1.	690,000.	0.	0.
10	TT	Biến áp cách ly ,100Va	cái	1.	300,000.	1.	300,000.	0.	0.
11	TT	Chân đỡ dây dẫn bằng bu lông M10	cái	75.	15,000.	1.	15,000.	0.	0.
12	TT	Chân đỡ bằng thép dẹt 20x3 mạ kẽm nhúng	cái	50.	20,000.	1.	20,000.	0.	0.

Phụ lục
06

**BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ VÀ CHÊNH LỆCH
GIÁ
CÔNG TRÌNH : TRẠM RADA DỰ BÁO THỜI TIẾT PLEIKU**

13	TT	Dây thoát sét xuống và nối giữa các cọc thép dẹt 30x4 mạ kẽm	m	90.	12,400.	1.	12,400.	0.	0.
14	TT	Thiết bị kết nối mạng dịch vụ 24 cổng	bộ	1.	3,000,000.	1.	3,000,000.	0.	0.
15	TT	Bộ chuyển mạch 4 cổng Vigor 2920 có tích hợp Wifi	bộ	1.	4,600,000.	1.	4,600,000.	0.	0.
16	TT	Bộ giải mã tín hiệu truyền hình Setup box	bộ	3.	3,500,000.	1.	3,500,000.	0.	0.
17	TT	Máy bơm cấp nước sinh hoạt Q=3m3/h, H=20m, N=1kw	cái	1.	6,300,000.	1.	6,300,000.	0.	0.
18	TT	Bình chữa cháy ABC MFZ14,4kg	bình	6.	290,000.	1.	290,000.	0.	0.
19	TT	Hộp đựng bình chữa cháy 600x500x180	bộ	2.	1,431,000.	1.	1,431,000.	0.	0.
20	TT	Nội quy tiêu lệnh chữa cháy	bộ	2.	70,000.	1.	70,000.	0.	0.
140	A33.03880 9	Nút bịt, đường kính d=90mm	cái	40.	10,000.	1.	20,500.	10,500.	420,000.
141	A24.0524	Nước	lít	1,462.9927	3.6	1.	5.	1.4	2,048.2
142	A24.0524	Nước	lít	48,113.1842	3.6	1.	5.	1.4	67,358.4
143	A33.1265	Nhựa dán	kg	0.0896	63,636.	1.	63,636.	0.	0.
144	A33.1196	o cắm đôi	cái	28.	31,000.	1.	52,800.	21,800.	610,400.
145	A33.1196	o cắm mạng (mặt+đế+hạt)	cái	7.	31,000.	1.	31,000.	0.	0.
146	A33.1196	o cắm mạng (mặt+đế+hạt), RJ-45	cái	11.	31,000.	1.	31,000.	0.	0.
147	A24.0001	Ô xy	chai	0.5329	30,400.	1.	30,400.	0.	0.
148	A33.0934	ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính 16mm	m	530.4	3,880.	1.	18,600.	14,720.	7,807,488.
149	A33.0934	ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính 20mm	m	148.92	3,880.	1.	25,200.	21,320.	3,174,974.4
150	A33.09420 3	ống nhựa PPR, PN10 cấp nước lạnh, đường kính ống d=32mm	m	10.1	6,545.	1.	72,800.	66,255.	669,175.5

151	A33.09420 1	ống nhựa PPR, PN20 cấp nước nóng, đường kính ống d=20mm	m	5.05	3,545.	1.	29,000.	25,455.	128,547.7
152	A33.0934	ống nhựa ruột gà, đường kính D16mm	m	10.2	3,880.	1.	3,880.	0.	0.
153	A33.09432 2	Ống nhựa uPVC dán keo, đường kính ống d=110mm, PN3	m	20.2	0.	1.	114,700.	114,700.	2,316,940.
154	A33.09430 6	Ống nhựa uPVC dán keo, đường kính ống d=48mm, PN3	m	6.06	4,500.	1.	26,200.	21,700.	131,502.
155	A33.09432 1	Ống nhựa uPVC dán keo, đường kính ống d=60mm, PN3	m	18.18	5,000.	1.	32,900.	27,900.	507,222.
156	A33.09430 9	Ống nhựa uPVC dán keo, đường kính ống d=76mm, PN3	m	32.32	9,000.	1.	54,100.	45,100.	1,457,632.
157	A33.09431 0	Ống nhựa uPVC dán keo, đường kính ống d=90mm, PN3	m	10.1	9,000.	1.	77,400.	68,400.	690,840.
158	A33.1285	Phễu thu đường kính 60mm	cái	4.	8,280.	1.	35,000.	26,720.	106,880.
159	A33.12890 1	quạt hút gió ốp trần	cái	4.	175,000.	1.	175,000.	0.	0.
160	A33.1292	Quạt trần	cái	7.	367,500.	1.	614,500.	247,000.	1,729,000.
161	A24.0543	Que hàn	kg	72.1637	8,293.	1.	8,366.	73.	5,267.9
162	A33.1294	Que hàn	kg	2.	8,293.	1.	8,366.	73.	146.
163	A24.0352	Sikaproof Membrane	kg	145.9884	17,800.	1.	45,523.	27,723.	4,047,236.4
164	A24.0582	Sơn ICI Dulux cao cấp Weather Shield ngoài nhà	kg	115.0099	80,800.	1.	112,815.	32,015.	3,682,042.
165	A24.0583	Sơn ICI Dulux Supreme cao cấp trong nhà	kg	208.9273	47,827.	1.	49,175.	1,348.	281,634.
166	A24.0594	Sơn lót ICI Dulux Sealer-2000, chống kiềm	kg	262.5398	37,800.	1.	64,635.	26,835.	7,045,255.6
167	A24.05763	Sơn tổng hợp (sơn sắt thép)	kg	4.7196	31,030.	1.	65,085.	34,055.	160,726.
168	A24.0687	Tấm thạch cao 9mm (bao gồm khung xương, phụ kiện)	m2	15.5261	23,973.	1.	190,000.	166,027.	2,577,751.8

169	A33.03880 2	Tê nhựa PPR, đường kính d=25mm (định mức x1,5)	cái	8.	909.	1.	12,000.	11,091.	88,728.
170	A33.03880 2	Tê nhựa ren trong, đường kính d=25mm	cái	46.	909.	1.	58,000.	57,091.	2,626,186.
171	A33.03880 2	Tê nhựa, đường kính d=25x20mm	cái	30.	909.	1.	13,000.	12,091.	362,730.
172	A33.03880 3	Tê nhựa, đường kính d=32x25mm (định mức x1,5)	cái	6.	1,273.	1.	22,000.	20,727.	124,362.
173	A33.03880 4	Tê nhựa, đường kính d=40x25mm (định mức x1,5)	cái	2.	2,000.	1.	52,000.	50,000.	100,000.
174	A33.03881 0	Tê, đường kính d=110mm (NCx1,5)	cái	8.	0.	1.	127,900.	127,900.	1,023,200.
175	A33.03882 5	Tê, đường kính d=76mm (NCx1,5)	cái	4.	7,000.	1.	50,000.	43,000.	172,000.
176	A33.1175	Tủ điện 300x400x150mm	cái	1.	37,500.	1.	1,863,000.	1,825,500.	1,825,500.
177	A33.1176	Tủ điện 600x400x180mm	cái	1.	41,000.	1.	2,331,000.	2,290,000.	2,290,000.
178	A33.1176	Tủ điện 600x700x200mm, giá bao gồm phụ kiện đồng thanh cái, cầu đấu dây	cái	1.	41,000.	1.	2,200,000.	2,159,000.	2,159,000.
179	A24.0712	Thép hình	kg	453.0061	7,578.	1.	14,607.	7,029.	3,184,179.9
180	A24.0726	Thép tấm	kg	115.2768	7,578.	1.	14,937.	7,359.	848,322.
181	A24.0735	Thép tròn	kg	22.3987	8,049.	1.	13,087.	5,038.	112,844.7
182	A24.0738	Thép tròn D<=10mm	kg	6,070.5015	8,049.	1.	13,107.	5,058.	30,704,596.6
183	A24.0739	Thép tròn D<=18mm	kg	4,160.6079	8,339.	1.	13,457.	5,118.	21,293,991.2
184	A24.0740	Thép tròn D>10mm	kg	901.848	8,239.	1.	13,457.	5,218.	4,705,842.8
185	A24.0742	Thép tròn D>18mm	kg	2,919.6015	8,339.	1.	13,457.	5,118.	14,942,520.5
186	A33.1318	Thùng đun nước nóng thường 30L	bộ	1.	0.	1.	2,950,000.	2,950,000.	2,950,000.
187	A33.1453	van cửa bằng nhựa, đường kính van	cái	3.	54,000.	1.	220,000.	166,000.	498,000.

		d=20mm							
188	A33.1453	van cửa bằng nhựa, đường kính van d=25mm	cái	8.	54,000.	1.	345,000.	291,000.	2,328,000.
189	A33.1454	van cửa bằng nhựa, đường kính van d=32mm	cái	3.	82,000.	1.	355,000.	273,000.	819,000.

190	A33.1456	van cửa bằng nhựa, đường kính van d=50mm	cái	1.	145,000.	1.	713,000.	568,000.	568,000.
191	A33.1453	van phao bằng đồng ren ngoài, đường kính van d=25mm	cái	1.	54,000.	1.	238,500.	184,500.	184,500.
192	A33.1476	Vòi rửa 1 vòi	cái	3.	35,000.	1.	950,000.	915,000.	2,745,000.
193	A33.1478	Vòi rửa vệ sinh	cái	2.	78,000.	1.	230,000.	152,000.	304,000.
194	A33.1479	Vòi tắm hương sen 1 vòi, 1 hương sen	bộ	1.	149,350.	1.	3,320,000.	3,170,650.	3,170,650.
195	A24.0790	Xăng A90	kg	2.4752	13,268.	1.	18,585.	5,317.	13,160.6
196	A24.0797	Xi măng PC30 Hoàng Thạch	kg	72,326.4909	868.	1.	1,745.	877.	63,430,332. 5
197	A24.0798	Xi măng trắng	kg	43.3396	1,228.	1.	2,285.	1,057.	45,810.
198	A33.03881 0	Y đều, đường kính d=110mm	cái	10.	0.	1.	57,900.	57,900.	579,000.
199	A33.03882 2	Y đều, đường kính d=60mm	cái	20.	4,000.	1.	16,900.	12,900.	258,000.
200	A33.03880 9	Y đều, đường kính d=90mm	cái	16.	10,000.	1.	35,400.	25,400.	406,400.
201	A33.03881 0	Y thu, đường kính d=110x60mm	cái	2.	0.	1.	36,100.	36,100.	72,200.
202	A33.03881 0	Y thu, đường kính d=110x90mm	cái	8.	0.	1.	54,000.	54,000.	432,000.
203	A33.03882 2	Y thu, đường kính d=60x48mm	cái	6.	4,000.	1.	9,800.	5,800.	34,800.
204	A33.03880 9	Y thu, đường kính d=90x60mm	cái	4.	10,000.	1.	20,600.	10,600.	42,400.
205	Z999	Vật liệu khác	%						16,386,438.
		TỔNG VẬT LIỆU							606,721,935.
II.)		II.) NHÂN CÔNG							
1	TT	Nhân công lắp đặt hệ thống điện nhẹ	trọn gói	1.	10,000,000.	1.	10,000,000.	0.	0.
2	TT	Nhân công lắp đặt hệ thống PCCC	trọn gói	1.	2,000,000.	1.	2,000,000.	0.	0.

3	N24.0005	Nhân công 3,0/7	công	334.6942	54,027.7	1.	178,948.	124,920.3	41,810,099. 9
4	N33.0001	Nhân công 3,5/7	công	0.84	61,660.4	1.	219,542.	157,881.6	132,620.6
5	N24.0008	Nhân công 3,5/7	công	868.1678	58,280.2	1.	195,103.	136,822.8	118,785,149 .3
6	N33.0001	Nhân công 3,5/7	công	448.069	61,660.4	1.	219,542.	157,881.6	70,741,850. 6

Phụ lục 07**BẢNG TÍNH ĐƠN
GIÁ NHÂN CÔNG**

(Theo Thông tư
05/2016/TT-BXD. Mức lương
2.154.000 đ/tháng.)

**CÔNG TRÌNH : TRẠM
RADA DỰ BÁO THỜI TIẾT
PLEIKU**

Đơn vị tính : đồng

STT	Mã số	Tên nhân công	Đơn vị	Hệ số lương (HCB)	Lương tối thiểu vùng (LNC)	Lương CB (LNC x HCB)	Đơn giá nhân công (đ/công)
1	N0003	Bậc thợ 3,5/7 Nhóm I	công	2.355	2,154,000.	5,072,670.	195,103
2	N0001	Bậc thợ 4/7 Nhóm I	công	2.55	2,154,000.	5,492,700.	211,258
3	N2004	Công nhân 4,0/7	Công	2.55	2,154,000.	5,492,700.	211,258
4	N2005	Công nhân 5,0/7	Công	3.01	2,154,000.	6,483,540.	249,367
5	N2001	Kỹ sư bậc 3,0/8	Công	2.96	2,154,000.	6,375,840.	245,225
6	N2002	Kỹ sư bậc 4,0/8	Công	3.27	2,154,000.	7,043,580.	270,907
7	N24.000 1	Nhân công 2,5 /7	công	1.995	2,154,000.	4,297,230.	165,278
8	N24.000 2	Nhân công 2,7 /7	công	2.061	2,154,000.	4,439,394.	170,746
9	N24.000 5	Nhân công 3,0/7	công	2.16	2,154,000.	4,652,640.	178,948
10	N24.000 8	Nhân công 3,5/7	công	2.355	2,154,000.	5,072,670.	195,103
11	N33.000 1	Nhân công 3,5/7	công	2.65	2,154,000.	5,708,100.	219,542
12	N33.000 1	Nhân công 3,5/7	công	2.65	2,154,000.	5,708,100.	219,542
13	N33.000 1	Nhân công 3,5/7	công	2.65	2,154,000.	5,708,100.	219,542
14	N24.000 9	Nhân công 3,7/7	công	2.433	2,154,000.	5,240,682.	201,565
15	N33.000 2	Nhân công 4,0/7	công	2.86	2,154,000.	6,160,440.	236,940
16	N24.001 0	Nhân công 4,0/7	công	2.55	2,154,000.	5,492,700.	211,258
17	N24.001 2	Nhân công 4,5/7	công	2.78	2,154,000.	5,988,120.	230,312

18	N33.000 1	Nhân công 4/7	công	2.65	2,154,000.	5,708,100.	219,542
----	--------------	---------------	------	------	------------	------------	---------

Phụ lục 08

**BẢNG TÍNH ĐƠN
GIÁ CA MÁY**
(Theo Định mức
1134/2015/QĐ-BXD, Thông
tư 05/2016/TT-BXD. Mức
lương 2.154.000 đ/tháng.)
**CÔNG TRÌNH : TRẠM
RADA DỰ BÁO THỜI
TIẾT PLEIKU**

Đơn vị tính : đồng

STT	Mã số	Tên máy và thiết bị thi công / Diễn giải	Đơn vị	Nguyên giá	Số ca / 1 năm	Định mức	Đơn giá	Hệ số	Số ngày / tháng	Chi phí
1	M3002	Bộ nguồn AC - DC	Ca							
2	M24.004 1	Cần trục bánh hơi 16T	ca	900,600,000.						1,878,763.
		<i>* Nhiên liệu, năng lượng :</i>								<i>617,393.7</i>
		- Diezel	Lít			33.	17,818.	1.05		617,393.7
		<i>* Nhân công vận hành máy :</i>								<i>428,314.6</i>
		- Nhân công bậc 3 - Nhóm I				1.				178,947.7
		Lương cơ bản				2.16	2,154,000.		26	178,947.7
		- Nhân công bậc 5 - Nhóm I				1.				249,366.9
		Lương cơ bản				3.01	2,154,000.		26	249,366.9
		<i>* Khấu hao, Sửa chữa và Chi phí khác</i>								<i>833,055.</i>
		- Khấu hao			200	10.00%	900,600,000.	90.00 %		405,270.
		- Sửa chữa			200	4.50%	900,600,000.			202,635.
		- Chi phí khác			200	5.00%	900,600,000.			225,150.
3	M33.003 4	Cần trục bánh hơi 6T	ca							

**BẢNG BÙ
GIÁ
NHIÊN
LIỆU VÀ
LƯƠNG
THỢ LÁI
MÁY
HẠNG
MỤC
CÔNG
TRÌNH :
TRÌNH :
TRẠM
RADA
DỰ BÁO
THỜI
TIẾT
PLEIKU**

**HẠNG
MỤC:
NHÀ
LÀM
VIỆC**

BẢNG I.) MỨC LƯƠNG, SỐ NGÀY LÀM VIỆC

STT	LOẠI LƯƠNG	GỐC	HIỆN TẠI
1.)	Lương tối thiểu chung (LTC)	450,00 0	450,000
2.)	Mức lương đầu vào (LNC)	450,00 0	2,154,00 0
3.)	Số ngày làm việc / tháng	26	26

STT	Mã số	Tên máy thi công / công tác	Đơn vị	Hệ số	Tổng KL (ca)	Nhiên liệu					Lương thợ lái máy				Bù 1 ca	Tổng bù
						Loại	Đ.M	K.L	Giá gốc	Giá H.T	Bù N.L	Gốc	Hiện tại	Bù lương		
1	M24.0053	Cầu tháp 25T	ca		0.0686	Điện	120.	8.232	895.	1,500.	72,600.	145,783	473,880.	328,097.	400,697.	27,487.8
		* Nhân công lái máy :														
		1. Nhân công bậc 3 - Nhóm I		2.16	1.								178,948.			
		+ Lương cơ bản (LCB) = LNC x 2.16											4,652,640.			
		2. Nhân công bậc 6 - Nhóm I		3.56	1.								294,932.			
		+ Lương cơ bản (LCB) = LNC x 3.56											7,668,240.			
2	M24.0018	Đảm bàn 1Kw	ca		2.2441	Điện	5.	11.2205	895.	1,500.	3,025.	57,299.	178,948.	121,649.	124,674.	279,780.9
		* Nhân công lái máy :														
		1. Nhân công bậc 3 - Nhóm I		2.16	1.								178,948.			

		+ Lương cơ bản (LCB) = LNC x 2.16											4,652,640.		
3	M24.0019	Đảm cóc	ca	6.7867	XăngA92	3.	20.3601	10,000.	18,500.	25,500.	0.	178,948.	178,948.	204,448.	1,387,527.2
		* Nhân công lái máy :													
		1. Nhân công bậc 3 - Nhóm I		2.16		1.						178,948.			
		+ Lương cơ bản (LCB) = LNC x 2.16											4,652,640.		
4	M24.0020	Đảm dùi 1,5 KW	ca	11.4289	Điện	7.	80.0023	895.	1,500.	4,235.	57,299.	178,948.	121,649.	125,884.	1,438,715.6
		* Nhân công lái máy :													
		1. Nhân công bậc 3 - Nhóm I		2.16		1.						178,948.			
		+ Lương cơ bản (LCB) = LNC x 2.16											4,652,640.		
		...													
		TỔNG CỘNG													22,649,744

BẢNG TỔNG HỢP NHIÊN LIỆU

STT	Tên nhiên liệu	Đơn vị	KL	Giá gốc	Giá HT	Tiền gốc	Tiền HT
1	Diesel	Lít	131	7,818	17,818	1,024,158. 2,334,158.	
2	Điện	KWh	1,754	895.	1,500.	1,569,830. 2,631,000.	
3	XăngA92	Lít	20	10,000	18,500	200,000. 370,000.	
	TỔNG CỘNG					2,793,988	5,335,158

BẢNG TỔNG HỢP THỢ MÁY

STT	Tên thợ máy	Đơn vị	Số ca	Lương gốc	Lương HT	Tiền gốc	Tiền HT
1	Nhân công bậc 3 - Nhóm	ca	119	0.	178,948	0. 21294812	

	2	Nhân công bậc 6 - Nhóm	ca	0	0.	294,932	0.	0		
--	---	---------------------------	----	---	----	---------	----	---	--	--

3	Nhân công bậc 4 - Nhóm I	ca	26	0.	211,258.	0.	5492708		
4	2. Xe tải, xe cầu từ 3,5 tấn đến dưới 7,5 tấn, xe khách từ 20 ghế đến dưới 40 ghế - bậc II	ca	3	0.	212,915.	0.	638745		
TỔNG CỘNG						0	27,426,265		

Phụ lục 10

CÔNG TRÌNH : TRẠM RADA DỰ BÁO THỜI TIẾT PLEIKU

CHỈ SỐ GIÁ BÌNH QUÂN

STT	Thời điểm	Chỉ số giá XD	Tỷ lệ (Isau / Itrước)	Chỉ số giá XD bình quân
1	2012	105. %	1.	1.00952
2	2013	105. %	1.	
3	2014	105. %	1.	
4	2015	105. %	1.04762	
5	2016	110. %	1.	

CHI PHÍ DỰ PHÒNG DO YẾU TỐ TRƯỢT GIÁ

STT	Năm	Vốn phân bổ từng năm	Chỉ số giá XD bình quân	Mức biến động chỉ số giá XD	Dự phòng từng năm	Dự phòng lũy kế
		(đồng)			(đồng)	(đồng)
1	2017	3,326,416,560	1.00952	0.05	197,988,314	197,988,314
2	2018	3,326,416,560	1.00952	0.05	407,760,892	605,749,206
3	2019	8,264,300,562	1.00952	0.05	1,565,248,184	2,170,997,390
TỔNG CỘNG		14,917,133,682				2,170,997,390

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 621

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Công trình: TRẠM RADA DỰ
BẢO THỜI TIẾT

PLEIKU

Quý I năm 2016

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
1290	31/03	Xi măng Chifon và xi măng Vinaconex PC40 (HĐ 2)	331	123.636.364	
1291	31/03	Thép phi 32	331	2.320.000	
1294	31/03	Gối cầu cao su GJZ	331	54.000.000	
1295	31/03	Xi măng Chifon và xi măng Vinaconex PC40 (HĐ 28)	331	174.090.909	
1297	31/03	Đá 1x2 (HĐ 1991)	152	81.245.454	
142		Kết chuyển CPNLVLT vào giá thành công trình	154		425.292.737
		Cộng		425.292.727	425.292.737

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 622

Chi phí nhân công trực tiếp

Công trình: TRẠM RADA DỰ BÁO THỜI TIẾT

PLEIKU

Quý I năm 2016

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
1398	31/01	Lương CN và lái máy T1.15 (Pleiku)	3341	12.128.190	
1413	28/02	Lương CN và lái máy T2.15 (Pleiku)	3341	20.152.687	
1426	31/03	Lương CN và lái máy T3.15 (Pleiku)	3341	39.608.800	
161		Kết chuyển CPNCTT vào giá thành công trình	154		72.345.790
		Cộng		72.345.790	72.345.790

Ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

CÔNG TY CPXD SỐ 4 THĂNG LONG

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 623

Chi phí sử dụng máy thi công

Công trình: TRẠM RADA DỰ
BẢO THỜI TIẾT

PLEIKU

Quý I năm 2016

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
2178	31/03	Dầu DO 0.05S	141	13.635.560	
2178	31/03	Dầu DO 0.05S	141	9.096.726	
2178	31/03	Dầu DO 0.05S	141	13.641.731	
2178	31/03	Dầu DO 0.05S	141	13.627.667	
2178	31/03	Dầu DO 0.05S	141	13.641.731	
1425	31/03	Trích khấu hao máy thi công	141	41.100.000	
172		Kết chuyển CPSDMTC vào giá thành công trình	154		104.743.415
		Cộng		104.743.415	104.743.415

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phụ lục 14**CÔNG TY CPXD SỐ 4 THĂNG LONG
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 627**

Chi phí sản xuất chung

Công trình: TRẠM RADA DỰ
BẢO THỜI TIẾT

PLEIKU

Quý I năm 2016

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		
2180	31/03	Điện	141	3.701.610	
2178	31/03	Điện	141	411.249	
2178	31/03	Điện	141	2.952.840	
2178	31/03	Điện	141	33.072	
2178	31/03	Vận chuyển lan can, vật tư	141	1.818.182	
1427	31/03	Lương QL T3.15 (Plaiku)	3341	15.279.820	
1427	31/03	Các khoản trích theo lương	3383	2.541.568	
1427	31/03	Các khoản trích theo lương	3384	423.595	
1427	31/03	Các khoản trích theo lương	3386	141.198	
172		Kết chuyển CPXC vào giá thành công trình	154		57.179.943
		Cộng		57.179.943	57.179.943

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phụ lục số 16

Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành

Công ty CPXD số 4 Thăng Long

Công trình: ...

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG XÂY LẮP HOÀN THÀNH

Ngày tháng năm 2016

Họ và tên đội trưởng đội xây dựng

Họ và tên nhân viên kỹ thuật: Phạm Văn Công – Nhân viên kỹ

thuật Xác nhận khối lượng xây lắp hoàn thành trong tháng/ quý

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
4					
				
	Tổng cộng				

Đội trưởng đội xây dựng

Nhân viên kỹ thuật

Phụ lục 17. Báo cáo chi phí sản xuất

BÁO CÁO CHI PHÍ SẢN XUẤT

Công trình, hạng mục công trình

Chỉ tiêu	Dự toán	Thực hiện	Chênh lệch	Ghi chú
A	1	2	$3 = 2 - 1$	B
1. Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp				
2. Chi phí nhân công trực tiếp				
3. Chi phí máy thi công				
4. Chi phí sản xuất chung				
Tổng cộng				